

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Phương án ứng phó thiên tai tỉnh Bình Định năm 2021**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;*

*Căn cứ Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 3704/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2018 ban hành phương án ứng phó lũ lụt năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Định; số 3741/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 ban hành Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Định; số 1923/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 thành lập Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ các Quyết định của Trưởng ban Ban Chỉ huy về Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh: Số 169/QĐ-BCH ngày 29/7/2021 Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh; số 172/QĐ-BCH ngày 02/8/2021 phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18/02/2020 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai;*

*Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-TWPCTT ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai về việc ban hành tạm thời Sổ tay hướng dẫn công tác phòng, chống thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19;*

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 284/TTr-SNN ngày 06 tháng 10 năm 2021,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2021.

**Điều 2.** Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban chỉ đạo QG về PCTT (báo cáo);
- UBQG UPSCTT và TKCN (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TV BCH PCTT, TKCN và PTDS tỉnh;
- VPTT về PCTT tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K19.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

**PHƯƠNG ÁN**

**Ứng phó thiên tai tỉnh Bình Định năm 2021**

*(Kèm theo Quyết định số: 4172/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**PHẦN I**

**CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA PHƯƠNG ÁN**

**I. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ Nghị định số 66/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật đê điều;

- Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

- Căn cứ Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước;

- Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai;

- Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-TWPCTT ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai về việc ban hành tạm thời Sổ tay hướng dẫn công tác phòng, chống thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19;

- Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 3704/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2018 ban hành phương án ứng phó lũ lụt năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Định; số 3741/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 ban hành Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Định và số 1923/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 thành lập Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh Bình Định;

- Căn cứ các Quyết định của Trưởng ban Ban Chỉ huy về Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh: Số 169/QĐ-BCH ngày 29/7/2021 Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh; số 172/QĐ-BCH ngày 02/8/2021 phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh;

- Căn cứ các Quyết định của Giám đốc các sở, ngành, Thủ tướng các đơn vị và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố về việc ban hành Phương án ứng phó thiên tai năm 2021 trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19.

## **II. MỤC ĐÍCH**

1. Chủ động ứng phó trước mọi tình huống thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh. Huy động các nguồn lực để chủ động ứng phó có hiệu quả trước tình huống thiên tai có thể xảy ra.

2. Thường xuyên quán triệt và thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phương án ứng phó với thiên tai sát với tình hình thực tế của địa phương, nhằm nâng cao năng lực ứng phó thiên tai của các tổ chức, đơn vị, góp phần hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra.

3. Bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm trên địa bàn; Bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản, nhà cửa của nhân dân, các công trình giao thông, thông tin liên lạc hoạt động thông suốt, bảo đảm an ninh trật tự trong thời gian xảy ra thiên tai.

4. Xác định cụ thể những khu vực nguy hiểm, số hộ dân, số người dân cần phải sơ tán, địa điểm sơ tán đến, hậu cần nơi đến sơ tán, phương tiện và nhân lực thực hiện để chủ động triển khai ứng phó thiên tai trong điều kiện dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực xử lý các tình huống, sự cố do thiên tai gây ra.

## **III. YÊU CẦU**

1. Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “04 tại chỗ” (Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ) + 5K (khẩu trang, khử khuẩn, khoảng cách, không tập trung, khai báo y tế) + Vắc xin; bảo đảm nguyên tắc phòng ngừa, chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương, có hiệu quả sau thiên tai.

2. Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai đạt hiệu quả của các cấp, các ngành.

3. Xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành trong hoạt động phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

4. Tăng cường thông tin, tuyên truyền, cảnh báo, hướng dẫn các biện pháp phòng tránh và ứng phó thiên tai kịp thời đến cộng đồng dân cư.

5. Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, tránh thiên tai của người dân.

## PHẦN II TÌNH HÌNH CHUNG

### I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ DÂN SINH - KINH TẾ - XÃ HỘI

#### 1. Điều kiện tự nhiên

##### *a. Vị trí địa lý*

Bình Định là tỉnh duyên hải Nam Trung bộ, diện tích tự nhiên 6.025 km<sup>2</sup> với 11 đơn vị hành chính gồm thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn và 8 huyện. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi, điểm cực Bắc 14<sup>0</sup>42'10" vĩ độ, 108<sup>0</sup>55'4" kinh độ. Phía Nam giáp tỉnh Phú Yên, điểm cực Nam 13<sup>0</sup>39'10" vĩ độ, 108<sup>0</sup>54'00" kinh độ. Phía Tây giáp tỉnh Gia Lai, điểm cực Tây 14<sup>0</sup>27' vĩ độ, 108<sup>0</sup>27' kinh độ. Phía Đông giáp Biển Đông với bờ biển dài 134 km, điểm cực Đông là xã Nhơn Châu thuộc thành phố Quy Nhơn. Bình Định có vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của miền Trung, là một trong những cửa ngõ ra biển của các tỉnh Tây Nguyên, vùng Nam Lào và Đông Bắc Campuchia.

##### *b. Đặc điểm địa hình*

- Địa hình của tỉnh thấp dần từ Tây sang Đông, với độ chênh lệch khoảng 1.000m. Các dạng địa hình phổ biến: Vùng núi đồi và trung du, vùng đồng bằng và vùng ven biển.

- Vùng núi đồi và trung du diện tích 4.200 km<sup>2</sup> với độ cao trung bình 500 - 1.000 m. Các dãy núi chạy theo hướng Bắc - Nam, có sườn dốc đứng. Nhiều khu vực núi ăn ra sát biển tạo thành các mỏm núi đá dọc theo bờ, vách núi dốc đứng và dưới chân là các dải cát hẹp. Vùng đồi tiếp giáp giữa miền núi phía Tây và đồng bằng phía Đông, có diện tích 1.600 km<sup>2</sup>, có độ cao dưới 100m, độ dốc tương đối lớn từ 100 - 150. Vùng đồng bằng diện tích khoảng 1.000 km<sup>2</sup>, được ngăn cách với biển bởi các đầm phá, đồi cát hay dãy núi. Vùng ven biển gồm các cồn cát tạo thành một dãy hẹp chạy dọc ven biển, độ cao vài chục mét. Bình Định còn có 33 đảo lớn nhỏ, trong đó đảo Nhơn Châu là đảo lớn nhất diện tích 3,64 km<sup>2</sup> có trên 2.000 dân.

##### *c. Mạng lưới sông ngòi*

- Bình Định có khá nhiều sông, các sông suối không lớn, độ dốc cao; có 4 sông lớn là Lại Giang, La Tinh, Kôn và Hà Thanh.

- Sông Lại Giang gồm nhánh An Lão bắt nguồn từ vùng núi phía Bắc An Lão và nhánh Kim Sơn từ vùng núi huyện Hoài Ân, chảy ra biển qua cửa An Dũ. Diện tích lưu vực là 1.402 km<sup>2</sup>, chiều dài sông chính là 85 km.

- Sông La Tinh bắt nguồn từ vùng núi cao phía Tây huyện Phù Mỹ, Phù Cát chảy vào đầm Nước Ngọt rồi thông qua biển; diện tích lưu vực là 780 km<sup>2</sup>, chiều dài sông chính là 52 km.

- Sông Kôn là sông lớn nhất, tổng diện tích lưu vực là 3.067 km<sup>2</sup>, chiều dài sông chính 178 km. Sông bắt nguồn từ vùng núi của dãy Trường Sơn thuộc huyện Kơ Bang (tỉnh Gia lai) và huyện Vĩnh Thạnh, chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam đến Bình Thạnh sông chia thành hai nhánh chính. Nhánh Đập Đá chảy ra cửa An Lợi rồi đổ vào đầm Thị Nại. Nhánh Tân An có nhánh rẽ sông Gò Chàm cách ngã ba về phía hạ lưu khoảng 2 km, sau khi chảy trên vùng đồng bằng rồi nhập với sông Tân An cùng đổ vào đầm Thị Nại tại cửa Tân Giảng. Các nhánh sông Đập Đá và Tân An sau khi đổ vào đầm Thị Nại được thông ra biển qua cảng Quy Nhơn.

- Sông Hà Thanh bắt nguồn từ những đỉnh núi cao phía Tây Nam huyện Vân Canh chảy theo hướng Tây Nam - Đông Bắc. Khi chảy về đến Diêu Trì sông chia thành hai nhánh, nhánh Hà Thanh và Trường Úc đổ vào đầm Thị Nại qua hai cửa Hung Thạnh và Trường Úc rồi thông ra biển qua cảng Quy Nhơn. Diện tích lưu vực 539 km<sup>2</sup>, chiều dài sông chính là 58 km.

#### *d. Khí hậu*

- Bình Định thuộc khí hậu duyên hải Nam Trung Bộ - miền khí hậu Đông Trường Sơn. Có hai mùa rõ rệt, mùa khô từ tháng 1 - 8, mùa mưa từ tháng 9 - 12, thường xuất hiện nắng nóng và khô hạn. Mùa mưa thường chịu ảnh hưởng các cơn bão với tần suất trung bình từ 1 - 2 cơn/năm, thường gây ra lũ lụt.

- Khí hậu Bình Định được phân thành ba vùng chính: Vùng 1 là vùng núi phía Tây Bắc của tỉnh bao gồm huyện An Lão, Vĩnh Thạnh, các xã phía Tây huyện Hoài Ân và các xã vùng núi phía Tây thị xã Hoài Nhơn. Vùng này có tổng lượng mưa năm từ 2.200 mm trở lên, nhiệt độ trung bình năm dưới 26<sup>0</sup>C. Vùng 2 là vùng núi phía Nam tỉnh bao gồm huyện Tây Sơn, Vân Canh và các xã phía Tây huyện Phù Cát, có tổng lượng mưa năm từ 1.800 - 2.100 mm, nhiệt độ trung bình năm dưới 26<sup>0</sup>C. Vùng 3 là vùng đồng bằng ven biển, có tổng lượng mưa năm từ 1.700 - 2.200 mm, nhiệt độ trung bình năm trên 26<sup>0</sup>C.

- Chế độ nhiệt: Tổng lượng bức xạ hàng năm khá cao từ 140 đến 150 cal/cm<sup>2</sup>. Nhiệt độ trung bình hàng năm là 27,1<sup>0</sup>C. Trung bình cao nhất là 34,6<sup>0</sup>C, trung bình thấp nhất là 19,9<sup>0</sup>C. Biên độ nhiệt ngày đêm trung bình 5 - 8<sup>0</sup>C.

- Số giờ nắng: Bình Định là tỉnh nằm trong vùng có số giờ nắng khá cao; trung bình hàng năm có số giờ nắng 2.200 - 2.400 giờ. Thời kỳ nhiều nắng là từ tháng 3 đến tháng 9 và tháng ít nắng là tháng 11 và tháng 12.

- Bốc hơi: Lượng bốc hơi tiềm năng trong năm và tăng dần từ Bắc vào Nam tỉnh. Tại Hoài Nhơn là 1.029 mm và tăng dần đến Quy Nhơn là 1.131 mm. Bốc hơi tập trung trong các tháng mùa hạ từ tháng 6 - 8 và tháng có lượng bốc hơi ít là tháng 10, tháng 11.

- Chế độ ẩm: Độ ẩm trong khu vực khá thấp, trung bình hàng năm khoảng 79%. Từ tháng 10 - 12 hàng năm tương đối ẩm và từ tháng 1 - 9 là thời kỳ khô.

- Chế độ mưa: Lượng mưa bình quân hàng năm từ 1.800 - 3.300 mm. Lượng mưa giảm dần từ Bắc đến Nam tỉnh, cao nhất vùng núi huyện An Lão 3.300 mm, thấp nhất tại huyện Tuy Phước với lượng mưa dưới 1.700 mm.

+ Mùa mưa ngắn, chỉ tập trung vào 4 tháng từ tháng 9 - 12, chiếm 70% đến 80% tổng lượng mưa năm. Do mùa mưa ngắn, cường độ mưa lớn nên thường gây ngập, lụt làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân.

+ Mùa khô kéo dài từ tháng 1 - 8, lượng mưa 20% đến 30% tổng lượng mưa năm. Mùa khô thường xảy ra khô hạn, thiếu nước cho sản xuất, sinh hoạt.

- Gió, bão: Hướng gió mùa Đông là hướng Tây Bắc, sau đó đổi sang hướng Bắc và Đông Bắc. Mùa Hạ là hướng Tây hoặc Tây Nam. Bão thường tập trung vào tháng 9, 10, 11. Nhiều nhất là tháng 10 chiếm 47% tổng số cơn bão đổ bộ.

## **2. Dân số và Lao động**

- Dân số trung bình của Bình Định năm 2020 (theo Niên giám thống kê) là 1.487.903 người, bao gồm dân số thành thị 599.852 người, chiếm 40,32%; dân số nông thôn 888.052 người, chiếm 59,68%; dân số nam 732.807 người, chiếm 49,25%, dân số nữ 755.096 người, chiếm 50,75%.

Cộng đồng dân cư gồm nhiều dân tộc cùng chung sống. Trong đó, người Kinh chiếm 97,2%; dân tộc khác chiếm 2,1%.

Lao động và việc làm: Theo niên giám thống kê năm 2020, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2020 là 869,135. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc đã qua đào tạo đạt 24,7%; tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi là 2,85%.

## **3. Tình hình kinh tế - xã hội**

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2020 (theo giá so sánh 2010) ước đạt 49.658,1 tỷ đồng, tăng 3,59% so với năm 2010. Trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 13.705,2 tỷ đồng, tăng 3,33%; khu vực công nghiệp và xây dựng ước đạt 14.178,1 tỷ đồng, tăng 8,81%; khu vực dịch vụ ước đạt 19.563,8 tỷ đồng, tăng 9,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước đạt 2.211 tỷ đồng, tăng 2,27% (Nguồn tài liệu Niên giám thống kê tỉnh Bình Định năm 2020 của Cục Thống kê Bình Định).



- Tổng sản phẩm trong tỉnh theo giá hiện hành ước đạt 89.925 tỷ đồng. Trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 26.696 tỷ đồng, chiếm 29,7%; khu vực công nghiệp và xây dựng ước đạt 25,415,2 tỷ đồng, chiếm 28,3%; khu vực dịch vụ ước đạt 33.841 tỷ đồng, chiếm 37,6%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước đạt 3.973 tỷ đồng, chiếm 4,4%.

## **II. ĐẶC ĐIỂM CƠ SỞ HẠ TẦNG, CÔNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI**

### **1. Nhà ở, khu đô thị, kinh tế, công nghiệp**

Toàn tỉnh có 246.270 nhà kiên cố trên tổng số 392.850 nhà, chiếm 63%, bảo đảm cho khoảng 1.230.000 người dân trú tránh an toàn; còn 37% là nhà bán kiên cố và đơn sơ tập trung vùng nông thôn, ven biển. Nhà bán kiên cố chỉ chịu được gió bão cấp 8, nhà đơn sơ chỉ chịu được gió bão cấp 6. Vì vậy, vùng nông thôn và ven biển khi xảy ra gió bão cấp 6 trở lên, các hộ gia đình nhà đơn sơ phải thực hiện sơ tán trước về nơi trú tránh an toàn. Vùng ven biển Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước và thành phố Quy Nhơn có hơn 36.000 người dân với 8.060 hộ cần có nhà ở kiên cố hoặc tái định cư về nơi an toàn. Cả tỉnh có 210.809 người cao tuổi, 755.105 phụ nữ là đối tượng đặc biệt quan tâm khi có thiên tai xảy ra

### **2. Cơ sở giáo dục, đào tạo**

Toàn tỉnh có 625 trường học và 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên; trong đó: có 214 trường mầm non, 208 trường tiểu học, 149 trường Trung học cơ sở; 54 trường Trung học phổ thông. Trường Đại học Quy Nhơn, Đại học Quang Trung, Trường Cao đẳng Bình Định, Cao đẳng kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn, Cao đẳng Y tế, Cao đẳng Nghề Cơ điện - Xây dựng và Nông lâm Trung bộ (thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT), 11 Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp- Giáo dục Thường xuyên và một số sở Trung tâm đào tạo nghề phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh và khu vực. Hiện có 8.991 cán bộ giáo viên nữ, 60.236 học sinh mầm non, 122.742 học sinh tiểu học và 94.700 học sinh trung học cơ sở là đối tượng dễ bị tổn thương bởi mưa bão, lũ lụt.

### **3. Hệ thống bệnh viện, trung tâm y tế**

Trên địa bàn tỉnh hiện có 1.737 cơ sở y tế (193 cơ sở y tế công lập, 1.544 cơ sở y tế ngoài công lập) với tổng số giường bệnh kế hoạch: 5.090, giường bệnh thực kê: 7.510; trong đó, cơ sở khám chữa bệnh công lập thuộc tỉnh gồm: 06 bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh; 11 Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố; 05 Phòng khám đa khoa khu vực; 159 Trạm y tế xã, phường, thị trấn. Các cơ sở đủ điều kiện đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh nhân dân trong tỉnh và các tỉnh lân cận.

#### 4. Hệ thống đường giao thông:

Bình Định có đủ các loại hình giao thông gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường hàng không và đường biển, cụ thể như sau:

- Giao thông đường bộ: Mạng lưới đường bộ hiện nay trên địa bàn tỉnh dài 10.165km. Trong đó:

+ Quốc lộ có 05 tuyến (QL1A, QL1D, QL19, QL19B và QL19C) dài 305,9km; cụ thể: QL.1 dài 118,3km (giáp Quảng Ngãi tại Km1125+000 thuộc thị xã Hoài Nhơn, giáp Phú Yên tại Km 1243+300 thuộc thành phố Quy Nhơn); QL.1D dài 21,6km (điểm đầu giáp QL1A tại Km 1121+300 thuộc thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, giáp Phú Yên tại Km 21+600 thuộc thành phố Quy Nhơn); QL19 dài 67,0km (điểm đầu tại cảng Quy Nhơn đến giáp Gia Lai tại Km67+000 thuộc huyện Tây Sơn); QL19B dài 59,7km (có điểm đầu tại cảng nước sâu Nhơn Hội thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội, điểm cuối giao với QL19 tại Km41+120 thuộc thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, hiện tại có 1,6km đầu tuyến thuộc khu kinh tế Nhơn Hội chưa được xây dựng); QL19C dài 39,3km (điểm đầu giáp QL1A tại Km 1220+550, điểm cuối giáp Phú Yên tại Km39+300 thuộc huyện Vân Canh).

+ Đường tỉnh có 11 tuyến dài 446,4km; cụ thể: tuyến ĐT 629 (Bồng Sơn - An Lão), ĐT 630 (Hoài Đức - Kim Sơn), ĐT 631 (Nhơn Hưng - Phước Thắng), ĐT 632 (Phù Mỹ - Bình Dương), ĐT 633 (Chợ Gồm - Đền Gi), ĐT 634 (Hòa Hội-Hội Sơn), ĐT 636B (Gò Bồi-Bình Nghi), ĐT 637 (Vườn Xoài - Vĩnh Sơn), ĐT 638 (Chương Hòa - Long Vân), ĐT 639 (Quy Nhơn - Tam Quan), ĐT 640 (Ông Đô - Cát Tiến).

+ Đường giao thông nông thôn gồm có 54 tuyến đường huyện dài 555km và các tuyến đường khác dài 8.037km.

+ Đường đô thị dài 613km và đường chuyên dùng dài 207km.

- Giao thông đường sắt: Tuyến đường sắt thống nhất chạy dọc tỉnh với tổng chiều dài là 146,3km bao gồm tuyến chính Bắc - Nam và 1 nhánh nối vào thành phố Quy Nhơn. Trên địa bàn tỉnh có 12 ga, trong đó 11 ga trên tuyến chính, ga chính là ga Diêu Trì.

- Giao thông đường biển:

+ Cảng Quy Nhơn: Hiện có 05 cầu tàu, chiều dài cầu cảng từ 115 đến 200m, tổng chiều dài 1.068m, độ sâu tại cầu từ -7,4m đến -12,5m, có thể tiếp nhận tàu trọng tải 30.000DWT với tần suất bình thường, tàu có trọng tải 50.000DWT giảm tải.

+ Cảng Thị Nại: Hiện có 02 cầu tàu với tổng chiều dài là 288m, cỡ tàu lớn nhất tiếp nhận là 10.000DWT phương tiện và thiết bị chuyên dùng bốc xếp hàng hóa không nhiều, chỉ khoảng trên dưới 10 thiết bị.

+ Tân cảng Quy Nhơn: Bến cảng Tân Cảng Quy Nhơn nằm tại phía trái luồng hàng hải Quy Nhơn, hiện có 01 cầu tàu, với chiều dài 200m, có khả năng tiếp nhận tàu chở container và hàng hóa tổng hợp trọng tải đến 30.000DWT.

+ Tân cảng Miền Trung: Bến Tân cảng Miền Trung có tổng diện tích là 50.000m<sup>2</sup>, trong đó tổng diện tích bãi là 40.000m<sup>2</sup>. Hiện có 01 cầu tàu với chiều dài là 175m. Bến cảng có khả năng tiếp nhận tàu trọng tải đến 15.000DWT.

Luồng hàng hải Quy Nhơn có tổng chiều dài tuyến luồng là 6,3km; chiều rộng 110m; cao độ đáy đạt -11,0m; vũng quay trở tàu rộng 300m, đủ điều kiện cho các tàu có trọng tải 50.000 DWT giảm tải ra vào luồng Quy Nhơn an toàn.

- Giao thông đường hàng không: Cảng Hàng không Phù Cát (CHK Phù Cát) thuộc xã Cát Tân, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, nằm cách quốc lộ 1 khoảng 2,5km về hướng Tây, cách trung tâm thành phố Quy Nhơn 30km về phía Tây Bắc. Với các thông số kỹ thuật chính:

+ Cấp sân bay: 4C (theo mã tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) và sân bay quân sự cấp I.

+ Công suất: 1,2 - 1,5 triệu hành khách/năm và 5.000 tấn hàng hóa/năm.

+ Sân đỗ tàu bay: có kích thước 262mx174m, đáp ứng 7 vị trí đỗ cho loại tàu bay A320, A321 và tương đương.

+ Nhà ga hành khách: Có diện tích 8.397m<sup>2</sup>, nhà ga hành khách CHK Phù Cát có năng lực phục vụ 600 hành khách giờ cao điểm, công suất thiết kế 1,2-1,5 triệu hành khách/năm, có khả năng mở rộng để nâng công suất lên 2,4 triệu hành khách/năm.

## 5. Hệ thống thủy lợi

- Toàn tỉnh có 479 công trình thủy lợi. Trong đó có 163 hồ chứa nước, với tổng dung tích chứa là 589 triệu m<sup>3</sup> nước; 274 đập dâng và 258 trạm bơm, bảo đảm tưới chắc cho diện tích canh tác 119.109 ha, (lúa 96.969 ha, màu 21.672 ha, nuôi trồng thủy sản và muối: 468 ha).

- Đã kiên cố hóa được 339 km/657 km đê sông, đê biển, góp phần bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng ven đê. Có 4 hệ thống đê biển, Tam Quan - Lại Giang dài 8,3 km, Đê Gi 3,0 km, hệ thống đê kè thuộc thành phố Quy Nhơn với tổng chiều dài 7,5 Km (Nhơn Lý, Nhơn Hải, Ghềnh Ráng) và Đê Đông 47 km. Hệ thống đê, kè sông bảo vệ dân cư, sản xuất nông nghiệp, cơ sở hạ tầng những khu vực xung yếu vùng trung du, vùng đồng bằng dọc theo 4 sông lớn Lại Giang, La Tinh, sông Kôn và Hà Thanh. Khi mưa lũ lớn diện rộng, kết hợp với triều cường thì vùng hạ lưu của bốn sông lớn xảy ra ngập lụt. Hệ thống đê hiện có chỉ bảo đảm chống đỡ được với gió bão cấp 7 - 8 khi không có triều cường. Có 5.065 km kênh mương, kênh đất khoảng 2.710 km chiếm 53,3%.

## **6. Hệ thống điện lưới**

- Hệ thống điện trong tỉnh được cấp từ hệ thống điện Quốc gia khu vực Miền Trung qua trạm 220 kV (Quy Nhơn, Phù Mỹ, Phước An) và 14 trạm 110kV ở các khu vực các huyện, thị xã, thành phố sau đó qua đường dây 22kV đến các trạm phân phối 22/0,4 kV để cấp điện cho các phụ tải sản xuất và sinh hoạt.

- Lưới điện trung áp đã được đầu tư toàn bộ các xã, phường, thị trấn trong tỉnh, trong đó 159/159 xã, phường, thị trấn có điện lưới quốc gia.

- Toàn tỉnh có 434 km đường dây cao thế 110 kV, 4.227 km đường dây hạ thế, 14 trạm biến áp 110kV với công suất trung bình đạt 368MW, 3.906 trạm biến áp phân phối và 424.468 khách hàng sử dụng điện.

- Hệ thống điện đang vận hành an toàn, bảo đảm cung cấp điện ổn định. Tuy nhiên, cần quan tâm bảo trì, nâng cấp hệ thống điện để bảo đảm vận hành an toàn trong mùa mưa, bão.

## **7. Hệ thống nước sinh hoạt**

Đến năm 2021 tỉnh đã xây dựng được 144 công trình cấp nước tập trung, bao gồm: (i) 12 công trình cấp nước sạch cho thành phố và các thị trấn với công suất 67.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, cấp nước cho 350.000 nhân khẩu; (ii) 132 công trình cấp nước nông thôn với công suất thiết kế 44.914 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, cấp nước sinh hoạt cho 102.563 hộ, thực tế cấp 77.677 hộ, đạt 75,7%. Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,1%; trong đó, đáp ứng theo QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y tế đạt 63% (người dân được cấp nước từ công trình cấp nước tập trung đạt 29,2%).

## **8. Hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn**

- Hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn (lượng mưa, mực nước sông và hồ chứa, lưu lượng dòng chảy) phục vụ công tác dự báo cảnh báo gồm có hệ thống quan trắc quốc gia và hệ thống quan trắc chuyên dùng của tỉnh.

- Hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn quốc gia có 01 trạm hải văn Quy Nhơn; 05 trạm thủy văn trên sông, 04 trạm quan trắc mực nước sông tự động, 26 trạm quan trắc lượng mưa tự động.

- Hệ thống quan trắc chuyên dùng của tỉnh có 34 trạm quan trắc mực nước tự động, 69 trạm quan trắc lượng mưa tự động. Dữ liệu quan trắc được hiển thị trực tuyến tại địa chỉ <https://quantrac.pcttbinhdingh.gov.vn/> và <https://vrain.vn/>

## **9. Hệ thống thông tin liên lạc và truyền tin cảnh báo thiên tai**

- Hệ thống thông tin liên lạc: Hiện nay, hệ thống cơ sở hạ tầng để bảo đảm công tác thông tin liên lạc đã bao phủ 100% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, hệ thống viễn thông với: trạm thông tin di động (trạm BTS) là 1.575 trạm;

tổng số thuê bao điện thoại (kể cả di động và cố định) là 1.396.381 thuê bao; cột treo cáp khoảng 8.835 tuyến cáp treo với tổng chiều dài khoảng 5.889 km, cáp ngầm có khoảng 2.110 tuyến với tổng số chiều dài khoảng 1.989km; Mạng Internet triển khai rộng khắp với công nghệ FTTH (FTTx), truy nhập Internet tốc độ cao bằng cáp quang đến tận thuê bao; điểm cung cấp dịch vụ viễn thông có khoảng 478 điểm.

- Hệ thống truyền tin của Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và Phòng thủ dân sự các cấp qua fax, email; hệ thống liên lạc tàu cá qua sóng radio của Đài Thông tin chuyên hải Quy Nhơn và Trạm bờ Quy Nhơn (Chi cục Thủy sản); hệ thống phát thanh - truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định và các địa phương, các kênh thông tin báo chí.

Thông tin thiên tai thường xuyên cập nhật trên website Văn phòng thường trực về Phòng, chống thiên tai Bình Định <https://pcttbinhdinhh.gov.vn>, trang Facebook Thông tin Phòng chống thiên tai Bình Định.

### **10. Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, lũ**

- Toàn tỉnh có 03 khu neo đậu tránh trú bão: Khu vực Đầm Thị Nại (thành phố Quy Nhơn và huyện Tuy Phước), khu vực đầm Đê Gi (huyện Phù Cát, Phù Mỹ) và khu vực Tam Quan (huyện Hoài Nhơn).

- Khu vực thành đầm Thị Nại neo đậu khoảng 2.400 tàu tại 4 vùng nước. Đầm Đê Gi (huyện Phù Cát và Phù Mỹ), neo đậu khoảng 2.000 tàu cá. Khu vực huyện Hoài Nhơn có cảng Tam Quan Bắc, neo đậu khoảng 1.200 tàu.

## **III. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Do vị trí địa lý, đặc điểm địa hình, địa mạo cùng với tác động biến đổi khí hậu toàn cầu, tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh diễn ra hết sức phức tạp và có xu thế ngày càng gia tăng về số lượng cũng như mức độ khốc liệt. Các loại hình thiên tai thường xuất hiện ở Bình Định là áp thấp nhiệt đới (ATNĐ), bão, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, dông, sét, lốc, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất, ... Đặc biệt là loại hình thiên tai do bão, lũ, mưa lớn xảy ra hàng năm gây ra nhiều thiệt hại và ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân trong tỉnh.

Thiệt hại do thiên tai gây ra từ năm 1999 đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh đã làm 474 người chết, 351 người bị thương, 8.270 nhà bị sập, 363.291 nhà dân bị tốc mái, hư hỏng. Tổng ước tính thiệt hại hơn 12.172 tỷ đồng.

### **1. Bão và áp thấp nhiệt đới**

- Thường xuất hiện vào mùa mưa từ tháng 9 - 12. Trung bình mỗi năm chịu tác động trực tiếp của 1 - 2 cơn bão. Khi vào đất liền, bão gây gió mạnh tới cấp 11 - 12. Theo phân vùng của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bão đổ bộ vào Bình Định có thể tới cấp 16. Bão thường gây mưa từ 200 - 300 mm trong 2 - 3 ngày.

- Từ năm 1975 đến nay đã quan trắc được gió, tốc độ gió bão 40 m/s tại Quy Nhơn, An Nhơn, Hoài Nhơn (năm 1984, 1995). Trước năm 1975, đã quan trắc được gió bão 59 m/s tại Quy Nhơn vào ngày 16/9/1972. Hướng gió mạnh ở phía Bắc tỉnh chủ yếu là Bắc đến Tây Bắc; phía Nam tỉnh hướng Tây, Bắc và Tây Bắc. Gió mạnh thường xuất hiện tại vị trí bão đổ bộ không có địa hình che chắn; tại khe núi, thung lũng gió cũng mạnh hơn. Khi đổ bộ vào đất liền, bão thường gây mưa từ 200 - 300 mm trong 2 - 3 ngày; bán kính 100 - 200 km; phía Bắc tỉnh vùng An Lão, Hoài Ân thường mưa nhiều hơn. Khi kết hợp với không khí lạnh, diện mưa sẽ mở rộng, thời gian mưa tới 5 - 6 ngày, lượng mưa có thể 700mm. Đặc biệt, nơi có địa hình đón gió bão thường có mưa rất lớn.

## **2. Lũ, ngập lụt, lũ quét**

- Lũ lụt xảy ra trên phạm vi rộng, bình quân mỗi năm xảy ra 3 đến 4 đợt lũ. Năm nhiều nhất có 8 đợt lũ (1999), năm ít nhất có 2 trận lũ (2004). Lũ lụt phổ biến nhất là lũ chính vụ xuất hiện vào tháng 10, 11. Lũ tiểu mãn xuất hiện vào cuối tháng 5. Lũ sớm xuất hiện vào tháng 9 và lũ muộn xuất hiện vào tháng 12. Thời gian mưa gây lũ mỗi đợt thường từ 2 - 3 ngày có đợt lên đến 5 ngày. Tổng lượng mưa từ 200 - 300 mm, có đợt lên đến 400 - 750 mm. Đợt lũ lịch sử từ ngày 14 - 17/11/2013 lượng mưa phổ biến từ 250 - 450mm. Tổng lượng dòng chảy trong mùa lũ chiếm tới 70% lượng dòng chảy cả năm. Thời kỳ đầu mùa lũ với lượng mưa trung bình trên lưu vực xấp xỉ 50 mm, làm mực nước trên các sông dao động tăng hoặc có lũ nhỏ. Lũ ở mức báo động I - II xuất hiện khi trên lưu vực có lượng mưa từ 100 - 150 mm; lượng mưa trên lưu vực từ 150 - 250 mm, mực nước các sông ở hạ lưu xấp xỉ hoặc vượt báo động III. Qua số liệu thống kê nhiều trận lũ trong nhiều năm, lượng mưa gây lũ trung bình thường từ 130 - 200 mm. Tổng lượng dòng chảy mùa lũ chiếm tới 70% lượng dòng chảy năm.

- Từ tháng 9 đến tháng 12 hằng năm là thời kỳ mưa lũ ở tỉnh Bình Định, mưa lớn tập trung từ tháng 10 đến tháng 12. Có 03 loại hình thái thời tiết gây mưa lũ trên địa bàn tỉnh, đó là:

+ Khi có bão, ATNĐ đổ bộ vào đất liền hoặc ảnh hưởng trực tiếp như di chuyển dọc theo bờ biển, hoặc đổ bộ vào phía Bắc tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam tỉnh Phú Yên. Đi kèm với bão thường có các đợt mưa to trước và sau bão, ATNĐ.

+ Khi có gió mùa Đông - Bắc cường độ mạnh tràn về kết hợp với hoàn lưu của bão, ATNĐ. Đây là hình thái thời tiết có xu thế gây mưa to, lũ lớn trên đất liền.

+ Khi dải hội tụ nhiệt đới hoạt động ở phía Nam Biển Đông, đồng thời ở phía Bắc có gió mùa hoặc tín phong Đông Bắc hoạt động và di chuyển xuống phía Nam. Hình thái thời tiết này thường gây ra mưa lớn, kéo dài nhiều ngày.

- Các cơn lũ lớn điển hình năm 1999, 2007, 2009, 2011, 2013, 2017, 2020

trên địa bàn tỉnh đều do các hình thái kết hợp nêu trên gây ra.

- Năm 2009, 2013, 2016, 2020 đã xảy ra lũ quét, lũ lịch sử, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội. Thiệt hại do lũ và lũ quét làm cho 117 người chết, 107 người bị thương, nhiều cơ sở hạ tầng bị hư hại, tổng thiệt hại kinh tế lên đến 6.704 tỷ đồng. Những năm gần đây, do ảnh hưởng của mưa có cường suất cao, lũ quét có khả năng xuất hiện ngày càng nhiều với mức độ khác nhau. Lũ quét thường phát sinh bất ngờ, xảy ra trong phạm vi hẹp nhưng sức tàn phá lớn và gây ra những tổn thương nghiêm trọng về người và tài sản, ảnh hưởng đến cuộc sống của nhân dân ở khu vực ven các sông, suối.

### 3. Khô hạn, sạt lở đất

- Khô hạn xảy ra khi tháng 1 - 8 có lượng mưa ít, thiếu hụt từ 50 - 70% so với lượng mưa trung bình nhiều năm cùng kỳ, nhiệt độ cao, độ ẩm thấp. Hầu hết các lưu vực sông thường xảy ra khô hạn khi nắng nóng kéo dài. Các năm 1983, 1987, từ 1991 - 1993, 1998, 2014 - 2020, hạn hán liên tục xảy ra.

- Sạt lở đất ở các vùng đồi núi, bờ sông, bờ biển đã xảy ra thường xuyên trong những năm gần đây, nhất là khi có tác động mạnh của bão, lũ, triều cường. Sạt lở đất thường gây hư hỏng các công trình cơ sở hạ tầng, uy hiếp các khu dân cư, làm mất đất sản xuất, gây thiệt hại lớn về kinh tế xã hội và môi trường.

### 4. Khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai

#### a. Đối với bão, áp thấp nhiệt đới

- Vùng bị ảnh hưởng gió bão:

Bảng 1: Vùng có nguy cơ ảnh hưởng của gió bão

TT	Cấp huyện	Số xã	Xã, phường, thị trấn ảnh hưởng
01	Quy Nhơn	19	Phường Bùi Thị Xuân, Đống Đa, Ghềnh Ráng, Hải Cảng, Lê Hồng Phong, Lê Lợi, Ngô Mây, Nhơn Bình, Trần Phú, Lý Thường Kiệt, Nhơn Hải, Nhơn Hội, Nhơn Lý, Nhơn Phú, Quang Trung, Thị Nại, Trần Hưng Đạo, Trần Quang Diệu, Nhơn Châu.
02	An Nhơn	15	Phường Bình Định, Đập Đá, Nhơn An, Nhơn Phong, Nhơn Hạnh, Nhơn Hưng, Nhơn Thành, Nhơn Hậu, Nhơn Phúc, Nhơn Khánh, Nhơn Thọ, Nhơn Hòa, Nhơn Lộc, Nhơn Tân, Nhơn Mỹ.
03	Hoài Nhơn	16	TT. Tam Quan, TT. Bồng Sơn, Hoài Sơn, Hoài Châu Bắc, Hoài Châu, Hoài Phú, Tam Quan Bắc, Tam Quan Nam, Hoài Hảo, Hoài Thanh Tây, Hoài Thanh, Hoài Hương, Hoài Tân, Hoài Xuân, Hoài Mỹ, Hoài Đức.
04	Phù Cát	15	Cát Sơn, Cát Lâm, Cát Hiệp, Cát Hanh, Cát Tài, Cát Khánh, Cát Thành, Cát Hải, TT Ngô Mây, Cát Tân, Cát Tường, Cát Nhơn, Cát Thắng, Cát Chánh.
05	Phù Mỹ	9	Mỹ Tài, Mỹ Cát, Mỹ Chánh, Mỹ Thọ, Mỹ Thành, Mỹ An, Mỹ Thắng, Mỹ Đức, Mỹ Châu.

TT	Cấp huyện	Số xã	Xã, phường, thị trấn ảnh hưởng
06	Tuy Phước	13	TT. Tuy Phước, TT. Diêu Trì, Phước Sơn, Phước Hòa, Phước Thắng, Phước Thuận, Phước Nghĩa, Phước Hiệp, Phước Lộc, Phước Quang, Phước Hưng, Phước An, Phước Thành.
07	Vân Canh	7	Canh Vinh, Canh Hiến, Canh Hiệp, TT Vân Canh, Canh Thuận, Canh Hòa, Canh Liên.
08	Vĩnh Thạnh	9	TT Vĩnh Thạnh, Vĩnh Quang, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Hòa, Vĩnh Thuận, Vĩnh Kim, Vĩnh Sơn, Vĩnh Hào.
09	Hoài Ân	10	Ân Nghĩa, Ân Hữu, Ân Tường Tây, Ân Tường Đông, Ân Đức, Ân Thạnh, Ân Mỹ, Ân Tín, Ân Hào Tây, Ân Hào Đông.
10	An Lão	10	An Hòa, An Tân, An Quang, An Hưng, TT An Lão, An Trung, An Dũng, An Vinh, An Nghĩa, An Toàn.
11	Tây Sơn	14	Tây Vinh, Bình Hòa, Bình Thành, Bình Nghi, Bình Tường, Tây Phú, Tây Xuân, Tây Giang, Tây Bình, Tây An, Tây Thuận, Bình Tân, Bình Thuận.
<b>Tổng cộng</b>		<b>137</b>	

- Vùng bị ảnh hưởng do nước biển dâng do bão:

Bảng 2: Vùng có nguy cơ ảnh hưởng do nước biển dâng do bão

TT	Cấp huyện	Số xã	Xã, phường, thị trấn ảnh hưởng
01	Quy Nhơn	7	Nhơn Lý, Nhơn Hải, Nhơn Châu, Lê Lợi, Nguyễn Văn Cừ, Ghềnh Ráng, Hải Cảng
02	Hoài Nhơn	6	Tam Quan Bắc, Tam Quan Nam, Hoài Thanh, Hoài Hương, Hoài Hải, Hoài Mỹ.
03	Tuy Phước	4	Phước Sơn, Phước Hòa, Phước Thắng, Phước Thuận.
04	Phù Cát	4	Cát Khánh, Cát Thành, Cát Hải, Cát Tiến.
05	Phù Mỹ	6	Mỹ Thọ, Mỹ Thành, Mỹ An, Mỹ Thắng, Mỹ Đức, Mỹ Cát.
<b>Tổng cộng</b>		<b>27</b>	

*b. Đối với lũ lụt*

Bảng 3: Vùng có nguy cơ ảnh hưởng lũ lụt

TT	Cấp huyện	Số xã	Xã, phường, thị trấn ảnh hưởng
1	Quy Nhơn	5	Nhơn Phú, Nhơn Bình, Bùi Thị Xuân, Phước Mỹ, Trần Quang Diệu.
2	An Nhơn	15	Phường Bình Định, Đập Đá, Nhơn An, Nhơn Phong, Nhơn Hạnh, Nhơn Hưng, Nhơn Thành, Nhơn Hậu, Nhơn Phúc, Nhơn Khánh, Nhơn Thọ, Nhơn Hòa, Nhơn Lộc, Nhơn Tân, Nhơn Mỹ.
3	Hoài Nhơn	16	TT. Tam Quan, TT. Bồng Sơn, Hoài Sơn, Hoài Châu Bắc, Hoài Châu, Hoài Phú, Tam Quan Bắc, Tam Quan Nam, Hoài Hào, Hoài Thanh Tây, Hoài Thanh, Hoài Hương, Hoài Tân, Hoài Xuân, Hoài Mỹ, Hoài Đức.



TT	Cấp huyện	Số xã	Xã, phường, thị trấn ảnh hưởng
4	Phù Cát	15	Cát Sơn, Cát Lâm, Cát Hiệp, Cát Hanh, Cát Tài, Cát Khánh, Cát Thành, Cát Hải, TT Ngô Mây, Cát Tân, Cát Tường, Cát Nhon, Cát Thắng, Cát Chánh.
5	Phù Mỹ	3	Mỹ Chánh, Mỹ Cát, Mỹ Tài.
6	Tuy Phước	13	TT. Tuy Phước, TT. Diêu Trì, Phước Sơn, Phước Hòa, Phước Thắng, Phước Thuận, Phước Nghĩa, Phước Hiệp, Phước Lộc, Phước Quang, Phước Hưng, Phước An, Phước Thành.
7	Vân Canh	6	Canh Vinh, Canh Hiền, TT Vân Canh, Canh Thuận, Canh Hòa, Canh Liên
8	Vĩnh Thạnh	6	Vĩnh Hòa, Vĩnh Quang, Vĩnh Thuận, Vĩnh Sơn, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Thịnh
9	Hoài Ân	10	Ân Nghĩa, Ân Hữu, Ân Tường Tây, Ân Tường Đông, Ân Đức, Ân Thạnh, Ân Mỹ, Ân Tín, Ân Hào Tây, Ân Hào Đông
10	An Lão	3	An Hòa, An Tân, TT An Lão
11	Tây Sơn	12	Bình Hòa, Bình Nghi, Bình Thành, Bình Tường, Tây An, Tây Bình, Tây Giang, Tây Phú, Tây Thuận, Tây Vinh, Tây Xuân, TT Phú Phong.
	<b>Tổng cộng</b>	<b>104</b>	

c. *Đối với sạt lở đất*: Theo báo cáo số 112/BC-BCH ngày 15/01/2021 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh về kết quả khảo sát các khu vực có nguy cơ sạt lở đất, đá trên địa bàn tỉnh:

- Nguy cơ sạt lở cao: 12 khu vực.

+ Huyện Hoài Ân 04 khu vực: Khu vực thôn Bình Hòa Bắc, xã Ân Hào Đông; Khu vực thôn Đồng Nhà Mười, xã Ân Sơn; Khu vực điểm cao 182, thôn Phú Ninh, xã Ân Nghĩa; Khu vực điểm cao 318, thôn Nhơn Sơn, xã Ân Nghĩa.

+ Huyện An Lão 03 khu vực: Khu vực núi Đá, thôn Trà Cong, xã An Hòa; Khu vực núi Đá Chồng, thôn Vạn Long, xã An Hòa; Khu vực đèo Đá Cạnh, thị trấn An Lão.

+ Huyện Vĩnh Thạnh 02 khu vực: Khu vực thôn 03, xã Vĩnh Kim; Khu vực điểm cao 130, thôn Đắc Tra, xã Vĩnh Kim.

+ Thành phố Quy Nhơn 02 khu vực: Khu vực núi Một, khu phố 1, phường Đống Đa; Khu vực hóc Bà Bép, tổ 27, khu phố 5, phường Đống Đa.

+ Huyện Phù Cát 01 khu vực: Khu vực núi Gành, thôn Đức Phổ 1, xã Cát Minh.

*Đặc điểm*: Các khu vực trên có độ dốc lớn, bề mặt nền đất phần lớn là đá tảng, đá mồ côi; nền đất yếu, thiếu ổn định, một số khu vực đã xảy ra hiện tượng rạn nứt, sụt lún và di chuyển của nền đất ... ảnh hưởng lớn đến các hộ dân định cư, sinh sống dưới chân núi. Bên cạnh đó, bề mặt nền đất có sự thay đổi kết cấu

do tác động từ hoạt động khai thác, sản xuất của nhân dân, phần lớn diện tích trồng cây công nghiệp (keo lai), diện tích còn lại là rừng ngoài sản xuất (cơ bản là cây nhỏ, thưa, chủ yếu thân dây leo); một số khu vực nhân dân tự ý san ủi, mức đất để mở rộng phạm vi sinh sống, xây dựng nhà trái phép trên nền đất gỏi ... đã tác động kết cấu địa lý của địa hình.

- Nguy cơ sạt lở thấp: 16 khu vực.

+ Thành phố Quy Nhơn 04 khu vực: Khu vực tổ 1 và tổ 7, thôn Lý Chánh, xã Nhơn Lý; Khu vực gành Hải Bắc, thôn Hải Bắc, xã Nhơn Hải; Khu vực tổ 50, khu phố 6; tổ 61, khu phố 7, phường Quang Trung; Khu vực tổ 15B, khu phố 3, phường Ghềnh Ráng.

+ Huyện An Lão 03 khu vực: Khu vực Trụ sở thôn Thuận Hòa đến núi Đầu Voi, xã An Tân; Khu vực núi Hòn Mây, thôn 5, xã An Vinh; Khu vực núi Hòn Chiêng 1, thôn 5, xã An Nghĩa.

+ Huyện Vĩnh Thạnh 03 khu vực: Khu vực thôn 05, xã Vĩnh Kim; Khu vực thôn Suối Cát, xã Vĩnh Sơn; Khu vực thôn M3, xã Vĩnh Thịnh.

+ Huyện Hoài Ân 01 khu vực: Khu vực núi Chợ, thị trấn Tăng Bạt Hổ.

+ Thị xã Hoài Nhơn 01 khu vực: Khu vực núi Nhiệm, thôn Hy Tường, xã Hoài Sơn.

+ Huyện Phù Mỹ 01 khu vực: Khu vực núi Đầu Voi, thôn Hòa Nghĩa, xã Mỹ Hiệp.

+ Thị xã An Nhơn 01 khu vực: Khu vực núi Ông Dài, Thọ Tân Bắc, xã Nhơn Tân.

+ Huyện Tuy Phước 01 khu vực: Khu vực xóm 4, thôn Cảnh An, xã Phước Thành.

+ Huyện Tây Sơn 01 khu vực: Khu vực đèo cao 85, thôn Hòa Sơn, xã Bình Tường.

*Đặc điểm:* Nền địa chất các khu vực trên cơ bản ổn định, chưa có hiện tượng rạn nứt, biến dạng; bề mặt nền đất ở một số khu vực thay đổi về kết cấu do hoạt động sản xuất và khai thác đá của nhân dân. Đến thời điểm hiện tại, các khu vực trên tính chất nguy hiểm không cao, nếu xảy ra sạt lở chỉ ở mức độ nhỏ, cục bộ, khả năng ảnh hưởng đến nhân dân thấp, nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ khi có diễn biến xấu, cục đoạn của thời tiết.

- Sạt lở gây chia cắt giao thông: 07 khu vực.

+ Huyện An Lão 03 khu vực: Đường giao thông mới từ xã An Trung đi xã An Vinh; Đường giao thông từ xã An Quang đi xã An Toàn; Đường giao thông

từ ngã ba Ghé (ngã ba đường đi xã An Toàn và xã An Nghĩa) đến thôn 3, xã An Nghĩa.

+ Huyện Vĩnh Thạnh 02 khu vực: Đường giao thông ĐH33 từ đập hồ Định Bình đến xã Vĩnh Sơn; Đường giao thông từ ngã 3 đèo Vĩnh Sơn đến thôn Đăk Tra, 05, 03, 02, Kon Trú, xã Vĩnh Kim.

+ Huyện Vân Canh 02 khu vực: Đường giao thông từ Ngã ba Cà Te đi các thôn Cà Nâu, Cà Bung, Cà Bông, xã Canh Liên; Đường giao thông từ làng Canh Giao, xã Canh Hiệp đến thôn Đa Lộc, xã Xuân Lãnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

*Đặc điểm:* Các khu vực trên cơ bản là đường giao thông độc đạo đến địa bàn các thôn, xã vùng sâu của huyện; ta luy dương là các sườn núi có độ dốc lớn, ta luy âm phần lớn là vực sâu; dọc hai bên đường là nương rẫy, rừng trồng cây lâm nghiệp (keo lai) và rừng tự nhiên; có nhiều khe suối cạn từ đỉnh núi xuống mặt đường. Do nhiều yếu tố tác động, nên bề mặt nền đất các khu vực trên có độ liên kết không cao, đất đá thường theo khe suối đổ xuống đường giao thông khi có mưa, lũ. Tiền lệ các khu vực trên đã xảy ra sạt lở ở nhiều điểm, gây chia cắt giao thông, cô lập một số thôn, xã trên địa bàn.

*d. Xu thế thời tiết từ tháng 9 đến hết năm 2021:* Theo bản tin Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Bình Định ngày 16/8/2021:

Dự báo từ nay cho tới hết năm 2021, trên khu vực Biển Đông có khả năng xuất hiện khoảng 07 - 09 cơn bão/ATNĐ. Có khoảng 03 - 04 cơn ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta; trong đó Bình Định chịu ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp 01 - 02 cơn bão.

Từ tháng 10/2021 đến tháng 01/2022 tổng lượng mưa phổ biến cao hơn từ 15 - 30% so với TBNN cùng thời kỳ (tổng lượng mưa TBNN từ tháng 10 đến tháng 1 năm sau từ 1.100 - 1.500mm, riêng vùng núi phía bắc tỉnh 2.000mm).

Mưa lớn, gây lũ lụt trong tỉnh: Từ tháng 10 đến tháng 12/2021 mùa lũ trên các sông tương đương TBNN, khả năng xuất hiện 3 - 4 trận lũ. Đỉnh lũ cao nhất trên các sông phổ biến ở mức báo động 2 - 3, có sông trên báo động 3. Trên các sông suối nhỏ, vùng thượng lưu các sông khả năng xuất hiện lũ lớn, lũ quét và sạt lở đất.

Các đợt mưa lớn xảy ra tập trung trong các tháng 10, tháng 11 và nửa đầu tháng 12/2021. Mùa mưa sẽ kết thúc muộn, nhiều khả năng xuất hiện lũ muộn.

## **PHẦN III**

### **NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN**

#### **I. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ**

##### **1. Về Chỉ huy ứng phó các cấp độ rủi ro thiên tai**

Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó rủi ro thiên tai (rủi ro thiên tai được phân thành 05 cấp tăng dần về mức độ rủi ro, bao gồm: Cấp độ 1, cấp độ 2, cấp độ 3, cấp độ 4 và cấp độ 5 - trình trạng khẩn cấp về thiên tai - Xem thêm [Phụ lục 1](#)) được quy định chi tiết tại Điều 7 Nghị định 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ, tóm lược như sau:

###### *a. Chỉ huy ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 1:*

- Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó khi có thiên tai xảy ra.

- Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ 2 xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch UBND cấp xã.

###### *b. Chỉ huy ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 2:*

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó thiên tai; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương.

- Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 7 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

###### *c. Chỉ huy ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 3, cấp độ 4:*

- Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai; Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo.

- Chủ tịch UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm huy động nguồn lực theo thẩm quyền, chỉ huy triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn.

- Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện các nhiệm vụ nêu trên phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

*d. Ứng phó rủi ro thiên tai vượt cấp độ 4:*

Được Chủ tịch nước ban bố tình trạng khẩn cấp về thiên tai; việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

**Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai xảy ra trên địa bàn cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý:** Quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP.

Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, đơn vị liên quan và UBND cấp huyện, cấp xã tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai. Phân công trách nhiệm các cơ quan, đơn vị ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn bị ảnh hưởng.

## 2. Về thông tin liên lạc

- Văn phòng Thường trực về Phòng chống thiên tai của Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh:

+ Điện thoại: 0256.3646.919 hoặc 0256.3646.855.

+ Số fax: 0256.3647.229 hoặc 0256.3535.239.

+ Email: [trucbanpclb@gmail.com](mailto:trucbanpclb@gmail.com); Zalo: 0973.777.696.

+ Website: <https://pcttbinhdinh.gov.vn/>

- Cơ quan Thường trực về Tìm kiếm cứu nạn: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:

+ Điện thoại: 0256.3846.228.

+ Số fax: 0256.3846.228.

- Số điện thoại các thành viên chủ chốt Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh:

Bảng 4: Danh bạ điện thoại thành viên chủ chốt

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức vụ	Điện thoại
1	Ông Nguyễn Phi Long	Chủ tịch UBND tỉnh	Trưởng ban	0915423260
2	Ông Nguyễn Tuấn Thanh	PCT Thường trực UBND tỉnh	Phó trưởng ban Thường trực	0983477027
3	Ông Trần Văn Phúc	GD Sở Nông nghiệp và PTNT	Phó trưởng ban	0913434444
4	Ông Trần Thanh Hải	CHT Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Phó trưởng ban	0983115778
5	Ông Võ Đức Nguyễn	GD Công an tỉnh	Phó trưởng ban	0913400234

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức vụ	Điện thoại
6	Ông Lương Ngọc Chinh	CHT BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	Ủy viên Thường trực	0988651687
7	Ông Hồ Đắc Chương	PGĐ Sở Nông nghiệp và PTNT	Ủy viên Thường trực	0914022369
8	Ông Nguyễn Đức Nam	PGĐ Công an tỉnh	Ủy viên Thường trực	0905877799
9	Ông Đỗ Xuân Hùng	Phó CHT - Tham mưu trưởng BCH Quân sự tỉnh	Ủy viên Thường trực	0982115925
10	Ông Lê Xuân Sơn	Văn phòng Thường trực về Phòng chống thiên tai tỉnh	Chánh Văn phòng	0914035127

(Danh bạ chi tiết xem [Phụ lục 2](#))

### 3. Về lực lượng ứng phó thiên tai

Ngoài lực lượng chính quy, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh bổ sung, kiện toàn 11 đại đội dự bị động viên 11 huyện, thị xã, thành phố; 159 trung đội dân quân cơ động 159 xã. UBND cấp xã củng cố đội xung kích Phòng, chống thiên tai trong đó nòng cốt là lực lượng dân quân tự vệ, có từ 60 - 85 người/đội; tổng số thành viên đội xung kích, toàn tỉnh 10.381 người. Lực lượng quản lý đê nhân dân cấp xã cho các xã có đê 91 người. Lực lượng tại chỗ đáp ứng được hỗ trợ sơ tán dân trước khi bão, lũ xảy ra.

Bảng 5: Lực lượng ứng phó thiên tai tại các địa phương (đơn vị: người)

Lực lượng	Tổng cộng	Tây Sơn	Vĩnh Thạnh	Vân Canh	Hoài Ân	An Lão	Phù Mỹ	Phù Cát	Tuy Phước	An Nhơn	Hoài Nhơn	Quy Nhơn
Quân đội	<b>1.124</b>	36	36	20	26	119	288	177	26	105	166	125
Bộ Đội Biên phòng	<b>332</b>	10					25	179	8		100	10
Công an	<b>1.463</b>	70	68	64	174	106	272	143	52	175	285	54
Y tế	<b>1.096</b>	10	54	117	123	69	257	126	65	125	114	36
Thanh niên tình nguyện	<b>3.828</b>	15	236	176	267	220	716	1.028	260	232	210	468
Doanh nghiệp huy động	<b>2.290</b>	8	3	24	64	25	174	309	13	200	270	1.200
Hội chữ thập đỏ	<b>668</b>	3	43	18	71	30	73	354	13	18	19	26
Dân quân tự vệ	<b>3.193</b>		376	185	225	210	877	646	130	100	422	22
Hội Phụ nữ	<b>1.708</b>	5	198	54	145	72	349	679	13	113	39	41
Lực lượng xung kích	<b>7.186</b>	15	243	319	682	656	782	725	916	924	401	1.523
Hội Nông dân, đoàn thể khác	<b>2.754</b>	6	203	121	251	80	510	1.113	52	170	178	70
Thành viên Ban chỉ huy, VPTT	<b>3.172</b>	27	103	223	298	275	696	173	130	494	449	304

Lực lượng	Tổng cộng	Tây Sơn	Vĩnh Thạnh	Vân Canh	Hoài Ân	An Lão	Phù Mỹ	Phù Cát	Tuy Phước	An Nhơn	Hoài Nhơn	Quy Nhơn
Cán bộ công nhân viên chức	7.922	1.789	154	126	413	210	548	524	65	800	2.786	507
Lực lượng khác	1.355		20		101	0	244	291	390			309
<b>Cộng</b>	<b>38.091</b>	<b>1.994</b>	<b>1.737</b>	<b>1.447</b>	<b>2.840</b>	<b>2.072</b>	<b>5.811</b>	<b>6.467</b>	<b>2.133</b>	<b>3.456</b>	<b>5.439</b>	<b>4.695</b>

(Nguồn số liệu: Báo cáo rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai của UBND các huyện, thị xã, thành phố tháng 9 năm 2021)

#### 4. Về Phương tiện, trang thiết bị PCTT và TKCN hiện có

Phương tiện, trang thiết bị PCTT và TKCN chủ yếu toàn tỉnh hiện có:

- 06 xe cứu hộ các loại, 06 tàu các loại, 107 xuồng, 63 ca nô các loại;
- 16.529 phao áo cứu sinh, 13.859 phao tròn cứu sinh, 150 phao bè;
- 342 ô tô các loại, 110 máy phát điện, 38 máy cưa các loại, 572 bộ nhà bạt;
- 90 tấm hút dầu, 02 thiết bị khoan cắt, 05 máy bơm công suất cao và 449.650 vỏ bao cát.

Các sở, ngành, đơn vị, UBND các cấp tự kiểm tra phương tiện, trang thiết bị được giao quyền quản lý, sử dụng để sẵn sàng phục vụ ứng phó thiên tai.

(Chi tiết theo [Phụ lục 7](#)).

#### 5. Vật tư, phương tiện, trang thiết bị dự kiến huy động bảo vệ công trình trọng điểm

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lập rà soát lập danh sách cụ thể vật tư, phương tiện, trang thiết bị (loại vật tư, phương tiện, địa điểm bố trí, số lượng, nhiên liệu sử dụng, nhân lực, danh sách doanh nghiệp) có thể huy động được các thiết bị, xe máy, vật tư của các doanh nghiệp trên địa bàn, cập nhật vào Phương án ứng phó thiên tai năm 2021 của địa phương.

Bảng 6: Vật tư, phương tiện, trang thiết bị huy động ứng phó thiên tai

Đối tượng	Đơn vị	Tổng cộng	Tây Sơn	Vĩnh Thạnh	Vân Canh	Hoài Ân	An Lão	Phù Mỹ	Phù Cát	Tuy Phước	An Nhơn	Hoài Nhơn	Quy Nhơn
<b>Vật tư</b>													
- Đá hộc	m <sup>3</sup>	3.980	225		5	90	460	29	2.816		500	255	
- Đá dăm, sỏi	m <sup>3</sup>	4.002	590	100	0	223	0	285	1.624		575	605	
- Cát	m <sup>3</sup>	7.925	990	150	42	541	200	210	2.702	70	1.850	1.170	
- Đất	m <sup>3</sup>	11.543	1.880		36	0	200	0	4.397		3.000	2.030	
- Rọ thép	m <sup>3</sup>	4.132	224	50	0	0	0	80	2.180		1.290	308	

Đối tượng	Đơn vị	Tổng cộng	Tây Sơn	Vĩnh Thạnh	Vân Canh	Hoài Ân	An Lão	Phù Mỹ	Phù Cát	Tuy Phước	An Nhơn	Hoài Nhơn	Quy Nhơn
- Bao tải	cái	292.250	38.330	7.500	5.700	10.930	15.000	65.500	46.500	57.500	20.000	25.290	
- Vải bạt	m <sup>2</sup>	14.700				1.500			10.200		3.000		
- Tôn lợp	m <sup>2</sup>	6.800	300	500					4.500		1.500		
- Các vật tư khác		173			14		159						
<b>Trang thiết bị</b>													
- Nhà bạt cứu sinh	Cái	227	20	4	12	5	34	29	55	3	41	15	9
- Phao áo cứu sinh	Cái	7.506	1.128	231	327	216	800	1.006	1.590	590	1.196	450	379
- Phao tròn cứu sinh	Cái	6.512	1.090	283	336	305	393	1.128	1.324	630	515	504	375
- Máy phát điện	Cái	117	13	5	13	10	3	0	64	5	3	1	
- Áo mưa chuyên dụng	Cái	3.309	41	96	197	40	50	0	1.957	230	489	209	
- Flycam	Cái	5	0		0	0	0	0	5		0	0	
- Loa cầm tay	Cái	569	17	38	52	41	19	104	85	123	41	19	30
- Dây thừng	m	17.250	150	500	100	1.800	100		10.600		4.000		
- Máy Icom	Cái	16	4				7		5				
<b>Phương tiện</b>													
- Xe cứu hộ các loại	Chiếc	183	1		160	6			10	4	1	1	
- Xe chữa cháy	Chiếc	12				0			0		3	3	6
- Tàu, thuyền cứu nạn	Chiếc	68		2	2	8			25		0	1	30
- Ca nô	Chiếc	25	3		1	0	2	2	1	3	2	2	9
- Số ô tô có thể huy động		513		5	28	52	5	255	43	27			98
+ Xe 45 chỗ	Cái	151	5	4		0		23	2	5	20	22	70
+ Xe 25 - 29 chỗ	Cái	126	2		1	0	1	42	2	3	35	39	1
+ Xe 16 chỗ	Cái	286	23	16	2	24	4	59	35	4	55	61	3
+ Xe 4 - 7 chỗ	Cái	743	109	55	25	46	10	131	63	15	160	107	24
+ Số ô tô tải có thể huy động	Cái	1.240	229	122	51	86	20	85	98	20	125	270	149



Đối tượng	Đơn vị	Tổng cộng	Tây Sơn	Vĩnh Thạnh	Vân Canh	Hoài Ân	An Lão	Phù Mỹ	Phù Cát	Tuy Phước	An Nhơn	Hoài Nhơn	Quy Nhơn
+ Số máy ủi, xúc có thể huy động	Cái	527	152	22	22	52	10	68	70	3	40	69	11
+ Xe cứu thương	Cái	25	3	2	2		2	3	5	2	2	2	2

(Nguồn số liệu: Báo cáo rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai của UBND các huyện, thị xã, thành phố tháng 9 năm 2021)

Bảng 7: Phương tiện huy động bảo vệ công trình trọng điểm

Địa bàn	Phương tiện phục vụ bảo vệ công trình trọng điểm (cái)								Nhân lực (người)
	Máy xúc	Ô tô tải	Xe ben	Ghe, Thuyền	Máy cưa	Rựa	Máy Kéo	Xe ủi	
Tây Sơn	39	57	74	12	233	556	19	20	1.010
Vĩnh Thạnh	16	100	25	31	384	2.848	8	1	3.413
Vân Canh	27	40	7	10	84	890	4	1	1.063
An Lão	20	100	30	29	384	2.848	8	1	3.420
Hoài Ân	33	75	31	82	94	415	13	19	762
Phù Mỹ	35	70	30	70	70	300	10	20	605
Phù Cát	71	77	107	57	162	2.085	123	42	4.299
Tuy Phước	13	13	13	65	26	130	0	13	273
An Nhơn	39	125	60	142	85	610	11	40	1.280
Hoài Nhơn	43	65	84	30	255	598	21	22	1.118
Quy Nhơn	3	128	2	30				5	168
<b>Tổng cộng</b>	<b>339</b>	<b>850</b>	<b>463</b>	<b>558</b>	<b>1.777</b>	<b>11.280</b>	<b>217</b>	<b>184</b>	<b>17.411</b>

(Nguồn số liệu: Báo cáo rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai của UBND các huyện, thị xã, thành phố tháng 9 năm 2021)

Biện pháp bố trí, sử dụng phương tiện, thiết bị bảo vệ công trình trọng điểm: Các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị phục vụ công tác PCTT và TKCN có trách nhiệm thực hiện một số nội dung sau:

- Rà soát, lập danh sách cụ thể khu vực cần bảo vệ, số lượng vật tư, trang thiết bị, phương tiện, nhiên liệu, nhân lực. Các khu vực có nguy cơ sạt lở đất chia cắt cần có phương án bố trí cụ thể, bảo đảm công tác khắc phục nhanh hậu quả do mưa lũ gây ra.

- Tổ chức kiểm tra, vận hành chạy thử, duy tu, bảo dưỡng bảo đảm sẵn sàng hoạt động khi có yêu cầu.

- Bố trí phương tiện, thiết bị ứng trực đến địa bàn xung yếu được phân công trước khi bão đổ bộ hoặc có lũ trên mức báo động 3.

- Tổ chức chỉ huy, bố trí nhân sự bảo đảm vận hành trang thiết bị, máy móc ở nơi tập kết và hiện trường ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

- Tổ chức tập kết, bảo quản vật tư, vật liệu phục vụ ứng phó các tình huống, thường xuyên theo dõi, kiểm tra chất lượng, số lượng bảo đảm yêu cầu cần thiết.

## 5. Về nhu yếu phẩm

- Cấp tỉnh: Bố trí kinh phí từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh. Phương án dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm ở cấp tỉnh do Sở Công Thương ban hành.

- Cấp huyện: Tổ chức dự trữ lương thực, nước uống bảo đảm cứu trợ trong các tình huống (*các hình thức dự trữ có thể thực hiện như: dự trữ tại kho, hợp đồng cung ứng chủ động với các cơ sở sản xuất - kinh doanh, lưu ý dự trữ ở những địa bàn thường xuyên bị chia cắt, cô lập ...*), có phương án phân phối trước lương thực, hàng hóa đến các địa phương có nguy cơ bị cô lập khi lũ lụt, bão nhất là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, khu vực có nguy cơ chia cắt giao thông do sạt lở đất.

- Cấp xã: Tổ chức dự trữ hoặc hợp đồng cung ứng chủ động với các cơ sở sản xuất - kinh doanh, vận động nhân dân tự dự trữ trong gia đình lượng lương thực ***bảo đảm sử dụng trong 07 ngày (tối thiểu 03 ngày)***.

- Các mặt hàng dự trữ, cung ứng thiết yếu như: Gạo, mì tôm gói, bánh mì, bánh ngọt các loại, nước uống đóng chai.

Theo báo cáo số 74/BC-SCT ngày 13/5/2021 của Sở Công thương: Các mặt hàng mì ăn liền, gạo, nước uống đóng chai chủ yếu được dự trữ tại các đơn vị có khả năng cung ứng lớn như Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định, Chi nhánh Liên Hiệp HTX Thương mại TP.Hồ Chí Minh - Co.opmart An Nhơn, Công ty Cổ phần Nước Khoáng Quy Nhơn, Công ty Xăng dầu Bình Định và một số nhà phân phối khác.

Bảng 8: Dự trữ hàng hóa phòng chống lụt bão năm 2021

TT	Doanh nghiệp	Mặt hàng lương thực, thực phẩm			
		Mì ăn liền (gói)	Lương khô (thùng)	Gạo (tấn)	Nước uống đóng chai (lít/chai)
1	Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định	400.000	15	150	105.000
2	CN nhánh Liên hiệp HTX Thương mại thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart An Nhơn	55.000	-	5	-
3	CN Cty CP Espace Business Huế tại Bình Định	32.000	8	7	6.000
4	CN Bình Định - Cty CP DV TM TH Vincommerce	10.000	4	-	3.250

TT	Doanh nghiệp	Mặt hàng lương thực, thực phẩm			
		Mì ăn liền (gói)	Lương khô (thùng)	Gạo (tấn)	Nước uống đóng chai (lít/chai)
5	Công ty TNHH TM SX XNK Anh Nhật	260.000	-	-	-
6	CN Cty TNHH MM MEGA MARKET (VN) tại tỉnh Bình Định	130.000	20	200	25.000
7	Công ty TNHH Thiên Phúc	250.000	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.137.000</b>	<b>47</b>	<b>362</b>	<b>139.250</b>

(Nguồn: Báo cáo số 74/BC-SCT ngày 13/5/2021 của Sở Công thương)

Với nhiên liệu xăng, dầu diezen, dầu hỏa chủ yếu dự trữ tại Công ty Xăng dầu Bình Định với số lượng là 20.000m<sup>3</sup> các loại. Ngoài ra, các mặt hàng vật liệu xây dựng (tấm lợp, tole, đinh vít, dây thép ...) cũng được dự trữ tại các đại lý vật liệu xây dựng, cửa hàng bán lẻ trên địa bàn toàn tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng khi có sự cố xảy ra trong mùa mưa bão.

Bảng 9: Số lượng lương thực, thực phẩm dự trữ tại các địa phương

TT	Địa bàn	Lương thực, thực phẩm					Nước uống đóng chai (chai)
		Lương khô (gói)	Mì tôm (gói)	Gạo (kg)	Thực phẩm (kg)	Đồ hộp (kg)	
1	Tây Sơn	1.000	23.250	43.700	4.800		22.600
2	Vĩnh Thạnh	4.000	67.420	84.520	8.410	1.000	57.420
3	Vân Canh		17.970	11.100	1.055	0	1.740
4	An Lão	850	26.000	4.100	2.500	650	7.500
5	Hoài Ân		27.070	17.355	7.170	320	33.000
6	Phù Mỹ	800	44.420	18.350			41.250
7	Phù Cát	26.100	132.763	177.891	57.316	10.471	205.476
8	Tuy Phước		13.000	13.000			2.600
9	An Nhơn		25.500	35.000			42.000
10	Hoài Nhơn		18.000	90.000			23.400
11	Quy Nhơn	55.000	38.000				10.000
	<b>Tổng</b>	<b>87.750</b>	<b>433.393</b>	<b>495.016</b>	<b>81.251</b>	<b>12.441</b>	<b>446.986</b>

(Nguồn số liệu: Báo cáo rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai của UBND các huyện, thị xã, thành phố tháng 9 năm 2021)

Bảng 10: Dự trữ nhiên liệu, hóa chất, thiết bị xử lý nước tại các địa phương

TT	Địa bàn	Nhiên liệu			
		Chất đốt (kg)	Dầu Diesel (lít)	Xăng (lít)	Dầu hỏa (lít)
1	Tây Sơn		24.500	23.500	7.605
2	Vĩnh Thạnh	47.660	7.200	2.250	140
3	Vân Canh		900	390	130

TT	Địa bàn	Nhiên liệu			
		Chất đốt (kg)	Dầu Diesel (lít)	Xăng (lít)	Dầu hỏa (lít)
4	An Lão		1.100	2.100	2.000
5	Hoài Ân	830	2.430	2.410	2.274
6	Phù Mỹ				
7	Phù Cát	47.997	24.350	20.965	17.255
8	Tuy Phước				
9	An Nhơn		26.000	29.500	7.605
10	Hoài Nhơn		27.500	26.500	8.605
11	Quy Nhơn		34.000	34.000	9.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>96.487</b>	<b>147.980</b>	<b>141.615</b>	<b>54.614</b>

(Nguồn số liệu: Báo cáo rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai của UBND các huyện, thị xã, thành phố tháng 9 năm 2021)

## 6. Về thuốc, hóa chất phòng bệnh

Theo Phương án thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch trong mùa bão lụt tỉnh Bình Định năm 2021 của Sở Y tế số 3741/PA ngày 28/9/2021:

- Dự trữ cơ sở thuốc, hóa chất cho công tác phòng chống dịch COVID-19 trong mùa bão lũ 2021, như sau:

+ Cơ sở thuốc phòng chống lụt bão (PCLB): 250 cơ sở.

+ Cloramin B (viên): 1.500.000 viên.

+ Cloramin B (kg): 4.000 kg.

+ Aquatab 67 mg: 150.000 viên.

+ Khẩu trang y tế: 1.000.000 cái..

+ Khẩu trang N95: 200.000 cái.

+ Dung dịch sát khuẩn tay nhanh 500ml: 10.000 chai.

+ Bộ trang phục phòng chống dịch dùng 01 lần: 50.000 bộ.

- Số lượng tồn kho về cơ sở thuốc, hóa chất phòng, chống dịch, phòng chống lụt bão đến 31/8/2021: 101 cơ sở thuốc PCLB, 4.388 kg Cloramin B bột, 244.950 viên Cloramin B, 3.853 viên Aquatab 67mg, 2.860 lít hóa chất diệt bọ gậy; 2.303 lít hóa chất diệt muỗi, 37 bộ dụng cụ PCLB, 72 máy phun hóa chất.

(Thông kê chi tiết xem [Phụ lục 8](#))

## II. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI ÁP THẤP NHIỆT ĐỐI, BÃO, BÃO MẠNH

### 1. Kịch bản 1: Áp thấp nhiệt đới, bão và bão mạnh (gió mạnh tới cấp bão 11)

*a. Công tác truyền thông:* Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh và các địa phương triển khai đồng bộ công tác truyền thông như sau:

- Chuyển tải các văn bản chỉ đạo của Trung ương, địa phương đến các cơ quan, đơn vị và nhân dân.

- Các bản tin về áp thấp nhiệt đới, bão của cơ quan khí tượng thủy văn được cung cấp cho các cơ quan truyền thông và các cơ quan chức năng từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở để chủ động triển khai ứng phó.

- Thường xuyên theo dõi các bản tin cảnh báo, dự báo thiên tai và diễn biến dịch bệnh COVID-19 qua các phương tiện thông tin đại chúng.

- Trên biển: Tàu thuyền nhận thông tin từ Đài Tiếng nói Việt Nam, hệ thống Đài Thông tin Duyên hải và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh.

- Hình thức truyền thông tin giữa các cấp, các ngành và đến người dân:

+ Qua Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định.

+ Qua mạng xã hội: Facebook, Zalo, các báo điện tử.

+ Qua hệ thống truyền thanh của địa phương.

+ Qua loa cầm tay trực tiếp, xe loa tuyên truyền cơ động.

+ Nhận thông tin qua: Điện thoại cố định, điện thoại di động, fax, email.

+ Các hình thức thông tin, truyền thông chính thống khác.

*b. Tổ chức ứng phó:* Thực hiện chỉ huy tập trung, thống nhất:

- Chủ tịch UBND kiêm Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS các cấp trực tiếp chỉ huy, điều hành, phân công các lực lượng có mặt trên địa bàn trong quá trình phòng tránh, ứng phó với thiên tai.

- Các sở, ngành, địa phương theo dõi chặt chẽ diễn biến thiên tai. Triển khai lực lượng tại chỗ ứng phó theo Lệnh của Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh. Chủ tịch UBND cấp huyện, xã phối hợp Chỉ huy trưởng quân sự, Công an cứu hộ, cứu nạn người hoặc xử lý sự cố công trình do thiên tai.

Tùy thuộc vào các bản tin dự báo áp thấp nhiệt đới, bão (tin bão gần Biển Đông, tin áp thấp nhiệt đới, bão trên Biển Đông, tin áp thấp nhiệt đới, bão khẩn cấp) và dự báo khả năng ảnh hưởng đến tàu thuyền hoạt động trên các vùng biển

và khu vực đất liền của tỉnh sẽ có các phương án ứng phó. Tập trung vào các nội dung:

**\* UBND các huyện, thị xã, thành phố:** Chủ tịch UBND cấp huyện là tổng chỉ huy trên địa bàn, chịu trách nhiệm:

- Trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng, chống thiên tai cấp trên.

- Tổ chức trực ban 24/24h, theo dõi chặt chẽ diễn biến áp thấp nhiệt đới, bão, thông tin cảnh báo kịp thời đến chính quyền cơ sở và người dân để chủ động phòng, tránh.

- Hoãn tất cả các cuộc họp không quan trọng để tập trung chỉ đạo đối phó với bão, áp thấp nhiệt đới.

- Thông báo cho gia đình chủ tàu kêu gọi tàu thuyền thoát khỏi vùng nguy hiểm của áp thấp nhiệt đới, bão và vào nơi trú tránh an toàn, kéo tàu thuyền nhỏ lên bờ, chằng giữ ổn định; tàu thuyền lớn cho neo đậu đúng quy định; yêu cầu tất cả thuyền viên rời khỏi tàu thuyền trước khi bão vào, kiểm tra phòng cháy nổ trên tàu.

- Tổ chức, hướng dẫn di chuyển, chằng buộc, gia cố các lồng bè nuôi trồng thủy sản để bảo đảm an toàn cho người và giảm thiệt hại đối với nuôi trồng thủy sản.

- Triển khai lực lượng, phương tiện tiến hành sơ tán dân ở các khu vực ven biển, khu vực thấp trũng có nguy cơ ngập do triều cường kết hợp với nước biển dâng do bão, các khu vực thường bị ngập sâu, sạt lở, trên các lồng bè, chòi canh thủy sản.

- Tranh thủ thu hoạch, chủ động tháo nước diện tích gieo trồng vụ mùa, kê và đưa lên cao lúa giống gieo sạ; thu hoạch thủy hải sản trên các lồng bè, ao hồ.

- Rà soát, bảo đảm an toàn cho người dân, khách du lịch ở khu vực ven biển, nhất là thành phố Quy Nhơn, các xã ven biển và đảo; kiểm soát, hướng dẫn giao thông nhất là các tuyến đường ven biển, cầu Thị Nại để bảo đảm an toàn cho người và phương tiện.

- Chỉ đạo, hướng dẫn chằng chống, gia cố nhà cửa, trụ sở, trường học, bệnh viện, kho tàng, ... và các công trình công cộng, đặc biệt đối với công trình cột, tháp cao, biển quảng cáo, nhà cao tầng đang thi công; tổ chức cắt tỉa cành cây tại các khu đô thị, khu dân cư.

- Phân công lãnh đạo và cán bộ xuống địa bàn kiểm tra, đôn đốc.

- Yêu cầu các đơn vị phải triển khai công tác phòng, chống thiên tai của đơn vị.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát lại lực lượng, phương tiện, vật tư sẵn sàng ứng phó khi có yêu cầu; rà soát lại Phương án sơ tán, kiểm tra và thực hiện công tác bảo đảm an toàn nơi sơ tán đến phù hợp trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19. Lưu ý triển khai đầy đủ các nội dung được nêu tại phần [Phụ lục 3](#).

- Hạn chế, cấm người đi lại trong thiên tai; thông báo cho học sinh tạm nghỉ học tránh bão khi có lệnh của UBND tỉnh.

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, chốt chặn, an ninh trật tự, bảo vệ tài sản trước, trong và sau thiên tai.

- Sẵn sàng Phương án phòng, chống lũ, lũ quét, vỡ hồ chứa do mưa kèm theo áp thấp nhiệt đới, bão.

- Bảo đảm thông tin liên lạc, kiểm soát tình hình, các khu vực trọng điểm cần phải tổ chức ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, báo cáo Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh, UBND tỉnh.

- Bảo đảm lương thực, nước uống, y tế trước, trong và sau thiên tai.

- Ngay sau áp thấp nhiệt đới, bão suy yếu: Tổ chức ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu người bị nạn.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện đề nghị Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh, UBND tỉnh hỗ trợ.

#### **\* Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh**

- Hằng năm, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh lập Kế hoạch Hiệp đồng ứng phó sự cố, thiên tai - tìm kiếm cứu nạn với các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn tỉnh Bình Định trong điều kiện phòng, chống dịch COVID-19. Trong Kế hoạch nêu cụ thể về các tình huống thiên tai và phân công trách nhiệm về địa bàn ứng phó xử lý của từng đơn vị cụ thể. Các lực lượng trong kế hoạch hiệp đồng gồm: Các lực lượng của Bộ Quốc phòng, Quân khu, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh. ([Kế hoạch số 2298/KH-BCH ngày 23/9/2021 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh về hiệp đồng ứng phó sự cố, thiên tai - tìm kiếm cứu nạn với các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn tỉnh Bình Định trong điều kiện phòng chống dịch COVID-19 năm 2021 kèm theo](#)).

- Triển khai công điện của các cấp về công tác ứng phó với bão, áp thấp nhiệt đới. Tổ chức họp Ban Chỉ huy PCTT và TKCN chỉ đạo cơ quan, đơn vị tăng

cường kíp trực (trực chỉ huy, trực ban) theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình áp thấp nhiệt đới, bão; sẵn sàng lực lượng, phương tiện ứng phó.

- Chỉ đạo kiểm tra các đơn vị bảo đảm vật chất, lương thực, thực phẩm, quân trang, xăng dầu, quân y, phương tiện vận tải phục vụ công tác sẵn sàng ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới.

- Hiệp đồng với Trung đoàn Không Quân 925 sẵn sàng ứng cứu và cứu trợ đường không khi cần thiết.

- Tổ chức triển khai lực lượng chằng chống nhà cửa, sơ tán bộ đội, phương tiện, khí tài, vũ khí trang bị, vật chất, ... đến nơi trú tránh an toàn cho cơ quan, đơn vị của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; sử dụng các đơn vị trực thuộc tham gia chằng chống doanh trại, nhà kho, tiếp tục cắt tỉa cây xanh; giúp dân chằng chống nhà cửa, sơ tán người, tài sản, phương tiện theo kế hoạch đã hiệp đồng với các đơn vị của Bộ, Quân khu tham gia PCTT và TKCN trên địa bàn, trong đó lưu ý thực hiện các biện pháp bảo đảm phòng chống dịch bệnh Covid tại các khu tập trung người dân sơ tán. Sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ khác khi có lệnh.

- Phối hợp với Bệnh viện Quân y 13 làm tốt công tác chuẩn bị mọi mặt sẵn sàng tiếp nhận nạn nhân cứu chữa tại chỗ. Tổ chức các tổ Quân y cơ động sẵn sàng tham gia tìm kiếm cứu nạn, xử lý vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh cho đơn vị, nhân dân ở các vùng trọng điểm khi bão qua.

- Ban Chỉ huy Quân sự các huyện, thị xã, thành phố ven biển tổ chức lực lượng phối hợp với Đoàn Biên phòng cùng với cơ quan chức năng của địa phương nắm chắc số lượng tàu thuyền đã di chuyển vào bờ và hướng dẫn neo đậu; số lượng tàu thuyền còn đang hoạt động trên biển; cấm tàu thuyền ra khơi và tiếp tục thông báo cho tàu thuyền tìm nơi trú tránh.

**\* Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh**

- Bắn pháo hiệu cảnh báo bão theo quy định.

- Thông báo gia đình và thuyền trưởng biết diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới; hướng dẫn tàu thuyền thoát ra vùng biển nguy hiểm, nhanh chóng về nơi trú tránh gần nhất.

- Kiểm đếm tàu thuyền trên các vùng biển; cùng chính quyền địa phương bảo đảm an toàn tàu thuyền neo đậu tại cảng Tam Quan, Đề Gi, Quy Nhơn và các vùng biển trú tránh.

- Tổ chức triển khai lực lượng chằng chống nhà cửa, sơ tán bộ đội, phương tiện, khí tài, vũ khí trang bị, vật chất, ... đến nơi trú tránh an toàn cho cơ quan, đơn vị Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; cắt tỉa cây xanh; giúp dân chằng chống nhà cửa, sơ tán người, tài sản, phương tiện trên địa bàn. Sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ khác khi có lệnh.



- Tập kết lực lượng, phương tiện, trang thiết bị vào các bến bãi, vị trí khi có tin bão, áp thấp nhiệt đới gần bờ, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ sơ tán dân khi có lệnh; trong đó lưu ý thực hiện các biện pháp bảo đảm phòng chống dịch bệnh Covid tại các khu tập trung người dân sơ tán đến bao gồm cả ngư dân trên các tàu ngoại tỉnh đến trú tránh.

\* **Đề nghị Đài Thông tin Duyên hải Quy Nhơn:** Bảo đảm thông tin liên lạc với tàu thuyền, thông tin về áp thấp nhiệt đới, bão, kêu gọi tàu thuyền vào bờ hoặc thoát ra khỏi khu vực nguy hiểm; thông tin về các tình huống tìm kiếm cứu nạn trên biển.

**\* Công an tỉnh**

- Tập kết lực lượng, phương tiện, trang thiết bị vào các bến bãi, vị trí khi có tin bão, áp thấp nhiệt đới gần bờ, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ sơ tán dân khi có lệnh.

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các địa phương triển khai Phương án bảo đảm an toàn giao thông, chốt chặn các tuyến đường và các khu vực nguy hiểm.

- Triển khai Phương án bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản nhà nước và nhân dân. Đồng thời xử phạt nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid -19.

- Triển khai Phương án phòng cháy, chữa cháy, chú ý đến các khu vực trú đậu của tàu thuyền, khu vực đã sơ tán nhân dân.

- Triển khai hoạt động ứng cứu sập đổ công trình.

**\* Sở Xây dựng**

- Hướng dẫn việc chằng chống nhà ở, nhà xưởng, kho tàng, công trình công cộng trước khi bão đổ bộ.

- Triển khai Phương án phòng, chống lụt, bão cho các công trình, công trình đang thi công dở dang, tháp cầu, cây xanh, hệ thống điện chiếu sáng, cấp nước.

- Triển khai Phương án chống ngập lụt, ngập úng trong khu vực nội thị,

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải triển khai Phương án huy động các trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác ứng phó bão.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai phương án bảo đảm an toàn các công trình viễn thông, các trụ anten trong khu dân cư.

**\* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới.

- Phối hợp Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Định thông báo các chủ tàu thuyền biết diễn biến của bão để chủ động phòng tránh; đối với tàu thuyền đang neo đậu tại bến không cho ra khơi để bảo đảm an toàn.

- Rà soát, kiểm tra kế hoạch sơ tán dân vùng ven biển khi bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ và báo cáo về Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Phối hợp UBND cấp huyện triển khai công tác bảo đảm an toàn hồ chứa, đập dâng, đê, kè, kênh mương trên địa bàn.

- Tham mưu Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND tỉnh vận hành điều tiết hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đôn đốc, chỉ đạo công tác trực ban của Văn phòng Thường trực về Phòng chống thiên tai tỉnh.

**\* Sở Giao thông vận tải**

- Triển khai Phương án phòng, chống bão đối với các công trình giao thông.

- Phối hợp với chính quyền địa phương điều động phương tiện bảo đảm vận chuyển người dân sơ tán đến trú tránh an toàn.

- Bố trí lực lượng kiểm soát giao thông, bảo vệ cầu trên tuyến Quốc lộ 1, Quốc lộ 19, Tỉnh lộ và hệ thống giao thông đô thị trong tỉnh.

- Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh trong công tác giải phóng lòng đường phục vụ ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn.

- Phối hợp với Sở Xây dựng rà soát Phương án chuẩn bị huy động trang thiết bị, phương tiện, vật tư phục vụ công tác sơ tán, ứng phó.

**\* Sở Công Thương và Công ty Điện lực Bình Định**

- Sở Công Thương: Rà soát Phương án chuẩn bị, dự trữ, cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân trước và sau bão; Phối hợp với Chi cục Quản lý thị trường tỉnh quản lý tốt thị trường, giá cả, chất lượng hàng hóa trong thiên tai, dịch bệnh Covid 19 xảy ra. Triển khai Phương án phòng, chống bão đối với các công trình, kho tàng, trụ sở của ngành. Chỉ đạo các hồ thủy điện vận hành theo đúng quy định.

- Công ty Điện lực Bình Định: Triển khai Phương án bảo đảm an toàn hệ thống, mạng lưới điện cho tất cả các cấp điện thế.

**\* Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Phối hợp với Sở Xây dựng triển khai Phương án xử lý ngập úng.

- Sẵn sàng Phương án tổ chức khắc phục môi trường sau bão; phương án xử lý sự cố tràn dầu, phương án bảo đảm an toàn các công trình, xử lý môi trường.

**\* Sở Y tế**

- Khẩn trương tổ chức công tác chuẩn bị phòng tránh nhằm bảo đảm an toàn các bệnh viện, cơ sở điều trị, kho dự trữ thuốc, trang thiết bị y tế của ngành.

- Triển khai chặt tĩa cây xanh dễ đổ ngã, chằng chống, neo buộc đối với các cơ sở y tế bán kiên cố, lập phương án di dời bệnh nhân, thuốc, trang thiết bị đến nơi an toàn.

- Các đơn vị phải bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị y tế phục vụ cấp cứu, khám chữa bệnh, điều trị bệnh nhân. Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh kiểm tra lại cơ số thuốc, hóa chất phòng chống lụt bão, sẵn sàng cấp cứu kịp thời các trường hợp bị nạn, cũng như dịch bệnh COVID-19.

- Tổ chức cung ứng, phân phối vật tư, hóa chất, thiết bị cho các địa phương đã sơ tán dân do thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 sử dụng kịp thời, hiệu quả.

- Tham gia cùng với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh trong công tác cấp cứu của các Đội cứu hộ, cứu nạn.

**\* Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Triển khai công tác phòng, chống lụt bão cho các công trình, cơ sở giáo dục.

- Phối hợp với các địa phương sử dụng cơ sở giáo dục đào tạo làm nơi sơ tán nhân dân.

- Thông báo cho các trường học cho học sinh, sinh viên tạm nghỉ học tránh bão, lũ khi có chỉ đạo của UBND tỉnh hoặc của Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh.

**\* Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Báo Bình Định và Cổng thông tin điện tử tỉnh**

- Triển khai Phương án thông tin truyền thông, kịp thời phát tin bão, các công điện, văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh và Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh cho chính quyền, cộng đồng, người dân.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền cho người dân việc thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai, dịch bệnh COVID-19 để người dân hiểu và tự giác chấp hành.

- Triển khai Phương án phân công phóng viên đến các vùng trọng điểm về thiên tai để kịp thời đưa tin về tình hình thiên tai, ứng phó và khắc phục.

- Triển khai Phương án bảo đảm an toàn các cơ sở phát thanh, truyền hình, các công trình viễn thông, các trụ ăng ten trong khu dân cư; Phương án dự phòng và bảo đảm an toàn, thông suốt liên lạc với Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện.

**\* Sở Du lịch**

- Triển khai Phương án bảo đảm an toàn cho tất cả các cơ sở du lịch, kể cả tàu du lịch, khách sạn, khu nghỉ dưỡng.

- Phương án bảo đảm an toàn cho khách du lịch.

- Phối hợp với UBND các địa phương trong công tác sử dụng các cơ sở du lịch, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng làm nơi sơ tán đến cho người dân (lưu ý bảo đảm công tác phòng chống dịch COVID-19 theo quy định).

**\* Sở Văn hóa và Thể thao**

- Triển khai Phương án bảo đảm an toàn cho tất cả các cơ sở văn hóa, thể thao.

- Kiểm tra, xử lý, tháo dỡ, hạ các biển quảng cáo (nếu cần thiết) nhằm bảo đảm an toàn khi có thiên tai.

**\* Sở Ngoại vụ**

- Triển khai Phương án bảo đảm an toàn cho người nước ngoài trong trường hợp thiên tai.

- Liên hệ với Bộ Ngoại giao đề nghị cứu hộ, cứu nạn hoặc cho người, phương tiện vào trú tránh khi tàu thuyền gặp nạn theo đề nghị của Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh.

**\* Đề nghị Đài Khí tượng Thủy văn Bình Định:** Triển khai Phương án bảo đảm thông tin về dự báo, cảnh báo đến lãnh đạo tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh.

**\* Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Triển khai Phương án phòng, chống bão cho trụ sở UBND tỉnh.

- Bố trí nơi làm việc và điều kiện làm việc của Ban Chỉ đạo tiền phương Trung ương Phòng, chống thiên tai (Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT, các Bộ, ngành, ...);

- Bảo đảm kết nối thông tin chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh với Trung ương và các địa phương tại phòng họp UBND tỉnh.

- Đăng tải thông tin bão, lũ và các văn bản chỉ đạo trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

\* **Công ty TNHH KTCT Thủy lợi Bình Định**: Triển khai Phương án phòng, chống lụt bão và phương án phòng, chống lũ, lụt vùng hạ du các hồ chứa nước, nhất là các hồ vận hành theo Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Côn - Hà Thanh.

*c. Phương án sơ tán nhân dân*

- Phát lệnh sơ tán: Tùy tình hình, Chủ tịch UBND tỉnh kiêm Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh phát lệnh sơ tán nhân dân.

- Chỉ huy công tác sơ tán nhân dân: Chủ tịch UBND các địa phương chỉ huy công tác sơ tán dân trên địa bàn.

- Lực lượng và phương tiện hỗ trợ sơ tán nhân dân: Lực lượng vũ trang tại UBND cấp huyện, xã là chủ yếu. Các lực lượng vũ trang đã hiệp đồng với UBND cấp huyện và của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ngành hỗ trợ.

- Rà soát lại số người sơ tán, kiểm tra an toàn nơi sơ tán đến.

**- Hình thức sơ tán trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh:**

+ Người dân tự di dời, sơ tán xen ghép các nhà kiên cố tại chỗ là chính. Trường hợp không đủ, sơ tán vào các trường học, trụ sở cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, khách sạn, công trình công cộng, các cơ sở tôn giáo. Ưu tiên sơ tán trước cho người già, trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật. Chú ý không để sót người tạm trú, sinh viên, công nhân trong các nhà trọ; khách dừng chân tại các bến xe, bến tàu; người trên các lồng bè nuôi trồng thủy sản, tàu thuyền đang neo đậu.

+ UBND cấp xã lập danh sách cụ thể các hộ dân cần sơ tán xen ghép do bão lũ có xét đến yếu tố phòng dịch COVID-19 (hộ nào xem ghép hộ nào), sơ tán nhưng không tập trung, có dẫn cách theo Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển biện pháp phòng chống dịch từ áp dụng Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ sang áp dụng Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên phạm vi toàn tỉnh (trừ một số khu vực đang thực hiện phong tỏa, cách ly theo Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ).

- Người sơ tán phải mang theo thức ăn, nước uống, thuốc chữa bệnh, vật dụng cần thiết để sử dụng trong thời gian sơ tán.

- Chính quyền địa phương nơi tiếp nhận dân tới trú tránh bão phải chuẩn bị lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, bảo đảm an ninh, vệ sinh môi trường và phòng chống dịch bệnh COVID-19.

- Sở Y tế yêu cầu Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố huy động các đội cấp cứu tại chỗ và lưu động sẵn sàng ứng cứu dân; phối hợp với Ban Chỉ huy

PCTT - TKCN và PTDS các cấp theo dõi tình hình tại các nơi đang sơ tán dân để bố trí nhân lực, phương tiện, vật tư, thuốc chữa bệnh cho phù hợp.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán đối với các tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành.

- Một số nguyên tắc trong chỉ huy sơ tán dân:

+ *Phải bảo đảm thông tin liên lạc và chế độ báo cáo:* Các địa phương, đơn vị phải bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt. Trường hợp có sự cố về đường truyền phải nhanh chóng xử lý hoặc thiết lập kênh thông tin khác. Đồng thời phải duy trì chế độ báo cáo liên tục 02 giờ/lần về kết quả thực hiện cho cấp chỉ huy trực tiếp để chỉ đạo ứng phó kịp thời.

+ *Phải bảo đảm tính cơ động:* Công tác chuẩn bị phải được thực hiện chu đáo. Các điểm tập kết dân phải gần các trục đường vận chuyển và phương tiện cơ giới phải phù hợp với địa hình thực tế, hoạt động bình thường. Tuyên truyền, vận động nhân dân ý thức tự bảo vệ và đoàn kết giúp đỡ nhau để việc sơ tán bảo đảm nhanh chóng và an toàn.

+ *Phải bảo đảm tính tự giác, nghiêm túc:* Người dân di dời, sơ tán đến các nơi trú tránh dưới sự tổ chức, hướng dẫn của lực lượng bộ đội, công an và dân quân. Phải chấp hành mọi chỉ dẫn, điều động của lực lượng hỗ trợ để việc sơ tán là tự giác, an ninh và kịp thời gian quy định.

+ *Phải bảo đảm điều kiện sinh hoạt nơi sơ tán đến:* Các nhà kiên cố, cơ sở công cộng, tôn giáo, doanh nghiệp, khách sạn ... phải bảo đảm điều kiện sinh hoạt cho người dân trong thời gian trú tránh bão. Phải có lương thực, nước uống, chăn màn và nhân viên y tế phục vụ sức khỏe nhân dân. Lưu ý: Phải bảo đảm phòng chống dịch bệnh COVID-19 theo hướng dẫn tại [Phụ lục 3](#).

- Dự kiến số người sơ tán: 7.220 hộ/ 23.073 người sơ tán theo hình thức xen ghép và tập trung, theo bảng sau:

Bảng 11: Dự kiến số người sơ tán đối với trường hợp bão và bão mạnh (cấp độ Rủi ro thiên tai cấp 3)

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Bão cấp độ 3			
		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
1	Vĩnh Thạnh	323	789	512	1.972
2	Vân Canh	172	577	417	1392
3	Phù Cát	1.514	4.860	922	2.617
4	Tuy Phước	305	915		
5	An Nhơn	467	1.636	408	1.117
6	Hoài Nhơn	230	892	319	715
7	Quy Nhơn			1.089	3.991

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Bảo cấp độ 3			
		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
<b>Tổng Cộng</b>		<b>3.011</b>	<b>9.669</b>	<b>2.578</b>	<b>7.813</b>

(Chi tiết xem [Phụ lục 4](#))

Bảng 12: Địa điểm sơ tán dự kiến

TT	Địa điểm (các huyện, thị xã, thành phố)	Vị trí sơ tán đến					Cự ly di chuyển (km)
		Hội trường xã	Trạm xá xã	Nhà Văn hóa, sinh hoạt cộng đồng	Trường học các cấp	Nhà trú tránh bão, mưa lũ	
1	Tây Sơn	15	15	71	46		1-4
2	Vĩnh Thạnh	9	9	60	40		1-5
3	Vân Canh	7	7	68	67		1-5
4	An Lão	10	10	75	38		1-5
5	Hoài Ân	15	15	72	38		1-4
6	Phù Mỹ	19	19	85	60		1-3
7	Phù Cát	18	18	85	57		1-3
8	Tuy Phước	13	13	80	50	4	1-3
9	An Nhơn	15	15	85	55	7	1-2
10	Hoài Nhơn	17	17	77	52		1-2
11	Quy Nhơn	21	21	90	70	1	1-1,5
	<b>Tổng</b>	<b>159</b>	<b>159</b>	<b>848</b>	<b>573</b>	<b>12</b>	

*d. Phương án bảo đảm an toàn tàu thuyền*

Bình Định hiện có khoảng 5.952 tàu thuyền/41.887 ngư dân thường xuyên di chuyển hoạt động đánh bắt trên biển. Tình hình hoạt động tàu thuyền trên các ngư trường: hoạt động ven bờ 1.589 tàu thuyền/3.932 người; vùng lộng 1.123 tàu thuyền/6.825 người; vùng khơi 3.240 tàu thuyền/31.130 người. Ngoài ra, còn có 4.969 lồng bè nuôi thủy sản, chủ yếu ở ven biển Quy Nhơn.

Bảng 13: Số liệu tàu thuyền đánh bắt hải sản trên biển tỉnh Bình Định

Tổng số tàu	Tổng số người	Ven bờ (số tàu/ người)	Vùng lộng (số tàu/ người)	Vùng khơi (số tàu/ người)	Có thiết bị quan sát tàu cá (số tàu)	Ngư trường đánh bắt chính
5.952	41.887	1.589/3.932	1.123/6.825	3.240/31.130	3.175	Hoàng sa; giữa Hoàng Sa - Trường Sa; Trường Sa

Phương án bảo đảm an toàn tàu thuyền như sau:

- Khi có dự báo áp thấp nhiệt đới, bão trên biển Đông, Công điện chỉ đạo của Trung ương, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT và UBND các huyện ven biển, thị xã Hoài Nhơn, thành phố Quy Nhơn thông báo cho chủ tàu, thuyền trưởng đang hoạt động trên biển:

+ Vị trí, hướng di chuyển và diễn biến của áp thấp nhiệt đới, bão để thuyền trưởng chủ động phòng tránh; đồng thời hướng dẫn tàu thuyền di chuyển thoát ra khỏi hoặc không đi vào khu vực nguy hiểm. Hướng dẫn cho tàu thuyền di chuyển vào vùng cảng biển gần nhất, cụ thể:

.Tàu thuyền khu vực Hoàng Sa, Trường Sa trên vĩ độ 13,2 di chuyển lên phía Bắc hoặc vào bờ; dưới vĩ độ 13,2 di chuyển xuống phía Nam hoặc vào bờ.

.Tàu thuyền gần bờ từ Quảng Ngãi đến Quảng Ninh, từ Phú Yên đến Kiên Giang nhanh chóng di chuyển vào bờ.

.Đối với tàu thuyền hoạt động gần bờ trong tỉnh di chuyển vào bờ.

+ Bộ đội Biên phòng tỉnh chỉ đạo đồn Biên phòng Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, thành phố Quy Nhơn bắn pháo hiệu cảnh báo bão theo quy định.

+ Kiểm đếm tàu thuyền hoạt động trên các vùng biển. Liên lạc với chủ các phương tiện, gia đình ngư dân để xác minh vụ việc tàu thuyền, xử lý và báo cáo cấp trên, Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh để kịp thời chỉ đạo.

- Đài Thông tin Duyên hải Quy Nhơn thông báo liên tục diễn biến áp thấp nhiệt đới, bão; liên lạc với tàu thuyền trên biển để hướng dẫn di chuyển tránh trú.

- Chi cục Thủy sản phối hợp với Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển:

+ Kiểm đếm tàu thuyền đã về nơi trú tránh tại cảng Tam Quan, đầm Đê Gi, đầm Thị Nại; cập nhật tàu thuyền của tỉnh đang trú tránh ở các tỉnh bạn.

+ Kiểm đếm tàu thuyền hoạt động trên các ngư trường, thông báo diễn biến siêu bão và hướng dẫn tàu thuyền di chuyển trú tránh.

+ Liên lạc với chủ các phương tiện, gia đình ngư dân để xác minh vụ việc tàu thuyền, thông báo cho các tàu trong tổ đội hỗ trợ, giúp đỡ và báo cáo Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh để kịp thời chỉ đạo.

- Công an, Bộ đội Biên phòng và UBND cấp huyện, xã ven biển:

+ Hướng dẫn, sắp xếp tàu thuyền neo đậu bảo đảm an toàn;

+ Tuyệt đối không để người ở lại trên tàu thuyền, lồng bè, chòi canh khi siêu bão ảnh hưởng đến đất liền.



- + Bảo đảm an ninh tại các bến, cảng tàu thuyền neo đậu;
- Số lượng tàu thuyền có thể vào neo đậu: Đầm Thị Nại 2.400 chiếc, Đầm Đê Gi 2.000 chiếc, Tam Quan 1.200 chiếc. Đối với các tàu thuyền nhỏ thì đưa lên bờ hoặc nhận chìm.

Bảng 14: Vị trí khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão

TT	Khu vực	Địa điểm	Tọa độ	Chiều dài luồng (m)	Sức chứa (số tàu)
1	Đầm Thị Nại	Thành phố Quy Nhơn và huyện Tuy Phước	13 <sup>o</sup> 45'54"N; 109 <sup>o</sup> 14'48"E	1.800	2.400
2	Đầm Đê Gi	Huyện Phù Cát và huyện Phù Mỹ	14 <sup>o</sup> 07'18"N; 109 <sup>o</sup> 12'36"E	1.500	2.000
3	Tam Quan	Xã Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn	14 <sup>o</sup> 34'18"N; 109 <sup>o</sup> 04'12"E	1.000	1.200

- Đối với lồng bè nuôi trồng trên biển: UBND các huyện ven biển, thành phố Quy Nhơn hướng dẫn các chủ nuôi di chuyển 2.750 lồng bè nuôi trồng thủy hải sản đến nơi an toàn (các đầm, vịnh kín gió) hoặc vận động các chủ nuôi thu hoạch, chế biến, cất giữ thủy sản.

Bảng 15: Số liệu lồng bè nuôi trồng thủy sản

TT	Địa bàn	Tổng số		Số lượng		Số lượng		Khu vực nuôi
		Lồng, bè (cái)	Số người	Lồng (cái)	Số người	Bè (cái)	Số người	
<b>I</b>	<b>Nước mặn, lợ</b>	<b>4.341</b>	<b>243</b>	<b>4.341</b>	<b>243</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Quy Nhơn	4.161	229	4.161	229	0	0	Phường Hải Cảng; phường Ghềnh Ráng; xã Nhơn Hải; xã Nhơn Châu
2	Phù Mỹ	180	14	180	14	0	0	Thôn Vĩnh Lợi 3; xã Mỹ Thành
<b>II</b>	<b>Nước ngọt</b>	<b>628</b>	<b>42</b>	<b>628</b>	<b>42</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Vĩnh Thạnh	480	32	480	32	0	0	Hồ Định Bình; hồ chứa thủy điện A, xã Vĩnh Sơn (01 doanh nghiệp nuôi cá tầm)
2	An Nhơn	22	01	22	01	0	0	Lưu vực Sông Kôn, xã Nhơn Lộc
3	Phù Cát	126	9	126	9	0	0	Hồ Mỹ Thuận, xã Cát Hưng; hồ Suối Tre, xã Cát Lâm; hồ Hội Sơn, xã Cát Sơn

### **đ. Phương án khắc phục hậu quả**

- Chủ tịch UBND các địa phương là người tổng chỉ huy trực tiếp và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng, chống thiên tai cấp trên.

- Các lực lượng địa phương phối hợp với các lực lượng vũ trang, sở, ban, ngành tiếp tục công tác ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu người bị nạn.

- Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm theo yêu cầu của cấp trên để kịp thời ứng phó và cứu trợ khẩn cấp.

- Các huyện, thị xã, thành phố thông tin khẩn cấp cho UBND tỉnh về tình hình ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn và yêu cầu ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn khi vượt quá khả năng.

- UBND tỉnh thông tin khẩn cấp cho trung ương về tình hình ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn và yêu cầu ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn khi vượt quá khả năng.

- Tập trung khắc phục giao thông, giải phóng lòng đường ngay sau khi bão suy yếu để bảo đảm hoạt động của công tác tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu người bị nạn. Có phương án bảo đảm an toàn giao thông sau bão.

- Nhanh chóng thống kê thiệt hại, xác định nhu cầu cứu trợ báo cáo cấp trên.

- Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của nhân dân và nhà nước.

- Tổ chức đưa người sơ tán trở về nhà an toàn.

- Tổ chức cứu trợ khẩn cấp: hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm, bố trí chỗ ở tạm cho các hộ mất nhà cửa hoặc bị hư hỏng nặng.

- Huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, nhu yếu phẩm, tổ chức khắc phục hậu quả:

+ Chăm sóc, điều trị người bị thương.

+ Thăm hỏi, động viên các gia đình có người tử nạn, bị nạn.

+ Khắc phục điện, nước, giao thông, viễn thông.

+ Vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh.

+ Khôi phục nhà cửa, cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục, bưu điện, thủy lợi, tàu thuyền, thủy sản, cây xanh, cơ sở sản xuất, hỗ trợ nông dân khôi phục và tổ chức sản xuất nông nghiệp, ... ưu tiên các khu vực trọng yếu.

+ Cảnh báo người dân biết những nguy hiểm để người dân cảnh giác, đề phòng khi khắc phục hậu quả và trường hợp có mưa lũ sau bão theo các phương án đã xây dựng.

- Tổ chức bình ổn thị trường.

- Vận động, tiếp nhận và phân phối kịp thời các nguồn hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cứu trợ về lương thực, thực phẩm, thuốc men, hỗ trợ kinh phí cho người dân bị thiệt hại.

- Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền về tình hình thiệt hại và kết quả triển khai công tác khắc phục tại địa phương.

## **2. Kịch bản 2: Bão rất mạnh và siêu bão (gió mạnh từ bão cấp 12 trở lên)**

### *a. Công tác truyền thông*

Về cơ bản như kịch bản 1, tập trung vào các nội dung sau:

- Các Đài truyền hình, truyền thanh, phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn tăng cường thời lượng đưa tin, cảnh báo với tần suất 2 giờ đưa tin 1 lần, lưu ý cho người dân, các cơ quan, đơn vị về cường độ, sức tàn phá của bão; đưa ra các số liệu thiệt hại các cơn bão trong lịch sử để mọi người nâng cao mức độ cảnh giác.

- Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị các doanh nghiệp viễn thông trên địa phương nhắn tin thông tin về bão đến từng người dân.

### *b. Tổ chức ứng phó*

- Thực hiện các nội dung đã nêu ở kịch bản 1.

- Chủ tịch UBND tỉnh thành lập các đoàn công tác do lãnh đạo Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh làm trưởng đoàn đến hỗ trợ, giúp đỡ các địa phương ứng phó và chỉ đạo khắc phục hậu quả.

- Thực hiện biện pháp huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, trang thiết bị, nhu yếu phẩm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, ... trên địa bàn để tổ chức ứng phó.

- Tăng cường lực lượng hỗ trợ nhân dân và các cơ quan, tổ chức: chẳng chống nhà cửa, cơ quan trụ sở, kho tàng, bệnh viện, trường học, nhà xưởng, các cơ sở an ninh, quốc phòng, ... Đặc biệt phải an toàn tuyệt đối cho bệnh viện để sẵn sàng tiếp nhận bệnh nhân.

- Cho học sinh, sinh viên các trường, công nhân các doanh nghiệp trên địa bàn tạm nghỉ để tránh bão.

- Thành lập các đội cấp cứu lưu động.

- Rà soát kế hoạch ứng cứu, nhất là các khu vực trọng điểm để sẵn sàng triển khai ngay sau khi bão bắt đầu suy yếu: lực lượng, phương tiện, vật tư, giải phóng lòng đường.

- Triển khai Phương án bảo đảm thông tin, dự phòng thông tin và đề phòng sự cố tê liệt hệ thống thông tin liên lạc: Đài phát dự phòng, điện thoại, pin, bộ đàm, ... dự phòng cho lãnh đạo tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh, huyện, thị xã, thành phố (Sở Thông tin và Truyền thông).

- Bảo đảm trú ẩn an toàn cho lực lượng ứng phó khi bão đổ bộ để sẵn sàng triển khai ứng cứu ngay khi bão bắt đầu suy yếu.

- Thường xuyên báo cáo về Trung ương (Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn).

*c. Tổ chức sơ tán nhân dân:* Cơ bản thực hiện như ở kịch bản 1.

- Chủ tịch UBND tỉnh quyết định huy động tất cả các nguồn lực, các cơ sở, trụ sở, nhà cửa, cơ quan, nhà thờ, chùa chiền, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng và các cơ sở an toàn chịu bão lớn khác của tất cả tổ chức, hộ gia đình, cá nhân làm cơ sở sơ tán đến cho nhân dân.

- Các địa phương thiếu nơi sơ tán an toàn nhanh chóng thực hiện các biện pháp khẩn cấp như đào hầm trú ẩn (trừ vùng lũ và ven biển).

- Số hộ, số người phải sơ tán tăng lên rất nhiều so với kịch bản 1. Dự kiến số người sơ tán: 19.303 hộ/ 67.168 người sơ tán đối với bão cấp độ 4 và 36.841 hộ/ 126.276 người sơ tán đối với bão cấp độ 5, theo bảng sau:

Bảng 16: Dự kiến số người sơ tán đối với trường hợp bão rất mạnh và siêu bão (cấp độ rủi ro thiên tai cấp 4 và cấp 5)

TT	Huyện	Bão cấp độ 4				Bão cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
1	Tây Sơn			1.647	7.056			1.647	7.056
2	Vĩnh Thạnh	348	937	426	1.496	40	146	2.059	7.785
3	Vân Canh	172	577	417	1392	172	577	417	1392
4	An Lão	280	1.112			280	1.112	480	1.920
5	Hoài Ân	195	610	807	2.812	56	215	946	3.207
6	Phù Mỹ	471	2.216			483	2.173	992	4.316
7	Phù Cát	2.453	8.846	2.861	9.065	2.341	7.828	10.644	37.606
8	Tuy Phước	3.215	9.646	754	2.263	7.934	23.801	2.360	7.081
9	An Nhơn	1.115	3.544	885	3.308	1.614	4.694	1.312	4.390
10	Hoài Nhơn	540	2.429	599	2.396	605	2.627	642	2.846

TT	Huyện	Bảo cấp độ 4				Bảo cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
11	Quy Nhơn			1.089	3.991			1.089	3.991
<b>Tổng Cộng</b>		<b>8.789</b>	<b>29.917</b>	<b>9.485</b>	<b>33.779</b>	<b>13.525</b>	<b>43.173</b>	<b>22.588</b>	<b>81.590</b>

(Chi tiết xem [Phụ lục 4](#))

- Số hộ, số người phải sơ tán vùng ven biển ngập lụt do nước biển dâng:  
Theo bảng sau:

Bảng 17: Số hộ, số người phải sơ tán vùng ven biển ngập lụt do nước biển dâng

Huyện	Bảo cấp 12-13				Bảo cấp 14-15				Bảo cấp 16-17			
	Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
Phù Mỹ	177	871	10	45	177	871	346	1.717	177	871	346	1.717
Phù Cát	440	1.776	757	2.920	608	2.692	1.341	5.598	530	2.276	1.509	6.427
Tuy Phước	296	888			1.833	5.498	362	1.087	5.900	17.701	1.100	3.299
Hoài Nhơn	94	366	130	291	223	997	243	972	251	1.076	267	1.171
Quy Nhơn			422	1519			422	1519			422	1519
<b>Toàn Tỉnh</b>	<b>1.007</b>	<b>3.901</b>	<b>1.319</b>	<b>4.775</b>	<b>2.841</b>	<b>10.058</b>	<b>2.714</b>	<b>10.893</b>	<b>6.858</b>	<b>21.924</b>	<b>3.644</b>	<b>14.133</b>

(Chi tiết xem [Phụ lục 5](#))

#### d. Tổ chức khắc phục

Thực hiện như kịch bản 1, trong đó lưu ý những nội dung sau:

- Ngay sau bão bắt đầu suy yếu, triển khai ngay công tác ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu người bị nạn.
- Các địa phương thường xuyên liên lạc với UBND tỉnh, kiểm soát tình hình, đề nghị ứng cứu. UBND tỉnh thường xuyên báo cáo tình hình với Trung ương.
- Nhanh chóng giải phóng lòng đường, ưu tiên các tuyến đường đến ứng cứu trước.
- Huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó và cứu trợ khẩn cấp, kể cả cho các địa phương bạn theo lệnh của Thủ tướng Chính phủ.
- Các địa phương cập nhật tình hình cần ứng cứu và tình hình thiệt hại, xác định nhu cầu cứu trợ báo cáo UBND tỉnh xử lý.

- Kịp thời tổ chức cứu trợ khẩn cấp với quy mô lớn: Hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm, bố trí chỗ ở tạm cho các hộ mất nhà cửa hoặc bị hư hỏng nặng (với số lượng lớn).

- Tổ chức đưa người sơ tán trở về nhà an toàn.

- Chăm sóc người bị thương, tìm kiếm người mất tích, tổ chức mai táng, thăm hỏi động viên các gia đình có người bị nạn, tử vong.

- Tập trung khắc phục điện, nước, giao thông và viễn thông.

- Khắc phục vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.

- Khôi phục nhà cửa, cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục, bưu điện, thủy lợi, tàu thuyền, thủy sản, cây xanh, cơ sở sản xuất, hỗ trợ nông dân khôi phục và tổ chức sản xuất nông nghiệp, ...

- Cảnh báo người dân biết những nguy hiểm để người dân cảnh giác, đề phòng khi khắc phục hậu quả.

### III. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI LŨ, LŨ QUÉT

#### 1. Kịch bản 1: Đối với lũ

*a. Công tác truyền thông:* Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh và các địa phương triển khai đồng bộ công tác truyền thông như sau:

- Chuyển tải các văn bản chỉ đạo của Trung ương, địa phương đến các cơ quan, đơn vị và nhân dân.

- Các bản tin về mưa lớn, lũ, ngập lụt của cơ quan khí tượng thủy văn được cung cấp cho các cơ quan truyền thông và các cơ quan chức năng từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở để chủ động triển khai ứng phó.

- Thường xuyên theo dõi các bản tin cảnh báo, dự báo thiên tai và diễn biến dịch bệnh Covid qua các phương tiện thông tin đại chúng.

- Hình thức truyền thông tin giữa các cấp, các ngành và đến người dân:

+ Qua Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định.

+ Qua mạng xã hội: Facebook, Zalo, các báo điện tử.

+ Qua hệ thống truyền thanh của địa phương.

+ Qua loa cầm tay trực tiếp, xe loa tuyên truyền cơ động.

+ Nhận thông tin qua: Điện thoại cố định, điện thoại di động, Idesk, fax, email.

+ Các hình thức thông tin, truyền thông chính thống khác.

#### *b. Tổ chức ứng phó*

Thực hiện chỉ huy tập trung, thống nhất:

- Chủ tịch UBND kiêm Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS các cấp trực tiếp chỉ huy, điều hành, phân công các lực lượng có mặt trên địa bàn trong quá trình phòng tránh, ứng phó với thiên tai.

- Các sở, ngành, địa phương theo dõi chặt chẽ diễn biến thiên tai. Triển khai lực lượng tại chỗ ứng phó theo Lệnh của Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS. Chủ tịch UBND cấp huyện, xã phối hợp Chỉ huy trưởng quân sự, Công an cứu hộ, cứu nạn người hoặc xử lý sự cố công trình do thiên tai.

Tùy thuộc vào các bản tin dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn Bình Định mưa lớn, cảnh báo lũ sẽ có các phương án ứng phó. Tập trung vào các nội dung:

\* **UBND các huyện, thị xã, thành phố:** Chủ tịch UBND cấp huyện là tổng chỉ huy trên địa bàn, chịu trách nhiệm:

- Trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng, chống thiên tai cấp trên.

- Tổ chức trực ban 24/24h, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa lớn, cảnh báo lũ, ngập lụt thông tin cảnh báo kịp thời đến chính quyền cơ sở và người dân để chủ động phòng, tránh.

- Tranh thủ thu hoạch, chủ động tháo nước diện tích gieo trồng vụ mùa, kê và đưa lên cao lúa giống gieo sạ; thu hoạch thủy hải sản trên các lồng bè, ao hồ.

- Phân công lãnh đạo và cán bộ xuống địa bàn kiểm tra, đôn đốc.

- Triển khai thực hiện Phương án phòng, chống lũ, lụt; rà soát các khu dân cư đang sống ở những vùng trũng, thấp, vùng ven sông, suối, vùng có nguy cơ sạt lở; lũ quét, triển khai Phương án sơ tán nhân dân; kiểm tra và thực hiện công tác bảo đảm an toàn nơi sơ tán đến phù hợp trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19. Thông báo tình hình mưa lũ để nhân dân chủ động ứng phó, hạn chế đi lại trong vùng ngập lũ.

- Chỉ đạo các địa phương, các đơn vị quản lý hồ chứa theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước các hồ chứa, tổ chức kiểm tra an toàn các hồ chứa nước trên địa bàn; tổ chức trực ban phòng, chống thiên tai các hồ chứa nước 24/24h; phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh sẵn sàng, triển khai lực lượng, phương tiện, trang thiết bị để kịp thời xử lý các sự cố, hư hỏng công trình và hỗ trợ sơ tán nhân dân hạ du hồ chứa.

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, chốt chặn, an ninh trật tự, bảo vệ tài sản trước, trong và sau lũ.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các chủ nuôi cá lồng bè trên địa bàn tổ chức neo lồng bè an toàn, tuyệt đối không cho người ở lại trên bè khi có lũ.

- Phối hợp với sở, ngành của tỉnh khơi thông cống rãnh thoát nước, tránh ngập úng khu vực đô thị.

- Cắm biển báo, bố trí lực lượng chốt chặn ở những đoạn đường bị ngập sâu, cấm người, phương tiện qua lại ở những đoạn đường bị ngập và những nơi có dòng nước chảy xiết và các khu vực nguy hiểm; phối hợp với Công an tỉnh tổ chức sắp xếp các phương tiện giao thông đang đậu đỗ trên quốc lộ và nội thị bảo đảm an toàn và an ninh.

- Rà soát, sẵn sàng triển khai Phương án phòng, chống lũ cho các công trình đang thi công, các biện pháp phòng, chống ngập úng do mưa lớn cho các khu dân cư do công trình đang thi công dở dang.



- Sẵn sàng nguồn lực để hỗ trợ các địa bàn lân cận khi có yêu cầu.
- Cho học sinh trong vùng ngập lũ nghỉ học theo thông báo của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc của Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố.
- Dừng các cuộc họp không cần thiết để tập trung cho công tác đối phó với lũ lụt.
- Các cấp, các ngành phối hợp với các lực lượng vũ trang trên địa bàn sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, ứng cứu, sơ tán dân khi cần.
- Tổ chức hướng dẫn các tàu thuyền neo đậu an toàn tại các nơi quy định.
- Cấm các đò ngang, đò dọc hoạt động và bố trí lực lượng ứng trực tại các bến đò ngang, đò dọc để kiểm tra việc thực hiện. Cấm người dân vớt củi hoặc hoạt động sinh kế trên sông.
- Bảo đảm thông tin liên lạc, kiểm soát tình hình, các khu vực trọng điểm cần phải tổ chức ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, báo cáo Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh, UBND tỉnh.
- Bảo đảm lương thực, nước uống, y tế trước, trong và sau thiên tai.
- Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện đề nghị Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh, UBND tỉnh hỗ trợ.
- Đánh giá thiệt hại, tổ chức khắc phục hậu quả, ổn định đời sống, phục vụ sản xuất, phòng chống dịch bệnh, xử lý môi trường, do lũ lụt gây ra.
- Tổ chức cứu trợ cho cá nhân và gia đình bị thiệt hại do lũ gây ra.
- Tổng hợp, báo cáo đến cơ quan cấp trên về diễn biến mưa, lũ, lụt, tình hình thiệt hại và kết quả triển khai đối phó, khắc phục hậu quả.

**\* Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh**

- Rà soát lại các Phương án hiệp đồng các lực lượng vũ trang, nhất là ứng cứu cho các vùng trọng điểm lũ, hồ chứa và vùng hạ du hồ chứa.
- Hằng năm, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh lập Kế hoạch Hiệp đồng ứng phó sự cố, thiên tai - tìm kiếm cứu nạn với các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn tỉnh Bình Định trong điều kiện phòng, chống dịch COVID-19. Trong Kế hoạch nêu cụ thể về các tình huống thiên tai và phân công trách nhiệm về địa bàn ứng phó xử lý của từng đơn vị cụ thể. Các lực lượng trong kế hoạch hiệp đồng gồm: Các lực lượng của Bộ Quốc phòng, Quân khu, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh ([Kế hoạch số 2298/KH-BCH ngày 23/9/2021 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh về hiệp đồng ứng phó sự cố, thiên tai - tìm kiếm cứu nạn với các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn tỉnh Bình Định trong điều kiện phòng chống dịch COVID-19 năm 2021 kèm theo](#))

- Chỉ đạo kiểm tra các đơn vị bảo đảm vật chất, lương thực, thực phẩm, quân trang, xăng dầu, quân y, phương tiện vận tải phục vụ công tác sẵn sàng ứng phó mưa lớn, lũ, ngập lụt.

- Ban Chỉ huy Quân sự các huyện ven biển, thị xã Hoài Nhơn và thành phố Quy Nhơn tổ chức lực lượng phối hợp với Đoàn Biên phòng cùng với cơ quan chức năng của địa phương nắm chắc các vùng nguy cơ ngập lụt, sạt lở đất để sẵn sàng ứng cứu khi có yêu cầu.

#### **\* Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh**

- Phối hợp với địa phương, Cảnh sát giao thông đường thủy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức di chuyển toàn bộ tàu thuyền (kể cả tàu du lịch) về neo đậu an toàn nơi quy định. Trong đó lưu ý thực hiện các biện pháp bảo đảm phòng chống dịch bệnh COVID-19 tại các khu tập trung người dân sơ tán đến bao gồm cả ngư dân trên các tàu ngoại tỉnh đến trú tránh.

- Triển khai Phương án cứu hộ, cứu nạn trên biển, trên sông.

#### **\* Công an tỉnh**

- Tập kết lực lượng, phương tiện, trang thiết bị vào các bến bãi, vùng có nguy cơ ngập lụt, sạt lở đất, nước chảy xiết tại các tràn, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ sơ tán dân khi có lệnh.

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các địa phương triển khai Phương án bảo đảm an toàn giao thông, chốt chặn các tuyến đường và các khu vực nguy hiểm, ngập lụt, nước chảy xiết.

- Triển khai Phương án bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản nhà nước và nhân dân. Đồng thời xử phạt nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng chống dịch bệnh COVID-19.

- Triển khai Phương án phòng cháy, chữa cháy, chú ý đến các khu vực trú đậu của tàu thuyền, khu vực đã sơ tán nhân dân.

- Triển khai Phương án cứu hộ, cứu nạn các tuyến sông còn lại và các suối, ao, hồ (trừ các hồ chứa nước thủy lợi do Công ty TNHH Khai thác thủy lợi Bình Định quản lý); phối hợp với Công ty TNHH Khai thác thủy lợi Bình Định để tổ chức cứu hộ, cứu nạn ở khu vực các hồ chứa nước do Công ty TNHH Khai thác thủy lợi Bình Định quản lý, khai thác và bảo vệ.

#### **\* Sở Xây dựng**

- Triển khai Phương án phòng, chống lụt, bão cho các công trình, công trình đang thi công dở dang, tháp cầu, cây xanh, hệ thống điện chiếu sáng, cấp nước.

- Triển khai Phương án chống ngập lụt, ngập úng trong khu vực nội thị, vận hành các trạm bơm xử lý ngập úng.

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải triển khai Phương án huy động các trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác ứng phó lũ, lụt.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai phương án bảo đảm an toàn các công trình viễn thông, các trụ anten trong khu dân cư.

**\* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến của mưa lớn, lũ.

- Rà soát, kiểm tra kế hoạch sơ tán dân vùng bị ngập lụt, chia cắt, cô lập và báo cáo về Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh.

- Phối hợp UBND cấp huyện triển khai công tác bảo đảm an toàn hồ chứa, đập dâng, đê, kè, kênh mương trên địa bàn.

- Tham mưu Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh, UBND tỉnh vận hành điều tiết hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đôn đốc, chỉ đạo công tác trực ban của Văn phòng Thường trực về Phòng, chống thiên tai tỉnh.

**\* Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Cổng thông tin điện tử tỉnh**

- Triển khai Phương án thông tin truyền thông, kịp thời phát tin mưa lũ, các công điện, văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh và Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền cho người dân việc thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai, dịch bệnh COVID-19 để người dân hiểu và tự giác chấp hành.

- Triển khai Phương án phân công phóng viên đến các vùng trọng điểm về thiên tai để kịp thời đưa tin về tình hình thiên tai, ứng phó và khắc phục.

**\* Sở Giao thông vận tải**

- Bố trí lực lượng kiểm soát giao thông, bảo vệ cầu trên tuyến Quốc lộ 1, Quốc lộ 19, Tỉnh lộ và hệ thống giao thông đô thị trong tỉnh.

- Phối hợp với Công an tỉnh chốt chặn các đoạn đường các khu vực nguy hiểm.

- Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh trong công tác giải phóng lòng đường phục vụ ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn.

- Phối hợp với Sở Xây dựng rà soát Phương án chuẩn bị huy động trang thiết bị, phương tiện, vật tư phục vụ công tác sơ tán, ứng phó.

**\* Sở Công Thương và Công ty Điện lực Bình Định**

- Sở Công Thương: Rà soát Phương án chuẩn bị, dự trữ, cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân trước và sau bão; Phối hợp với Chi cục Quản lý thị trường tỉnh quản lý tốt thị trường, giá cả, chất lượng hàng hóa trong thiên tai, dịch bệnh COVID-19 xảy ra. Triển khai Phương án phòng, chống bão đối với các công trình, kho tàng, trụ sở của ngành. Chỉ đạo các hồ thủy điện vận hành theo đúng quy định.

- Công ty Điện lực Bình Định: Triển khai Phương án bảo đảm an toàn hệ thống, mạng lưới điện cho tất cả các cấp điện thế.

**\* Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Phối hợp với Sở Xây dựng triển khai Phương án xử lý ngập úng.

- Sẵn sàng Phương án tổ chức khắc phục môi trường sau bão; phương án xử lý sự cố tràn dầu, phương án bảo đảm an toàn các công trình, xử lý môi trường.

**\* Sở Y tế**

- Triển khai Phương án cấp cứu, tiếp nhận nạn nhân. Phương án bảo đảm an toàn cho các cơ sở y tế, bệnh viện, bệnh nhân.

- Tham gia cùng với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh trong công tác cấp cứu của các Đội cứu hộ, cứu nạn.

- Chuẩn bị lực lượng cán bộ y tế, cơ sở thuốc, phương tiện, vật tư, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu cấp cứu, khám chữa bệnh phòng chống thiên tai, dịch bệnh COVID-19.

- Tổ chức cung ứng, phân phối vật tư, hóa chất, thiết bị cho các địa phương đã sơ tán dân do thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 sử dụng kịp thời, hiệu quả.

**\* Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Triển khai công tác phòng, chống lụt bão cho các công trình, cơ sở giáo dục.

- Phối hợp với các địa phương sử dụng cơ sở giáo dục đào tạo làm nơi sơ tán nhân dân.

- Thông báo cho các trường học cho học sinh, sinh viên tạm nghỉ học tránh lũ khi có chỉ đạo của UBND tỉnh.

**\* Sở Du lịch**

- Triển khai Phương án bảo đảm an toàn cho tất cả các cơ sở du lịch, kể cả tàu du lịch, khách sạn, khu nghỉ dưỡng.

- Phương án bảo đảm an toàn cho khách du lịch.

- Phối hợp với UBND các địa phương trong công tác sử dụng các cơ sở du lịch, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng làm nơi sơ tán đến cho người dân (lưu ý bảo đảm công tác phòng chống dịch COVID-19 theo quy định).

\* **Sở Văn hóa và Thể thao:** Triển khai Phương án bảo đảm an toàn cho tất cả các cơ sở văn hóa, thể thao.

\* **Đề nghị Đài Khí tượng Thủy văn Bình Định:** Triển khai Phương án bảo đảm thông tin về dự báo, cảnh báo đến lãnh đạo tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh.

\* **Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bảo đảm kết nối thông tin chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh với Trung ương và các địa phương tại phòng họp UBND tỉnh.

- Đăng tải thông tin bão, lũ và các văn bản chỉ đạo trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

\* **Công ty TNHH KTCT Thủy lợi Bình Định:** Triển khai Phương án phòng, chống lụt bão và phương án phòng, chống lũ, lụt vùng hạ du các hồ chứa nước, nhất là các hồ vận hành theo Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Côn - Hà Thanh.

*c. Phương án sơ tán dân*

Để thực hiện kế hoạch sơ tán dân ra khỏi vùng lũ nhanh gọn, an toàn, bảo đảm phòng, chống dịch bệnh cần triển khai thực hiện như sau: Đối với các vùng tuân theo Chỉ thị 14/CT-UBND tỉnh ưu tiên sơ tán xen ghép, hộ dân có nhà không chống chịu được với lũ thì sơ tán xen ghép vào nhà kiên cố, không bị ngập lũ nơi gần nhất; trường hợp không đủ thì sử dụng các cơ sở công cộng tại thôn (trụ sở thôn, trường học, nhà tránh trú bão, ...); Đối với vùng tuân theo tinh thần Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì khoanh vùng theo xóm (cụm dân cư) xét nghiệm nhanh. Trường hợp có F0, ca nghi nhiễm, thì chuyển đến khu cách ly tập trung. Các trường hợp còn lại thì thực hiện theo nội dung sơ tán xen ghép theo từng xóm (cụm dân cư). Ngoài các cơ sở công cộng, cho phép sử dụng các khu cách ly phòng chống dịch hiện có để sơ tán dân trong thời gian lũ.

- Phát lệnh sơ tán: tùy tình hình, Chủ tịch UBND tỉnh kiêm Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh phát lệnh sơ tán nhân dân.

- Chỉ huy công tác sơ tán nhân dân: Chủ tịch UBND các địa phương chỉ huy công tác sơ tán dân trên địa bàn.

- Lực lượng và phương tiện hỗ trợ sơ tán nhân dân: Lực lượng vũ trang tại UBND cấp huyện, xã là chủ yếu. Các lực lượng vũ trang đã hiệp đồng với UBND cấp huyện và của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ngành hỗ trợ.

- Rà soát lại số người sơ tán, kiểm tra an toàn nơi sơ tán đến.

- Hình thức sơ tán:

+ Người dân tự di dời, sơ tán vào các nhà kiên cố tại chỗ là chính. Trường hợp không đủ, sơ tán vào các trường học, trụ sở cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, khách sạn, công trình công cộng, các cơ sở tôn giáo. Ưu tiên sơ tán trước cho người già, trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật. Chú ý không để sót người tạm trú, sinh viên, công nhân trong các nhà trọ; khách dừng chân tại các bến xe, bến tàu; người trên các lồng bè nuôi trồng thủy sản, tàu thuyền đang neo đậu.

+ UBND cấp xã lập danh sách cụ thể các hộ dân cần sơ tán xen ghép do lũ có xét đến yếu tố phòng dịch COVID-19 (hộ nào xem ghép hộ nào), sơ tán nhưng không tập trung, có dẫn cách theo Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển biện pháp phòng chống dịch từ áp dụng Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ sang áp dụng Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên phạm vi toàn tỉnh (trừ một số khu vực đang thực hiện phong tỏa, cách ly theo Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ).

- Địa điểm sơ tán theo **Bảng 12**.

- Người sơ tán phải mang theo thức ăn, nước uống, thuốc chữa bệnh, vật dụng cần thiết để sử dụng trong thời gian sơ tán.

- Chính quyền địa phương nơi tiếp nhận dân tới trú tránh bão phải chuẩn bị lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, bảo đảm an ninh, vệ sinh môi trường và phòng chống dịch bệnh COVID-19.

- Sở Y tế yêu cầu Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố huy động các đội cấp cứu tại chỗ và lưu động sẵn sàng ứng cứu dân; phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS các cấp theo dõi tình hình tại các nơi đang sơ tán dân để bố trí nhân lực, phương tiện, vật tư, thuốc chữa bệnh cho phù hợp trong bối cảnh dịch COVID -19.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán đối với các tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành.

- Một số nguyên tắc trong chỉ huy sơ tán dân:

+ *Phải bảo đảm thông tin liên lạc và chế độ báo cáo*: Các địa phương, đơn vị phải bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt. Trường hợp có sự cố về đường

truyền phải nhanh chóng xử lý hoặc thiết lập kênh thông tin khác. Đồng thời phải duy trì chế độ báo cáo liên tục 2 giờ/lần về kết quả thực hiện cho cấp chỉ huy trực tiếp để chỉ đạo ứng phó kịp thời.

+ *Phải bảo đảm tính cơ động*: Công tác chuẩn bị phải được thực hiện chu đáo. Các điểm tập kết dân phải gần các trục đường vận chuyển và phương tiện cơ giới phải phù hợp với địa hình thực tế, hoạt động bình thường. Tuyên truyền, vận động nhân dân ý thức tự bảo vệ và đoàn kết giúp đỡ nhau để việc sơ tán bảo đảm nhanh chóng và an toàn.

+ *Phải bảo đảm tính tự giác, nghiêm túc*: Người dân di dời, sơ tán đến các nơi trú tránh dưới sự tổ chức, hướng dẫn của lực lượng bộ đội, công an và dân quân. Phải chấp hành mọi chỉ dẫn, điều động của lực lượng hỗ trợ để việc sơ tán là tự giác, an ninh và kịp thời gian quy định.

+ *Phải bảo đảm điều kiện sinh hoạt nơi sơ tán đến*: Các nhà kiên cố, cơ sở công cộng, tôn giáo, doanh nghiệp, khách sạn, ... phải bảo đảm điều kiện sinh hoạt cho người dân trong thời gian trú tránh trú. Phải có lương thực, nước uống, chăn màn và nhân viên y tế phục vụ sức khỏe nhân dân. Lưu ý: Phải bảo đảm phòng chống dịch bệnh COVID-19 theo hướng dẫn tại [Phụ lục 3](#).

- Dự kiến số người sơ tán: 7.220 hộ/ 23.073 người sơ tán theo hình thức xen ghép và tập trung.

Bảng 18: Dự kiến số người sơ tán đối với các cấp lũ  
(cấp độ Rủi ro thiên tai cấp 3)

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Cấp độ rủi ro thiên tai cấp độ 3			
		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
1	Tây Sơn			1.383	5.664
2	Vĩnh Thạnh	8	32	290	1.184
3	Vân Canh			642	2.071
4	An Lão			464	3.536
5	Phù Cát	1.449	4.569	1.066	3.311
6	Tuy Phước	305	915		
7	An Nhơn	467	1.636	408	1.117
8	Hoài Nhơn	230	892	319	715
<b>Tổng Cộng</b>		<b>2.459</b>	<b>8.044</b>	<b>4.572</b>	<b>17.598</b>

(Chi tiết [Phụ lục 6](#))

*d. Phương án khắc phục hậu quả*

- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố là người tổng chỉ huy trực tiếp và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai; chịu trách

nhệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng chống thiên tai cấp trên.

- Các lực lượng địa phương phối hợp với các lực lượng vũ trang, sở, ban, ngành tiếp tục công tác ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu người bị nạn.

- Nhanh chóng thống kê thiệt hại, xác định nhu cầu cứu trợ.

- Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm theo yêu cầu của cấp trên để kịp thời ứng phó và cứu trợ khẩn cấp.

- Thông tin khẩn cấp cho cấp trên về tình hình ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn và yêu cầu ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn khi vượt quá khả năng.

- Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của nhân dân và nhà nước tại khu vực xảy ra thiên tai.

- Tổ chức cứu trợ khẩn cấp (đối với lũ lớn): hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm, bố trí chỗ ở tạm cho các hộ mất nhà cửa hoặc bị hư hỏng nặng.

- Huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, nhu yếu phẩm, tổ chức khắc phục hậu quả:

- + Chăm sóc, điều trị người bị thương.

- + Thăm hỏi, động viên các gia đình có người tử nạn, bị nạn.

- + Khắc phục điện, nước, giao thông, viễn thông.

- + Vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.

- + Khôi phục nhà cửa, cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục, bưu điện, thủy lợi, tàu thuyền, thủy sản, cây xanh, cơ sở sản xuất, hỗ trợ nông dân khôi phục và tổ chức sản xuất nông nghiệp, ...

- + Cảnh báo người dân biết những nguy hiểm để người dân cảnh giác, đề phòng khi khắc phục hậu quả.

- Xác định nhu cầu trang bị vật tư, phương tiện cần thiết của địa phương để phục vụ công tác khắc phục hậu quả.

- Tổ chức bình ổn thị trường.

- Vận động, tiếp nhận và phân phối kịp thời các nguồn hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cứu trợ về lương thực, thực phẩm, thuốc men, hỗ trợ kinh phí cho người dân bị thiệt hại sớm ổn định cuộc sống, nhất là hộ gia đình chính sách, hộ đặc biệt nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.



- Tổng hợp, báo cáo lên cấp có thẩm quyền về tình hình thiệt hại và kết quả triển khai công tác khắc phục tại địa phương.

## **2. Kịch bản 2: Đối với lũ quét**

*a. Công tác truyền thông:* Các địa phương bị ảnh hưởng trực tiếp của lũ quét, sạt lở đất: Một số xã, thị trấn thuộc các huyện An Lão, Vân Canh, Hoài Ân, Vĩnh Thạnh. Do đến nay chúng ta vẫn chưa dự báo được lũ quét nên chỉ cảnh báo. Tin cảnh báo lũ quét được phát riêng hoặc lồng ghép trong các công điện, thông báo về lũ của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh, được Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS huyện, thị xã, thành phố phát lại hoặc đưa vào công điện, thông báo của huyện, thị xã, thành phố cho các địa phương.

- Hình thức truyền thông tin từ UBND các huyện, thị xã, thành phố đến cộng đồng dân cư:

- + Qua đài phát thanh và truyền hình Bình Định.
- + Qua mạng xã hội: Facebook, Zalo, các báo điện tử.
- + Qua hệ thống truyền thanh của địa phương.
- + Qua loa cầm tay trực tiếp, xe loa tuyên truyền cơ động.
- + Nhận thông tin qua: Điện thoại cố định, điện thoại di động, idesk, fax, email.
- + Các hình thức thông tin, truyền thông chính thống khác.

### *b. Tổ chức ứng phó*

- Trước mùa lũ phải rà soát, phổ biến lại phương án ứng phó, sơ tán lũ quét cho cộng đồng về:

- + Số hộ phải sơ tán.
- + Nơi sơ tán đến.
- + Hình thức phát tin sơ tán của chính quyền đối với cộng đồng: truyền thanh, loa, điện thoại, điện thoại di động, người dân thông báo lại với nhau.
- + Tự đi sơ tán là chính.
- Mang theo lương thực, thực phẩm trong thời gian sơ tán.
- Lực lượng, phương tiện hỗ trợ sơ tán.
- Kế hoạch hạn chế, ngăn cấm người và phương tiện vào vùng nguy hiểm.
- Kế hoạch trực ban chỉ huy.
- Phương án ứng phó, tìm kiếm cứu nạn.

- Triển khai Phương án bảo đảm thông tin, dự phòng thông tin và đề phòng sự cố tê liệt hệ thống thông tin liên lạc: Đài phát dự phòng, điện thoại, pin, bộ đàm ... dự phòng cho lãnh đạo các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn, Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn.

*c. Phương án sơ tán nhân dân*

- Phát lệnh sơ tán: Chủ tịch UBND huyện An Lão, Vân Canh, Hoài Ân, Vĩnh Thạnh hoặc Chủ tịch UBND các xã bị lũ quét.

- Tổ chức sơ tán: Chủ tịch UBND xã trực tiếp chỉ huy công tác sơ tán.

- Tổ chức sơ tán khẩn cấp tất cả các hộ dân sống trong vùng lũ quét (chỉ trừ các hộ dân sống trong Nhà kiên cố lân cận) và các hộ dân sống ở bờ sông bị sạt lở, vùng có nguy cơ bị trượt, sạt lở đất.

- Hình thức sơ tán: người dân tự đi sơ tán là chính; các lực lượng hỗ trợ tham gia hỗ trợ sơ tán.

- Dự kiến số người sơ tán: Theo bảng sau.

Bảng 19: Dự kiến số người sơ tán đối với trường hợp lũ quét, sạt lở đất

<b>TT</b>	<b>Huyện</b>	<b>Số hộ dân ảnh hưởng</b>	<b>Lũ quét</b>	<b>Sạt lở đất</b>
<b>I</b>	<b>An Lão</b>	<b>214</b>		<b>214</b>
1	Thôn Trà Cong, thôn Vạn Khánh	203		203
2	Thôn 2, thị trấn An Lão	7		7
3	Thôn 5 xã An Nghĩa	4		4
<b>II</b>	<b>Vân Canh</b>	<b>221</b>	<b>147</b>	<b>74</b>
1	Canh Vinh	33	23	10
2	Canh Thuận	124	124	
3	Canh Liên	57		57
4	Canh Hòa	7		7
<b>III</b>	<b>Hoài Ân</b>	<b>34</b>		
1	Xã Ân Hảo Đông	14		14
2	Xã Ân Nghĩa	20		20
<b>IV</b>	<b>Vĩnh Thạnh</b>	<b>442</b>	<b>242</b>	<b>198</b>
1	Xã Vĩnh Hòa	13		13
2	Xã Vĩnh Thuận	156	97	59
3	Xã Vĩnh Kim	83	20	63
4	Xã Vĩnh Sơn	54	25	29
4	Xã Vĩnh Thịnh	134	100	34

*d. Tổ chức khắc phục*

- Tiếp tục tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu người bị nạn.
- Thông tin khẩn cấp cho cấp trên và yêu cầu tìm kiếm cứu nạn.
- Tổ chức đưa người sơ tán trở về nhà an toàn.
- Khẩn trương thống kê, đánh giá thiệt hại, đề xuất nhu cầu hỗ trợ, cứu trợ và khắc phục.
  - Xác định nhu cầu trang bị vật tư, phương tiện cần thiết của địa phương để phục vụ công tác khắc phục hậu quả.
  - Tổ chức hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nước uống và các nhu yếu phẩm.
  - Tổ chức nơi ở tạm cho những người bị mất nhà cửa hoặc nhà cửa bị hư hỏng nặng.
  - Huy động nguồn lực, tổ chức khắc phục và đề nghị cấp trên hỗ trợ khắc phục vệ sinh môi trường, phòng chống dịch, dọn dẹp nhà cửa (đội mũ bảo hiểm khi dọn lượ), cơ sở hạ tầng: điện, nước, giao thông, thủy lợi, trường học, y tế, môi trường, khắc phục bồi lấp, sạt lở đồng ruộng, ...
  - Tổ chức khôi phục sản xuất.

#### **IV. TRƯỜNG HỢP XUẤT HIỆN ĐỒNG THỜI MỘT SỐ KỊCH BẢN**

Việc tổ chức phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai khi xảy ra đồng thời một số kịch bản sẽ được thực hiện đồng thời các nội dung của từng Phương án liên quan.

#### **V. TRƯỜNG HỢP THIÊN TAI XẢY RA CÙNG THỜI ĐIỂM VỚI DỊCH BỆNH COVID-19**

Việc tổ chức phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai khi xảy ra dịch bệnh Covid sẽ thực hiện các nội dung của từng Phương án, tuy nhiên cần lưu ý:

1. Đồng thời với triển khai ứng phó với dịch bệnh, các huyện, thị xã, thành phố cần soát, điều chỉnh linh hoạt kế hoạch, phương án ứng phó với thiên tai phù hợp theo hướng phát huy tối đa phương châm “4 tại chỗ” để sẵn sàng ứng phó kịp thời, hiệu quả trong điều kiện sự hỗ trợ từ bên ngoài gặp nhiều hạn chế, đặc biệt là bảo đảm an toàn cho người dân tại các khu vực cách ly do dịch bệnh và dự kiến nơi sơ tán dân do thiên tai. Triển khai phương án ứng phó thiên tai cho các khu cách ly tập trung, các bệnh viện. Lưu ý thực hiện phương châm “4 tại chỗ”, 5K + Vắc xin trong quá trình triển khai thực hiện Phương án.

2. Rà soát, cập nhật phương án sơ tán dân vùng bị ảnh hưởng bão, lũ lụt theo hướng tăng cường sơ tán xen ghép tại chỗ, hạn chế sơ tán tập trung. Lập danh sách cụ thể các hộ dân xem ghép với nhau, rà soát ưu tiên tiêm vắc xin cho các hộ dân này trước mưa lũ chính vụ.

3. Phối hợp với lực lượng y tế và các đơn vị liên quan chuẩn bị trang thiết bị, máy móc cần thiết để đo thân nhiệt, phân loại các đối tượng để xây dựng phương án sơ tán nhân dân. Test nhanh COVID-19 người dân vùng bị ảnh hưởng bão, lũ phải sơ tán.

4. Sẵn sàng phương án huy động lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm thiết yếu, hóa chất khử trùng, khẩu trang y tế cho các địa điểm sơ tán dân.

5. Lập danh sách các lực lượng huy động để ứng phó thiên tai trong trường hợp dịch bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt là lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, phường, thị trấn.

6. Chuẩn bị dụng cụ, trang thiết bị, thuốc men, khẩu trang y tế, ... bảo đảm an toàn dịch bệnh cho các thành viên Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS các cấp trong trường hợp phải tập trung chỉ đạo hoặc đi kiểm tra hiện trường và các lực lượng được huy động tham gia công tác khắc phục hậu quả thiên tai.

7. Tăng cường, chủ động phương án kết nối, chỉ đạo trực tuyến và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy điều hành ứng phó và thông tin thiên tai giữa Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS các cấp.





## **PHỤ LỤC**

PHỤ LỤC 1: CÁC BẢNG PHÂN CHIA CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

PHỤ LỤC 2: DANH BA ĐIỆN THOẠI THÀNH VIÊN BAN CHỈ HUY PCTT - TKCN VÀ PTDS TỈNH NĂM 2021

PHỤ LỤC 3A: HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC SƠ TÁN DÂN VÀ KIỂM TRA CÁC ĐIỂM TRÁNH TRÚ AN TOÀN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ DỊCH BỆNH COVID-19

PHỤ LỤC 3B: XỬ LÝ KHI PHÁT HIỆN TRƯỜNG HỢP DỊCH BỆNH XẢY RA TRONG BÃO LỤT

PHỤ LỤC 4: SỐ LIỆU SƠ TÁN DÂN THEO CÁC CẤP BÃO NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

PHỤ LỤC 5: SƠ TÁN DÂN VÙNG VEN BIÊN NGẬP LỤT DO NƯỚC BIÊN DÂNG THEO CÁC CẤP BÃO NĂM 2021

PHỤ LỤC 6: SỐ LIỆU SƠ TÁN DÂN THEO CÁC CẤP Lũ NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

PHỤ LỤC 7: PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ PCTT VÀ TKCN NĂM 2021

PHỤ LỤC 8: TỒN KHO TRANG THIẾT BỊ, VẬT TƯ, THUỐC, HÓA CHẤT PHÒNG CHỐNG BÃO LỤT TẠI CÁC TUYẾN (ĐẾN 31/08/2021)

KẾ HOẠCH HIỆP ĐỒNG ỨNG PHÓ SỰ CỐ, THIÊN TAI - TÌM KIẾM CỨU NẠN CỦA BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH VỚI CÁC ĐƠN CỦA BỘ, QUÂN KHU ĐỨNG CHÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH TRONG ĐIỀU KIỆN PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19 NĂM 2021

## PHỤ LỤC 1: CÁC BẢNG PHÂN CHIA CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

**Bảng 1: Mã màu đặc trưng trên các loại bản đồ rủi ro thiên tai  
(theo thang mã màu RGB cơ bản)**

Cấp độ rủi ro	Màu sắc	Mã màu
1	Xanh dương nhạt	(175, 225, 255)
2	Vàng nhạt	(250, 245, 140)
3	Da cam	(255, 155, 0)
4	Đỏ	(255, 10, 0)
5	Tím	(160, 40, 160)

**Bảng 2: Cấp độ rủi ro do áp thấp nhiệt đới, bão**

Cấp ATNĐ, bão	Cấp độ rủi ro
≥16 (siêu bão)	5
14-15 (bão rất mạnh)	5
12-13 (bão rất mạnh)	4
10-11 (bão mạnh)	3
6-9 (ATNĐ, bão)	3
<b>Khu vực ảnh hưởng</b>	Đất liền Nam Trung Bộ

**Bảng 3: Cấp độ rủi ro do nước dâng**

Độ cao mực nước ven biển (tính từ mực nước biển trung bình) (m)	Cấp độ rủi ro
> 6	4
5 - 6	4
4 - 5	4
3 - 4	4
2 - 3	3
1 - 2	2
<b>Khu vực ảnh hưởng</b>	Ven biển các tỉnh Đà Nẵng đến Bình Định



**Bảng 4: Cấp độ rủi ro do mưa lớn**

Lượng mưa (mm)	Cấp độ rủi ro					
	Trên 400/24giờ	3	3	4	3	4
Trên 200 đến 400/24 giờ	2	3	3	2	3	4
Từ 100 đến 200/24 giờ hoặc 50-100/12 giờ	1	2	2	1	2	3
Thời gian kéo dài (ngày)	Từ 1 đến 2	Trên 2 đến 4	Trên 4	Từ 1 đến 2	Trên 2 đến 4	Trên 4
<b>Khu vực ảnh hưởng</b>	Đồng bằng, ven biển			Trung du, vùng núi		

**Bảng 5: Cấp độ rủi ro do lũ, ngập lụt**

Mức nước lũ	Cấp độ rủi ro			
	Trên lũ lịch sử	3	3	3
(BĐ3+1m) đến lũ lịch sử	3	3	3	4
(BĐ3+0.3m) đến dưới (BĐ3+1.0m)	2	2	3	4
BĐ3 đến dưới (BĐ3+0.3m)	2	2	3	3
BĐ2 đến dưới BĐ3	1	2	2	3
BĐ1 đến dưới BĐ2	1	1	1	2
<b>Khu vực xảy ra lũ, ngập lụt</b>	Các trạm thủy văn thuộc khu vực 1 (gồm các trạm thủy văn: An Hòa, Bông Sơn, Bình Nghị, Vĩnh Sơn)	Các trạm thủy văn thuộc khu vực 2 (trạm thủy văn Thanh Hòa)	Các trạm thủy văn thuộc khu vực 3	Các trạm thủy văn thuộc khu vực 4

**Bảng 6: Cấp độ rủi ro do lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy**

Vùng có nguy cơ	Cấp độ rủi ro		
	Rất cao	1	2
Cao	1	1	2
Trung bình			1
Thấp			
Tổng lượng mưa 24 giờ (mm)	100-200	Trên 200 đến 400	Trên 400
Thời gian mưa trước đó (ngày)	1-2 ngày	Trên 2 ngày	
<b>Khu vực xảy ra</b>	Khu vực 4 (Bình Định)		



**Bảng 7: Bảng cấp gió và sóng**

Cấp gió	Tốc độ gió		Độ cao sóng trung bình	Mức độ nguy hại	
	Bô-pho	m/s			km/h
0		0 – 0,2	< 1	-	Gió nhẹ Không gây nguy hại
1		0,3 – 1,5	1 – 5	0,1	
2		1,6 – 3,3	6 – 11	0,2	
3		3,4 – 5,4	12 – 19	0,6	
4		5,5 – 7,9	20 – 28	1,0	- Cây nhỏ có lá bắt đầu lay động, ảnh hưởng đến lúa đang phơi màu - Biển hơi động. Thuyền đánh cá bị chao nghiêng, phải cuốn bột buồm
5		8,0 – 10,7	29 – 38	2,0	
6		10,8 – 13,8	39 – 49	3,0	- Cây cối rung chuyển. Khó đi ngược gió. - Biển động. Nguy hiểm đối với tàu, thuyền.
7		13,9 – 17,1	50 – 61	4,0	
8		17,2 – 20,7	62 – 74	5,5	- Gió làm gãy cành cây, tốc mái nhà gây thiệt hại về nhà cửa. Không thể đi ngược gió. - Biển động rất mạnh. Rất nguy hiểm đối với tàu, thuyền
9		20,8 – 24,4	75 – 88	7,0	
10		24,5 – 28,4	89 – 102	9,0	- Làm đổ cây cối, nhà cửa, cột điện. Gây thiệt hại rất nặng. - Biển động dữ dội. Làm đắm tàu biển
11		28,5 – 32,6	103 – 117	11,5	
12		32,7 – 36,9	118 – 133	14,0	- Sức phá hoại cực kỳ lớn. - Sóng biển cực kỳ mạnh. Đánh đắm tàu biển có trọng tải lớn
13		37,0 – 41,4	134 – 149		
14		41,5 – 46,1	150 – 166		
15		46,2 – 50,9	167 – 183		
16		51,0 – 56,0	184 – 201		
17		56,1 – 61,2	202 – 220		

(Nguồn: Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai)

**PHỤ LỤC 2: DANH BẠ ĐIỆN THOẠI THÀNH VIÊN BAN CHỈ HUY  
PCTT - TKCN VÀ PTDS TỈNH NĂM 2021**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Điện thoại</b>
1	Ông Nguyễn Phi Long	Chủ tịch UBND tỉnh	Trưởng ban	0915423260
2	Ông Nguyễn Tuấn Thanh	PCT Thường trực UBND tỉnh	Phó trưởng ban TT	0983477027
3	Ông Trần Văn Phúc	GD Sở Nông nghiệp và PTNT	Phó trưởng ban	0913434444
4	Ông Trần Thanh Hải	CHT Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Phó trưởng ban	0983115778
5	Ông Võ Đức Nguyễn	GD Công an tỉnh	Phó trưởng ban	0913400234
6	Ông Lương Ngọc Chinh	CHT BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	Ủy viên TT	0988651687
7	Ông Hồ Đắc Chương	PGĐ Sở Nông nghiệp và PTNT	Ủy viên TT	0914022369
8	Ông Nguyễn Đức Nam	PGĐ Công an tỉnh	Ủy viên TT	0905877799
9	Ông Đỗ Xuân Hùng	Phó CHT - Tham mưu trưởng BCH Quân sự tỉnh	Ủy viên TT	0982115925
10	Bà Nguyễn Thị Phong Vũ	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Ủy viên	0983557976
11	Ông Lê Ngọc An	Chánh Văn phòng UBND tỉnh	Ủy viên	0905022518
12	Ông Lê Minh Tuấn	GD Sở Nội vụ	Ủy viên	02563502818
13	Ông Nguyễn Thành Hải	GD Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy viên	0903521215
14	Ông Lê Hoàng Nghi	GD Sở Tài chính	Ủy viên	0982980909
15	Ông Trần Kim Kha	GD Sở Thông tin và Truyền thông	Ủy viên	0971127777
16	Ông Lê Văn Toàn	GD Sở Tư pháp	Ủy viên	0913421635
17	Ông Đào Đức Tuấn	GD Sở Giáo dục và Đào tạo	Ủy viên	0914065697
18	Ông Tạ Xuân Chánh	GD Sở Văn hóa và Thể thao	Ủy viên	0982542829
19	Ông Ngô Văn Tổng	GD Sở Công thương	Ủy viên	0903511969
20	Ông Trần Thanh Dũng	GD Sở Giao thông Vận tải	Ủy viên	0983016207
21	Ông Nguyễn Mỹ Quang	GD Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Ủy viên	0914100126
22	Ông Lê Văn Tùng	GD Sở Tài nguyên và Môi trường	Ủy viên	0934847968
23	Ông Trần Việt Bảo	GD Sở Xây dựng	Ủy viên	0914010916
24	Ông Huỳnh Cao Nhất	PGĐ Phụ trách Sở Du lịch	Ủy viên	0913451655
25	Ông Lê Công Nhường	GD Sở Khoa học và Công nghệ	Ủy viên	0935268568
26	Ông Nguyễn Thái Bình	GD Sở Ngoại vụ	Ủy viên	0913434608
27	Ông Lê Quang Hùng	GD Sở Y tế	Ủy viên	0903598047
28	Ông Nguyễn Công Sơn	GD Đài Phát thanh Truyền hình Bình Định	Ủy viên	0913416734
29	Ông Phan Việt Hùng	PTB Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Ủy viên	090500324
30	Ông Đinh Văn Lung	TB Ban Dân tộc tỉnh	Ủy viên	0986559514
31	Ông Tô Tấn Thi	GD Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT	Ủy viên	0913408278

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Điện thoại</b>
32	Ông Trương Khoa	GD Ban QLDA Dân dụng và CN tỉnh	Ủy viên	0914037903
33	Ông Lê Từ	GD Ban QLDA Giao thông tỉnh	Ủy viên	0913472672
34	Ông Nguyễn Văn Tánh	GD Công ty TNHH Khai thác CTTL	Ủy viên	0983417809
35	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Ủy viên	0938972685
36	Ông Hà Duy Trung	Bí thư Tỉnh đoàn	Ủy viên	0983457534
37	Ông Trần Sĩ Dũng	GD Đài KTTV Bình Định	Ủy viên	0905260760
38	Bà Nguyễn Thị Mỹ	Cục trưởng Cục Thống kê Bình Định	Ủy viên	0935253939
39	Ông Hà Văn Cát	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh	Ủy viên	0913421526
40	Ông Thái Văn Trương	PGD Công ty Điện lực Bình Định	Ủy viên	0963557879
41	Ông Phạm Quốc Trung	Q. GD Viễn thông Bình Định	Ủy viên	0914005234
42	Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu	GD Đài Thông tin Duyên hải Quy Nhơn	Ủy viên	0914036675
43	Ông Vũ Thế Quang	GD Cảng vụ Quy Nhơn	Ủy viên	0903255800
44	Bà Nguyễn Thị Nghiệp	GD Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long	Ủy viên	0903833099
45	Ông Phan Tuấn Linh	Tổng GD Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Ủy viên	0968090963
46	Ông Nguyễn Anh Ngọc	GD Bệnh viện Quân y 13	Ủy viên	0914129979
47	Ông Nguyễn Khang Yên	Sư đoàn trưởng Sư đoàn Bộ binh 31	Ủy viên	0396028169
48	Ông Nguyễn Văn Tùng	Hiệu trưởng Trường Quân sự Quân đoàn 3	Ủy viên	0986110997
49	Ông Phạm Văn Lung	Lữ đoàn Pháo binh 572	Ủy viên	0982013417
50	Ông Vương Đức Vũ	Lữ đoàn Phòng không 573	Ủy viên	0972368059
51	Ông Huỳnh Thanh Minh	Trung tâm huấn luyện quân sự Quốc gia 2	Ủy viên	0965272599
52	Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Trung đoàn Không quân 925, Sư đoàn Không quân 372	Ủy viên	0982057539
53	Ông Nguyễn Xuân Mạo	Trung đoàn Cảnh sát Cơ động Nam Trung bộ	Ủy viên	0913752108
54	Ông Đoàn Anh Tiến	Hải đoàn Biên phòng 48	Ủy viên	0913071101

## **PHỤ LỤC 3A: HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC SƠ TÁN DÂN VÀ KIỂM TRA CÁC ĐIỂM TRÁNH TRÚ AN TOÀN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ DỊCH BỆNH COVID-19**

### **1. Điểm tránh trú an toàn**

a) Vị trí điểm tránh trú an toàn:

- Gần nơi ở của người dân dự kiến sơ tán tránh trú.
- An toàn trước cấp gió (Đối với bão, áp thấp nhiệt đới); Không nằm vùng trũng thấp (đối với lũ, ngập lụt);

- Đường đến điểm sơ tán kiên cố/bán kiên cố, không bị ngập lụt,...

b) Lưu ý tại điểm tránh trú an toàn:

- Diện tích đủ rộng để bảo đảm khoảng cách an toàn phòng chống dịch.
- Bố trí tại điểm tránh trú: Diện tích 01 vị trí: 1,2x2m (Bảo đảm sinh hoạt và nghỉ ngơi); Khoảng cách giữa 02 vị trí tối thiểu 2m.

- Lập biển chỉ dẫn lối đi sơ tán và di chuyển 01 chiều trong điểm tránh trú an toàn.

- Lập sơ đồ vị trí, tên, địa chỉ, số điện thoại người dân để phục vụ quản lý, giám sát phòng dịch tại điểm tránh trú. (*Sơ đồ vị trí người dân tránh trú*)

- Có quạt thông gió hoặc ô thông gió trên cao để bảo đảm thông thoáng nhưng an toàn khi thiên tai xảy ra (Bão, áp thấp nhiệt đới,..).

- Có lối đi cho người khuyết tật bảo đảm đúng kỹ thuật theo quy định của Bộ Xây dựng<sup>1</sup> (Nếu chưa đáp ứng được điều kiện phải có giải pháp hỗ trợ).

- Hạn chế sử dụng điểm tránh trú có nhiều cửa kính dễ đổ, vỡ do vật cứng va đập. Nếu phải sử dụng, phải có biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân (Không để người dân nằm dưới cửa kính, gia cố ván gỗ che kín cửa kính và chằng chống chắc chắn).

- Sàn nhà không trơn, trượt; nếu có điểm trơn trượt phải có biển cảnh báo cho người dân (Chữ viết to, theo ngôn ngữ địa phương và đặt gần nơi cảnh báo, người dân dễ quan sát).

- Tại mỗi cửa ra/vào nơi người dân tránh trú, bố trí nước rửa tay sát khuẩn hoặc nước rửa tay, bình nước, khăn lau. Treo hướng dẫn người dân rửa tay đúng cách phòng chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan y tế, Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc – Unicef.

---

<sup>1</sup> Thông tư số 21/2014/TT-BXD ngày 29/12/2014 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng

- Bố trí bàn làm việc/bàn gấp tại lối đi vào điểm tránh trú để thực hiện các hoạt động phòng dịch bệnh: Đo thân nhiệt, khai báo y tế, phát khẩu trang (nếu người dân chưa có), rửa tay sát khuẩn và phát tờ thông báo các quy định người dân phải thực hiện phòng chống dịch bệnh tại điểm tránh trú an toàn.

- Bố trí treo các bảng thông báo, hướng dẫn phòng chống dịch bệnh lên tường tại khu người dân tập trung (Quy định phòng chống dịch; thông điệp 5K; phương pháp rửa tay đúng cách; phương pháp dùng khẩu trang đúng cách;...). Bảng thông báo: Chữ in to, ngôn ngữ địa phương; đặt tại vị trí dễ thấy, dễ đọc.

- Khu vệ sinh cá nhân:

+ Vị trí nằm trong/gần khu người dân tập trung tránh trú. Trong trường hợp nằm tách biệt, xa hoặc ngoài trời thì cần có biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân, đặc biệt với phụ nữ, trẻ em gái, đối tượng dễ bị tổn thương.

+ Có phòng vệ sinh nam, vệ sinh nữ (Biển ghi NAM, NỮ gắn ngoài cửa); Nếu chỉ có 01 phòng vệ sinh phải bảo đảm kín đáo, có đèn điện đủ sáng, có chốt cài trong và biển lật thông báo “Đang sử dụng”.

+ Có giấy vệ sinh, nước sạch, xà phòng/nước rửa tay, nước khử khuẩn sàn và thiết bị vệ sinh.

+ Phòng vệ sinh phải thông thoáng (Quạt thông gió hoặc ô thông gió trên cao).

+ Sàn nhà không trơn, trượt; nếu có điểm trơn trượt phải có biển cảnh báo cho người dân.

+ Lối vào, vị trí đặt thiết bị vệ sinh, rửa tay bảo đảm tiếp cận cho người khuyết tật<sup>2</sup> (Trong trường hợp điều kiện chưa đáp ứng phải có giải pháp hỗ trợ).

- Phòng cách ly tạm thời được sử dụng trong trường hợp phát hiện người nghi/có triệu chứng nhiễm dịch bệnh, có F0 tại điểm tránh trú an toàn. Phòng cách ly tạm thời cần xem xét:

+ Vị trí phòng bố trí cách biệt, có lối đi riêng.

+ Diện tích đặt 02 giường cho bệnh nhân, bàn và không gian làm việc cho cán bộ y tế.

+ Có biển (KHU VỰC CÁCH LY) đặt bên ngoài và rào chắn để người dân và trẻ em không đi vào khu vực.

- Bố trí bếp nấu nướng phục vụ ăn uống của người dân và lực lượng canh trực tại điểm tránh trú.

<sup>2</sup> Thông tư số 21/2014/TT-BXD ngày 29/12/2014 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng

- Phòng tắm:

+ Vị trí nằm trong/gần khu người dân tập trung tránh trú. Trong trường hợp nằm tách biệt, xa hoặc ngoài trời thì cần có biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân, đặc biệt với phụ nữ, trẻ em gái, đối tượng dễ bị tổn thương.

+ Tách biệt nam giới, phụ nữ; có đủ ánh sáng và xà phòng. Trong trường hợp chỉ có 01 nhà tắm thì phải có vách ngăn kín đáo, bên ngoài có biển báo (NAM, NỮ).

## 2. Sơ tán người dân

- Lập danh sách và thông báo (qua loa phát thanh, loa cầm tay, loa di động, phát tờ thông báo đến từng hộ dân, tin nhắn SMS, mạng xã hội,..) với người dân vị trí điểm tránh trú an toàn, lối đi an toàn để người dân chủ động thực hiện khi có lệnh sơ tán.

Đối với đối tượng dễ bị tổn thương, cần hỗ trợ, phải lập danh sách, phân công lực lượng hỗ trợ và thông báo cho người dân (Cung cấp tên, số điện thoại cán bộ hỗ trợ cho người dân).

- Phân luồng, người cách người 2m và bố trí người dân đến đúng vị trí đã được bố trí theo “*Sơ đồ vị trí người dân tránh trú*”.

- Trong lúc đi sơ tán người dân cần bảo đảm an toàn phòng chống dịch bệnh (Đeo khẩu trang, giữ khoảng cách,..)

- Tại các vùng có nguy cơ dịch bệnh rất cao/cao, xem xét việc xét nghiệm nhanh ngẫu nhiên người dân tại điểm tránh trú an toàn (Có thể xét nghiệm gộp mẫu).

## 3. An ninh, trật tự

Bảo đảm an ninh, trật tự trong thời gian người dân sơ tán tại điểm tránh trú an toàn. Đặc biệt sẵn sàng tình huống:

- Hoạt động gây rối, mất trật tự, an ninh của người dân tại điểm tránh trú (Tranh cãi, tranh chấp, quấy rối tình dục, đánh bạc trái pháp luật, đánh nhau hoặc xúi giục người khác đánh nhau,...).

- Hành động gây rối, hoảng loạn, lo lắng khi phát hiện người nghi hoặc có triệu chứng nghi nhiễm, có F0 tại điểm tránh trú an toàn.

## 4. Vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh

- Quy định và hướng dẫn người dân vứt rác đúng vị trí, đúng thùng/túi phân loại rác (Rác sinh hoạt, rác y tế). Tất cả khẩu trang y tế đã qua sử dụng phải đựng trong thùng/túi đựng rác thải y tế.

- Vị trí để thùng/túi rác đặt ở vị trí thuận lợi đi lại cho người dân, không quá xa nơi ở của người dân, không gần/ đi qua phòng cách ly tạm thời, không bị ngập nước (Đặt cao, khô ráo) và có biển ghi “KHU ĐỂ RÁC”.

- Thùng/túi đựng rác phải ghi rõ “Rác sinh hoạt”, “Rác y tế” và có nắp đậy kín (Đối với thùng) hoặc buộc kín (Đối với túi).

- Thu gom, xử lý rác thực hiện theo quy định và hướng dẫn của cơ quan y tế.

## **5. Vật tư phòng chống dịch bệnh**

Ngoài các vật tư phục vụ PCTT, một số vật tư thiết yếu, bao gồm:

- Phòng chống dịch bệnh:

+ Nước rửa tay sát khuẩn.

+ Nước rửa tay có độ cồn trên 60%

+ Khẩu trang y tế/khẩu trang vải

+ Nước súc họng (Nước muối sinh lý 9‰)

+ Thuốc nhỏ mũi.

+ Bộ bảo hộ phòng chống dịch (Bộ mũ, áo, quần chống dịch cấp độ 3-4; kính bảo hộ; Tấm che mặt; Găng tay y tế; Bao giày; Khẩu trang) đối với cán bộ y tế; cán bộ quản lý, giám sát điểm tránh trú; người nghi/có triệu chứng nghi nhiễm dịch bệnh tại phòng cách ly tạm thời (Đặc biệt đối với điểm tránh trú an toàn trong khu vực có mức độ nguy cơ dịch bệnh rất cao/cao hoặc đã có dịch bệnh).

- Vệ sinh trong sinh hoạt:

+ Xà phòng hoặc nước rửa tay.

+ Giấy vệ sinh.

+ Nước khử khuẩn sàn và thiết bị vệ sinh.

+ Thùng/túi đựng rác thải.

## **6. Phương tiện**

Ô tô chuyên chở người nghi/có triệu chứng nghi nhiễm dịch bệnh, F0 bảo đảm yêu cầu phòng chống dịch bệnh đến khu cách ly, khu chăm sóc, điều trị.

## **7. Trang thiết bị y tế**

- Thiết bị đo thân nhiệt.

- Các thiết bị tối thiểu (theo hướng dẫn của cơ quan y tế) xử lý trường hợp xuất hiện người nghi/có triệu chứng nghi nhiễm dịch bệnh, có F0 tại phòng cách ly tạm thời trước khi đưa đến khu cách ly, khu chăm sóc, điều trị.

## 8. Tài liệu phục vụ phòng chống dịch tại điểm tránh trú an toàn

- Mẫu khai báo y tế theo quy định của Bộ Y tế.
- Danh sách người dân tại điểm tránh trú an toàn: Tên, tuổi, địa chỉ, số điện thoại, thời gian đến điểm tránh trú, thân nhiệt, tình hình sức khỏe.
- Bảng theo dõi thân nhiệt người dân trong thời gian sơ tán tại điểm tránh trú an toàn theo từng ngày (Có thể kiểm tra thân nhiệt ngẫu nhiên).
- Sơ đồ vị trí người dân tránh trú.
- Thông báo các quy định người dân phải thực hiện phòng chống dịch bệnh tại điểm tránh trú an toàn.
- Thông báo/hướng dẫn treo tường:
  - + Hướng dẫn rửa tay đúng cách phòng chống dịch bệnh.
  - + Quy định phòng chống dịch bệnh tại điểm tránh trú an toàn.
  - + Thông điệp 5K.
  - + Hướng dẫn sử dụng khẩu trang đúng cách phòng chống dịch bệnh.
- Biển chỉ dẫn, cảnh báo tại phòng cách ly tạm thời, khu vệ sinh, khu tắm, các điểm trơn, trượt nguy hiểm, hướng di chuyển, khu để rác (Rác sinh hoạt, rác y tế)

## 9. Hậu cần

- Nước sạch bảo đảm cho người lớn: 01-1,5 lít/người lớn/ngày.
- Nước sạch bảo đảm cho trẻ em (ước lượng theo công thức):
 
$$\text{Lượng nước uống (ml)} = 1.000 \text{ ml} + n \times 50 \text{ (n = số kg của trẻ - 10)}$$
- Bổ sung lương thực, thực phẩm và thuốc tăng cường sức khỏe, sức đề kháng cho người dân. Đối với phụ nữ mang thai, người cao tuổi, người mắc bệnh mãn tính cần lưu ý lương thực, thực phẩm có đủ chất: Chất đạm, vitamin C, vitamin D, vitamin E, selen, sắt, kẽm, thực phẩm chứa flavonoid và omega3.



## **PHỤ LỤC 3B: XỬ LÝ KHI PHÁT HIỆN TRƯỜNG HỢP DỊCH BỆNH XẢY RA TRONG BÃO LỤT**

*(Phương án Thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch trong mùa bão lụt của tỉnh Bình Định năm 2021 của Sở Y tế tại văn bản số 3741/PA-SYT ngày 28/9/2021)*

### **1. Đối với dịch bệnh COVID-19**

- Duy trì giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ để phát hiện sớm trường hợp bệnh. Có phương án lấy mẫu, xét nghiệm để xác định trường hợp bệnh tại cộng đồng, doanh nghiệp, nơi sơ tán trong tình trạng bị ảnh hưởng bởi lụt bão. Chuẩn bị đầy đủ test xét nghiệm nhanh tại cơ sở, nơi dễ bị chia cắt để xét nghiệm đối với các trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19. Ngay khi phát hiện trường hợp dịch bệnh đặc biệt là trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 (người có triệu chứng ho, sốt, khó thở, mệt mỏi,...) tại địa bàn xảy ra bão lụt, triển khai ngay xử lý đối với F0, truy vết xác định và cách ly kịp thời F1, F2.

- Chuyển ngay người mắc bệnh hoặc có biểu hiện nghi ngờ mắc bệnh sang khu cách ly tạm thời và theo dõi, xử trí đối với trường hợp bệnh tùy theo tình trạng sức khỏe của người bệnh.

- Trường hợp phát hiện người có sốt hoặc có triệu chứng nghi ngờ mắc bệnh trong cộng đồng phải tách các trường hợp ra và đưa vào khu cách ly tạm thời, sau đó phối hợp với Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đưa những người này đến cơ sở điều trị để cách ly theo quy định.

- Vận chuyển người mắc bệnh/nghi ngờ mắc bệnh đến cơ sở điều trị được chỉ định bởi Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 của tỉnh để quản lý, điều trị và lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm.

- Tổ chức điều tra, truy vết dịch tễ để xác định đầy đủ các thông tin, sự kiện, các trường hợp tiếp xúc hoặc có liên quan với các trường hợp bệnh và thực hiện cách ly, theo dõi đúng quy định. *(theo Quyết định số 5053/QĐ-BYT ngày 03/12/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành “Sổ tay Hướng dẫn thực hành truy vết người tiếp xúc với người có xét nghiệm SARS-CoV-2 dương tính”)*.

- Thực hiện vệ sinh, khử trùng bằng cách cách lau rửa hoặc phun nền nhà, tay nắm cửa và bề mặt các đồ vật trong nhà với dung dịch khử trùng có chứa 0,1% Clo hoạt tính, bảo đảm thời gian tiếp xúc trên bề mặt là 01 phút. Phun vừa đủ ướt bề mặt cần xử lý. Số lần phun sẽ căn cứ vào tình trạng ô nhiễm thực tế để quyết định.

- Khử trùng, tẩy uế bằng dung dịch khử trùng có chứa 0,1% Clo hoạt tính đối với các phương tiện chuyên chở bệnh nhân

### **2. Đối với trường hợp bệnh sốt xuất huyết**

- Khi phát hiện ca bệnh sốt xuất huyết tại các cơ sở khám chữa bệnh và tại cộng đồng. Có biện pháp cách ly, thu dung điều trị kịp thời, đúng phác đồ, không để bệnh tiến triển nặng thêm, hạn chế tử vong.

- Điều tra các yếu tố dịch tễ, xác minh ổ dịch hoặc các khu vực nguy cơ sớm để có biện pháp phòng chống. Giám sát, theo dõi số ca mắc, phân tích diễn biến tình hình để có phương án xử lý.

- Thực hiện hoạt động xử lý lăng quăng/bọ gậy và phun hóa chất diệt muỗi phòng chống sốt xuất huyết trên địa bàn. Đối với các khu vực có số mắc đang tăng nhanh cần xem xét triển khai xử lý trên diện rộng nhằm hạ thấp các chỉ số véc tơ.

- Phối hợp với chính quyền địa phương tăng cường tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về các nội dung phòng chống dịch bệnh. Huy động sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động diệt lăng quăng/bọ gậy và phun hóa chất diệt muỗi phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết

- Tiếp tục giám sát côn trùng tại các khu vực trọng điểm sốt xuất huyết để chủ động triển khai xử lý khi chỉ số côn trùng tăng cao vượt ngưỡng nguy cơ.

- Lấy mẫu huyết thanh, nhất là thu mẫu huyết thanh sớm trước 05 ngày kể từ khi phát hiện bệnh để gửi phân lập xác định loại vi rút.

### **3. Đối với trường hợp bệnh tay chân miệng**

- Phát hiện sớm các ca bệnh trên địa bàn, đặc biệt tại các trường học, cơ sở chăm sóc trẻ; xác minh dịch sớm và có biện pháp xử lý kịp thời phòng chống dịch bệnh, không để dịch lan rộng, kéo dài. Thực hiện giám sát và phòng, chống bệnh tay chân miệng. *(theo hướng dẫn ban hành kèm theo Quyết định số 581/QĐ-BYT ngày 24/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế).*

- Các trường hợp bệnh tay chân miệng nặng từ độ 2b trở lên thì tiến hành giám sát ca bệnh, lập phiếu điều tra và lấy mẫu bệnh phẩm gửi về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh gửi đi xét nghiệm xác định bệnh.

- Bệnh nhân tay chân miệng phải được cách ly ít nhất 10 ngày kể từ ngày khởi phát bệnh. Thực hiện quản lý và điều trị bệnh nhân sớm theo hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh tay chân miệng.

- Tuyên truyền cho các bà mẹ, người chăm sóc trẻ tại các hộ gia đình, giáo viên các trường học, nhà trẻ, mẫu giáo, ... về các nội dung phòng chống bệnh tay chân miệng như: vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, vệ sinh ăn uống, thực hiện 3 sạch: ăn uống sạch, ở sạch, bàn tay sạch và đồ chơi sạch; tổ chức chiến dịch rửa tay bằng xà phòng, ...

- Tổ chức xử lý nước, môi trường:

+ Chỉ đạo các đơn vị bảo đảm có nước sạch cho nhân dân sử dụng, tổ chức cấp phát và hướng dẫn người dân sử dụng viên khử trùng nước; cấp phát thuốc nếu có biểu hiện triệu chứng ốm đau, xử lý các tai nạn thương tích do bão lụt.

+ Sau khi nước rút, tập trung làm tốt công tác vệ sinh môi trường sau lũ lụt với phương châm nước rút đến đâu làm sạch đến đó; hướng dẫn nhân dân tiến hành khử trùng nguồn nước, thau rửa và khử trùng giếng nước bị ngập, nhiễm bẩn; tổng vệ sinh môi trường, tẩy uế, thu gom xử lý rác, xác súc vật chết; sửa chữa, xây dựng lại các công trình vệ sinh bị hư hỏng; thực hiện bảo đảm an toàn thực phẩm, ăn chín, uống sôi.

- Tuyên truyền, hướng dẫn chuyên môn về công tác xử lý dịch bệnh, xử lý môi trường, xử lý nước, bảo đảm VSATTP trong vùng ngập lụt.

- Tổng hợp tình hình và báo cáo lãnh đạo cấp trên để có sự chỉ đạo kịp thời.

#### **4. Phòng chống các bệnh thường xảy ra trong mùa mưa bão**

Truyền thông hướng dẫn người dân thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh trong mùa mưa bão như tiêu chảy, ngộ độc thực phẩm, bệnh đau mắt đỏ, bệnh ngoài da, bệnh viêm đường hô hấp:

- Vệ sinh ăn uống, bảo đảm an toàn thực phẩm; bảo đảm lựa chọn thực phẩm và chế biến thực phẩm an toàn, hợp vệ sinh, ăn thức ăn nấu chín và nước đun sôi.

- Vệ sinh cá nhân, thường xuyên rửa tay với xà phòng trước và sau khi chế biến thực phẩm, trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. Rửa chân sạch và lau khô các kẽ ngón chân sau khi tiếp xúc với nước lũ, nước bị nhiễm bẩn.

- Tiêu diệt loăng quăng/bọ gậy, diệt muỗi bằng cách đậy kín các bể, thùng chứa nước, thả cá vào dụng cụ chứa nước lớn, loại bỏ các phế thải như chai, lọ, lốp ô tô, ... hoặc các hốc nước tự nhiên để không cho muỗi đẻ trứng. Mặc màn khi ngủ kể cả ban ngày.

- Thau rửa bể nước, giếng nước, dụng cụ chứa nước và dùng hóa chất để khử trùng nước ăn uống và sinh hoạt theo hướng dẫn của nhân viên y tế.

- Thực hiện nguyên tắc nước rút đến đâu làm vệ sinh đến đấy, thu gom, xử lý và chôn xác súc vật theo hướng dẫn của nhân viên y tế.

- Khi có dấu hiệu nghi ngờ nhiễm bệnh, cần đến khám và điều trị tại các cơ sở y tế gần nhất.

#### **5. Tổ chức giám sát phòng chống dịch dựa vào cộng đồng**

Thành lập các tổ phòng chống dịch bệnh tại cộng đồng về nhiệm vụ, bảo đảm an toàn và cách thức thực hiện cho tất cả các thành viên trong quá trình triển khai.

- Thành phần: Mỗi tổ phòng chống dịch bệnh tại cộng đồng gồm 2 - 3 người nên là cán bộ tổ, thôn, khu phố, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, tình nguyện viên tại khu dân cư.

- Nhiệm vụ: Tổ cộng đồng hàng ngày đi từng ngõ, gõ từng nhà để thực hiện:

+ Tuyên truyền, vận động, nhắc nhở nhân dân các biện pháp phòng chống dịch tại từng hộ gia đình: mọi người ở tại nhà, không đi ra ngoài; đeo khẩu trang; rửa tay bằng xà phòng; giữ khoảng cách; không tiếp xúc với người bên ngoài; tự theo dõi sức khỏe, tự đo thân nhiệt hàng ngày và chủ động khai báo y tế khi trong gia đình có người nghi ngờ, mắc bệnh...

+ Hỏi, giám sát, phát hiện và báo cáo ngay bằng điện thoại cho chính quyền địa phương và y tế tuyến xã những trường hợp nghi mắc Covid-19 phát hiện được tại các hộ gia đình như: sốt; ho; đau họng; cảm cúm; ốm mệt; viêm đường hô hấp ... để tổ chức cách ly và lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm kịp thời.

+ Phát hiện, báo cáo các cấp có thẩm quyền những trường hợp không tự giác khai báo y tế; không chấp hành thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo quy định; người từ vùng dịch trở về chưa khai báo y tế.

+ Trợ giúp chính quyền và cơ quan y tế điều tra các trường hợp bệnh liên quan ở địa bàn phụ trách.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác phù hợp với khả năng do Ban Chỉ đạo phòng chống dịch cấp xã, phường, thị trấn phân công.

**PHỤ LỤC 4: SỐ LIỆU SƠ TÁN DÂN THEO CÁC CẤP BẢO NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

TT	Huyện/Xã	Bảo cấp độ 3				Bảo cấp độ 4				Bảo cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
<b>I</b>	<b>Tây Sơn</b>							<b>1.647</b>	<b>7.056</b>			1.647	7.056
1	Xã Bình Hòa							114	456			114	456
2	Xã Bình Nghi							132	528			132	528
3	Xã Bình Tân							195	780			195	780
4	Xã Bình Thành							126	504			126	504
5	Xã Bình Thuận							87	348			87	348
6	Xã Bình Tường							83	332			83	332
7	Xã Tây An							54	216			54	216
8	Xã Tây Bình							92	368			92	368
9	Xã Tây Giang							126	504			126	504
10	Xã Tây Phú							59	236			59	236
11	Xã Tây Thuận							111	444			111	444
12	Xã Tây Vinh							139	556			139	556
13	Xã Tây Xuân							78	780			78	780
14	Xã Vĩnh An							251	1.004			251	1.004
<b>II</b>	<b>Vĩnh Thạnh</b>	<b>323</b>	<b>789</b>	<b>512</b>	<b>1.972</b>	<b>348</b>	<b>937</b>	<b>426</b>	<b>1.496</b>	<b>40</b>	<b>146</b>	<b>2.059</b>	<b>7.785</b>
1	Xã Vĩnh Hòa			55	197			98	312			131	408
2	Xã Vĩnh Quang			98	330			98	330			98	330
3	Xã Vĩnh Thuận			54	212			62	226			68	253
4	Xã Vĩnh Kim	20	73			63	226					258	967
5	Xã Vĩnh Sơn	8	32	12	43	17	66	25	97	40	146	64	256
6	Xã Vĩnh Hiệp			35	134			105	390			1.053	3.662

TT	Huyện/Xã	Bão cấp độ 3				Bão cấp độ 4				Bão cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
7	Xã Vĩnh Hảo	295	684			268	645					348	1.766
8	Xã Vĩnh Thịnh			237	980								
9	TT Vĩnh Thạnh			21	76			38	141			39	143
<b>III</b>	<b>Vân Canh</b>	<b>172</b>	<b>577</b>	<b>417</b>	<b>1392</b>	<b>172</b>	<b>577</b>	<b>417</b>	<b>1392</b>	<b>172</b>	<b>577</b>	<b>417</b>	<b>1392</b>
1	Canh Vinh			04	14			04	14			04	14
2	Canh Hiền			33	90			33	90			33	90
3	Canh Hiệp	136	467			136	467			136	467		
4	Canh Thuận			56	197			56	197			56	197
5	Canh Hòa	36	110			36	110			36	110		
6	Canh Liên			226	747			226	747			226	747
7	Thị trấn Vân Canh			98	344			98	344			98	344
<b>IV</b>	<b>An Lão</b>					<b>280</b>	<b>1.112</b>			<b>280</b>	<b>1.112</b>	<b>480</b>	<b>1.920</b>
1	Xã An Hòa					70	280			55	220	200	800
2	Xã An Tân					20	80			30	120	30	120
3	Xã An Quang					25	100			25	100	25	100
4	Xã An Hưng					25	100			25	100	25	100
5	TT An Lão					15	52			20	72		
6	Xã An Trung					35	140			35	140	35	140
7	Xã An Dũng					15	60			15	60	15	60
8	Xã An Vinh					35	140			35	140	70	280
9	Xã An Nghĩa					25	100			25	100	50	200
10	Xã An Toàn					15	60			15	60	30	120
<b>V</b>	<b>Hoài Ân</b>					<b>195</b>	<b>610</b>	<b>807</b>	<b>2.812</b>	<b>56</b>	<b>215</b>	<b>946</b>	<b>3.207</b>

TT	Huyện/Xã	Bảo cấp độ 3				Bảo cấp độ 4				Bảo cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
1	Xã Ân Nghĩa							78	237			78	237
2	Xã Ân Hữu					36	127					36	127
3	Xã Ân Tường Tây					56	215			56	215		
4	Xã Ân Tường Đông							11	26			11	26
5	Xã Ân Đức							118	445			118	445
6	Xã Ân Thạnh							115	380			115	380
7	Xã Ân Mỹ							290	1.064			290	1.064
8	Xã Ân Tín					103	268					103	268
9	Xã Ân Hào Tây							99	323			99	323
10	Xã Ân Hào Đông							96	337			96	337
<b>VI</b>	<b>Phù Mỹ</b>					<b>471</b>	<b>2.216</b>			<b>483</b>	<b>2.173</b>	<b>992</b>	<b>4.316</b>
1	Xã Mỹ Tài					58	237			92	391	236	927
2	Xã Mỹ Cát					20	89			0	0	20	89
3	Xã Mỹ Chánh					81	370			117	530	156	644
4	Xã Mỹ Thọ					42	200			94	428	234	1.068
5	Xã Mỹ Thành					63	253			63	253	127	499
6	Xã Mỹ An					42	182			42	182	58	248
7	Xã Mỹ Thắng					150	823			60	327	90	496
8	Xã Mỹ Đức					10	40			10	40	40	202
9	Mỹ Châu					5	22			5	22	31	143
<b>VII</b>	<b>Phù Cát</b>	<b>1.514</b>	<b>4.860</b>	<b>922</b>	<b>2.617</b>	<b>2.453</b>	<b>8.846</b>	<b>2.861</b>	<b>9.065</b>	<b>2.341</b>	<b>7.828</b>	<b>10.644</b>	<b>37.606</b>
1	Xã Cát Sơn	41	111	20	39	88	151	48	112	227	716	469	1.073
2	Xã Cát Lâm	225	512	297	706	270	566	398	872	320	936	393	1.129

TT	Huyện/Xã	Bão cấp độ 3				Bão cấp độ 4				Bão cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
3	Xã Cát Hiệp	275	821	20	56	293	880	23	64	317	951	30	85
4	Xã Cát Hanh	71	235					137	430			153	451
5	Xã Cát Tài	42	137					63	217			63	217
6	Xã Cát Khánh	78	349			126	538	113	487	123	543	125	533
7	Xã Cát Thành	94	416			119	505	174	781	119	492	179	807
8	Xã Cát Hải	40	165	11	53	41	166	14	77	59	200	20	100
9	TT Ngô Mây	14	44	5	15	14	44	5	15	14	44	5	15
10	Xã Cát Tân	104	344					104	344			5.015	17.060
11	Xã Cát Tường	217	693	208	674	313	1.231	462	1.571	462	1.587	615	2.185
12	Xã Cát Nhon	0	0	0	0	101	303	0	0	59	199	101	303
13	Xã Cát Thắng	260	856	361	1.074	376	1.161	482	1.430	290	956	897	2.770
14	Xã Cát Chánh	53	177			109	336	53	177	316	1.054	1.254	5.748
15	TT Cát Tiên					603	2.965	785	2.488	35	150	1.325	5.130
<b>VIII</b>	<b>Tuy Phước</b>	<b>305</b>	<b>915</b>			<b>3.215</b>	<b>9.646</b>	<b>754</b>	<b>2.263</b>	<b>7.934</b>	<b>23.801</b>	<b>2.360</b>	<b>7.081</b>
1	Xã Phước Thắng	37	111			383	1.150	256	767	639	1.917	153	460
2	Xã Phước Hòa	113	339			446	1.337	45	134	1.025	3.075	267	802
3	Xã Phước Sơn	55	165			642	1.925	64	193	1.155	3.466	385	1.155
4	Xã Phước Thuận	91	273			490	1.469	49	147	930	2.790	294	881
5	Xã Phước Nghĩa	9	27			74	221	15	44	192	576	44	133
6	Xã Phước Hiệp					254	763	51	153	712	2.136	153	458
7	Xã Phước Hưng					186	559	37	112	485	1.454	112	335
8	Xã Phước Quang					199	596	40	119	636	1.907	159	477
9	Xã Phước Lộc					237	711	47	142	569	1.706	190	569



TT	Huyện/Xã	Bão cấp độ 3				Bão cấp độ 4				Bão cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
10	Xã Phước Thành					68	204	34	102	306	919	136	409
11	Xã Phước An					104	313	52	156	573	1.720	209	626
12	Thị trấn Diêu Trì					63	188	30	89	326	979	119	356
13	Thị trấn Tuy Phước					70	210	35	105	386	1.157	140	421
<b>IX</b>	<b>Thị xã An Nhơn</b>	<b>467</b>	<b>1.636</b>	<b>408</b>	<b>1.117</b>	<b>1.115</b>	<b>3.544</b>	<b>885</b>	<b>3.308</b>	<b>1.614</b>	<b>4.694</b>	<b>1.312</b>	<b>4.390</b>
1	Bình Định	72	235	32	90	109	418	69	207	220	626	147	439
2	Đập Đá	18	65	23	93	188	179	103	472	250	512	184	623
3	Nhon Hưng	24	80	19	46	41	154	46	163	63	165	56	169
4	Nhon An	29	92	36	98	64	219	97	461	87	292	124	391
5	Nhon Phong	18	83	22	48	46	214	39	150	86	296	60	252
6	Nhon Hạnh	51	142	39	97	87	322	91	347	126	405	141	412
7	Nhon Thành	32	116	42	85	67	234	66	236	111	329	90	270
8	Nhon Hậu	36	134	54	133	105	314	107	318	132	420	135	488
9	Nhon Mỹ			7	13	26	48	27	50	29	54	36	70
10	Nhon Phúc	22	73	26	58	61	214	41	156	82	222	63	232
11	Nhon Khánh	20	56	17	34	43	125	30	120	51	148	35	115
12	Nhon Hòa	50	149	28	107	100	312	54	191	144	365	77	305
13	Nhon Lộ	9	37	18	45	31	132	35	120	38	156	36	154
14	Nhon Thọ	67	307	30	134	114	539	47	185	151	549	91	352
15	Nhon Tân	19	67	15	36	33	120	33	132	44	155	37	118
<b>X</b>	<b>Thị xã Hoài Nhơn</b>	<b>230</b>	<b>892</b>	<b>319</b>	<b>715</b>	<b>540</b>	<b>2.429</b>	<b>599</b>	<b>2.396</b>	<b>605</b>	<b>2.627</b>	<b>642</b>	<b>2.846</b>
1	Tam Quan Bắc	16	57	19	47	34	154	40	160	42	176	44	188
2	Hoài Mỹ	25	94	34	78	57	258	66	264	65	284	69	305

TT	Huyện/Xã	Bão cấp độ 3				Bão cấp độ 4				Bão cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
3	Hoài Xuân	18	65	23	55	39	179	47	188	46	202	48	214
4	Hoài Châu Bắc	13	46	18	39	28	126	35	140	29	133	33	146
5	Tam Quan Nam	18	76	23	50	43	192	40	160	48	199	49	221
6	Hoài Hương	17	69	24	52	41	187	43	172	44	197	45	213
7	Hoài Đức	12	52	18	37	30	134	30	120	31	136	33	151
8	Hoài Sơn	24	87	35	80	55	253	69	276	61	282	65	297
9	Hoài Châu	10	42	12	30	23	108	23	92	29	123	27	128
10	Hoài Phú	12	52	18	37	30	134	30	120	31	136	33	151
11	Hoài Hào	11	43	19	40	29	128	34	136	30	136	34	148
12	Tam Quan	9	35	15	32	24	103	27	108	26	110	30	122
13	Hoài Thanh	9	35	15	32	24	103	27	108	26	110	30	122
14	Bồng Sơn	5	23	7	14	12	55	11	44	12	54	12	60
15	Tam Quan	9	35	15	32	24	103	27	108	26	110	30	122
16	Hoài Tân	11	34	12	33	22	99	29	116	30	122	32	128
17	Hoài Thanh Tây	11	47	12	27	25	113	21	84	29	117	28	130
<b>XI</b>	<b>TP. Quy Nhơn</b>			<b>1.089</b>	<b>3.991</b>			<b>1.089</b>	<b>3.991</b>			<b>1.089</b>	<b>3.991</b>
1	Xã Nhơn Lý			100	280			100	280			100	280
2	Xã Nhơn Hải			24	90			24	90			24	90
3	Xã Nhơn Châu			93	320			93	320			93	320
4	Xã Phước Mỹ			117	447			117	447			117	447
5	Phường Nhơn Phú			4	21			4	21			4	21
6	Phường Quang Trung			154	589			154	589			154	589

TT	Huyện/Xã	Bão cấp độ 3				Bão cấp độ 4				Bão cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
7	Phường Thị Nại			1	6			1	6			1	6
8	Phường Lý Thường Kiệt			36	135			36	135			36	135
9	Phường Trần Hưng Đạo			20	85			20	85			20	85
10	Phường Trần Quang Diệu			50	235			50	235			50	235
11	Phường Lê Lợi			7	23			7	23			7	23
12	Phường Nguyễn Văn Cừ			9	60			9	60			9	60
13	Phường Ngô Mỹ			166	555			166	555			166	555
14	Phường Nhơn Bình			24	73			24	73			24	73
15	Phường Bùi Thị Xuân			53	184			53	184			53	184
16	Phường Đống Đa			36	125			36	125			36	125
17	Phường Ghềnh Ráng			15	50			15	50			15	50
18	Phường Hải Cảng			174	696			174	696			174	696
19	Phường Lê Hồng Phong			6	17			6	17			6	17
<b>Tổng Cộng</b>		<b>3.011</b>	<b>9.669</b>	<b>3.667</b>	<b>11.804</b>	<b>8.789</b>	<b>29.917</b>	<b>9.485</b>	<b>33.779</b>	<b>13.525</b>	<b>43.173</b>	<b>22.588</b>	<b>81.590</b>

**PHỤ LỤC 5: SƠ TÁN DÂN VÙNG VEN BIỂN NGẬP LỤT DO NƯỚC BIỂN DÂNG THEO CÁC CẤP BẢO NĂM 2021**

TT	Huyện/xã	Bảo cấp 12-13				Bảo cấp 14-15				Bảo cấp 16-17			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
<b>I</b>	<b>Phù Mỹ</b>	<b>177</b>	<b>871</b>	<b>10</b>	<b>45</b>	<b>177</b>	<b>871</b>	<b>346</b>	<b>1.717</b>	<b>177</b>	<b>871</b>	<b>346</b>	<b>1.717</b>
1	Mỹ Thọ	42	200			42	200	105	498	42	200	105	498
2	Mỹ Thành	23	122			23	122	33	184	23	122	33	184
3	Mỹ An	42	182			42	182	58	248	42	182	58	248
4	Mỹ Thắng	60	327			60	327	90	496	60	327	90	496
5	Mỹ Đức	10	40			10	40	40	202	10	40	40	202
6	Mỹ Cát			10	45			20	89			20	89
<b>II</b>	<b>Phù Cát</b>	<b>440</b>	<b>1.776</b>	<b>757</b>	<b>2.920</b>	<b>608</b>	<b>2.692</b>	<b>1.341</b>	<b>5.598</b>	<b>530</b>	<b>2.276</b>	<b>1.509</b>	<b>6.427</b>
1	Xã Cát Khánh	126	538	127	523	126	538	113	487	123	543	125	533
2	Xã Cát Thành	81	318	109	444	81	318	109	444	78	323	109	444
3	Xã Cát Hải	40	165	11	53	41	166	14	77	59	200	20	100
4	TT Cát Tiến	193	755	510	1900	360	1.670	1.105	4.590	270	1.210	1.255	5.350
<b>III</b>	<b>Tuy Phước</b>	<b>296</b>	<b>888</b>			<b>1.833</b>	<b>5.498</b>	<b>362</b>	<b>1.087</b>	<b>5.900</b>	<b>17.701</b>	<b>1.100</b>	<b>3.299</b>
1	Xã Phước Thắng	37	111			256	767	204	613	895	2.684	153	460
2	Xã Phước Hòa	113	339			446	1.337	45	134	1.560	4.679	267	802
3	Xã Phước Sơn	55	165			642	1.925	64	193	1.733	5.199	385	1.155
4	Xã Phước Thuận	91	273			490	1.469	49	147	1.713	5.140	294	881
<b>IV</b>	<b>Thị xã Hoài Nhơn</b>	<b>94</b>	<b>366</b>	<b>130</b>	<b>291</b>	<b>223</b>	<b>997</b>	<b>243</b>	<b>972</b>	<b>251</b>	<b>1.076</b>	<b>267</b>	<b>1.171</b>
1	Tam Quan Bắc	16	57	19	47	34	154	40	160	42	176	44	188
2	Tam Quan Nam	18	76	23	50	43	192	40	160	48	199	49	221
3	Hoài Thanh	9	35	15	32	24	103	27	108	26	110	30	122

TT	Huyện/xã	Bão cấp 12-13				Bão cấp 14-15				Bão cấp 16-17			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
4	Hoài Hương	17	69	24	52	41	187	43	172	44	197	45	213
5	Xã Hoài Hải	9	35	15	32	24	103	27	108	26	110	30	122
6	Xã Hoài Mỹ	25	94	34	78	57	258	66	264	65	284	69	305
<b>V</b>	<b>TP. Quy Nhơn</b>			<b>422</b>	<b>1519</b>			<b>422</b>	<b>1519</b>			<b>422</b>	<b>1519</b>
1	Xã Nhơn Lý			100	280			100	280			100	280
2	Xã Nhơn Hải			24	90			24	90			24	90
3	Xã Nhơn Châu			93	320			93	320			93	320
4	P. Lê Lợi			7	23			7	23			7	23
5	P. Nguyễn Văn Cừ			9	60			9	60			9	60
6	P. Ghềnh Ráng			15	50			15	50			15	50
7	P. Hải Cảng			174	696			174	696			174	696
	<b>Toàn Tỉnh</b>	<b>1.007</b>	<b>3.901</b>	<b>1.319</b>	<b>4.775</b>	<b>2.841</b>	<b>10.058</b>	<b>2.714</b>	<b>10.893</b>	<b>6.858</b>	<b>21.924</b>	<b>3.644</b>	<b>14.133</b>

**PHỤ LỤC 6: SỐ LIỆU SƠ TÁN DÂN THEO CÁC CẤP LỮ NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

TT	Huyện/xã	Trên báo động 3				Trên báo động 3 +1m				Trên lữ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
<b>I</b>	<b>Tây Sơn</b>			<b>1.383</b>	<b>5.664</b>			<b>1.383</b>	<b>5.664</b>			<b>1.383</b>	<b>5.664</b>
1	Xã Bình Hòa			114	456			114	456			114	456
2	Xã Bình Nghi			132	528			132	528			132	528
3	Xã Bình Thành			300	1.200			300	1.200			300	1.200
4	Xã Bình Tường			57	228			57	228			57	228
5	Xã Tây An			54	216			54	216			54	216
6	Xã Tây Bình			92	368			92	368			92	368
7	Xã Tây Giang			126	504			126	504			126	504
8	Xã Tây Phú			16	64			16	64			16	64
9	Xã Tây Thuận			111	444			111	444			111	444
10	Xã Tây Vinh			139	556			139	556			139	556
11	Xã Tây Xuân			22	220			22	220			22	220
12	T.trần Phú Phong			220	880			220	880			220	880
<b>II</b>	<b>Vĩnh Thạnh</b>	<b>8</b>	<b>32</b>	<b>290</b>	<b>1.184</b>	<b>25</b>	<b>98</b>	<b>154</b>	<b>586</b>	<b>25</b>	<b>98</b>	<b>1.199</b>	<b>4.235</b>
1	Xã Vĩnh Hòa			5	15			15	50			45	145
2	Xã Vĩnh Quang			3	11			3	11				
3	Xã Vĩnh Thuận			10	44	8	32	31	135			96	405
4	Xã Vĩnh Sơn	8	32			17	66			25	98	5	23
5	Xã Vĩnh Hiệp			35	134			105	390			1.053	3.662
6	Xã Vĩnh Thịnh			237	980								
<b>III</b>	<b>Vân Canh</b>	<b>13</b>	<b>48</b>	<b>494</b>	<b>1720</b>	<b>13</b>	<b>48</b>	<b>494</b>	<b>1720</b>	<b>13</b>	<b>48</b>	<b>494</b>	<b>1720</b>
1	Canh Vinh			163	530			163	530			163	530

TT	Huyện/xã	Trên báo động 3				Trên báo động 3 +1m				Trên lũ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
2	Canh Hiền			75	264			75	264			75	264
3	Canh Hiệp	13	48			13	48			13	48		
4	Canh Thuận			120	449			120	449			120	449
5	Canh Hòa			05	19			05	19			05	19
6	Canh Liên			31	109			31	109			31	109
7	T.trần Vân Canh			100	349			100	349			100	349
<b>IV</b>	<b>An Lão</b>			<b>464</b>	<b>3.536</b>			<b>974</b>	<b>3.856</b>			<b>464</b>	<b>1.856</b>
1	Xã An Hòa			429	3.376			884	3.536			120	480
2	Xã An Tân			25	120			60	240			289	1.156
3	T. trần An Lão			10	40			30	80			55	220
<b>V</b>	<b>Hoài Ân</b>					<b>195</b>	<b>610</b>	<b>807</b>	<b>2.812</b>	<b>56</b>	<b>215</b>	<b>946</b>	<b>3.207</b>
1	Xã Ân Nghĩa							78	237			78	237
2	Xã Ân Hữu					36	127					36	127
3	Xã Ân Tường Tây					56	215			56	215		
4	Xã Ân Tường Đông							11	26			11	26
5	Xã Ân Đức							118	445			118	445
6	Xã Ân Thạnh							115	380			115	380
7	Xã Ân Mỹ							290	1.064			290	1.064
8	Xã Ân Tín					103	268	0	0			103	268
9	Xã Ân Hảo Tây					0	0	99	323			99	323
10	Xã Ân Hảo Đông					0	0	96	337			96	337
<b>VI</b>	<b>Phù Mỹ</b>					<b>159</b>	<b>696</b>			<b>209</b>	<b>921</b>	<b>412</b>	<b>1.660</b>
1	Xã Mỹ Chánh					81	370			117	530	156	644

TT	Huyện/xã	Trên báo động 3				Trên báo động 3 +1m				Trên lũ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
2	Xã Mỹ Cát					20	89					20	89
3	Xã Mỹ Tài					58	237			92	391	236	927
<b>VII</b>	<b>Phù Cát</b>	<b>1.449</b>	<b>4.569</b>	<b>1.066</b>	<b>3.311</b>	<b>2.367</b>	<b>8.468</b>	<b>2.015</b>	<b>6.423</b>	<b>2.833</b>	<b>9.227</b>	<b>5.218</b>	<b>17.863</b>
1	Xã Cát Sơn	9	28			9				9	28		
2	Xã Cát Lâm	186	577	274	826	227	666	311	893	154	420	351	1.131
3	Xã Cát Hiệp	19	57			25	75			32	96		
4	Xã Cát Hạnh	345	1.060			620	1.860			750	2.250	946	2.845
5	Xã Cát Tài	207	661	203	658	313	1.231	447	1.523	462	1.587	600	2.137
6	Xã Cát Khánh							38	180			54	221
7	Xã Cát Thành							53	248			84	369
8	Xã Cát Hải			40	110								
9	TT Ngô Mây	14	44	5	15	14	44	5	15	14	44	5	15
10	Xã Cát Tân	74	269					74	269			74	269
11	Xã Cát Tường	217	693	208	674	313	1.230	462	1.571	462	1.587	615	2.185
12	Xã Cát Nhon	101	303	0	0	62	199	101	303	62	199	101	303
13	Xã Cát Thắng	277	877	336	1.028	224	672	389	1.233	163	453	1.063	3.258
14	Xã Cát Chánh					207	726			690	2.413		
15	TT Cát Tiến					353	1.765	135	188	35	150	1.325	5.130
<b>VIII</b>	<b>Tuy Phước</b>	<b>305</b>	<b>915</b>			<b>2.888</b>	<b>8.663</b>	<b>669</b>	<b>2.007</b>	<b>11.146</b>	<b>33.438</b>	<b>2.326</b>	<b>6.979</b>
1	Xã Phước Thắng	37	111			256	767	204	613	895	2.684	153	460
2	Xã Phước Hòa	113	339			446	1.337	45	134	1.337	4.010	267	802
3	Xã Phước Sơn	55	165			642	1.925	64	193	1.733	5.199	385	1.155
4	Xã Phước Thuận	91	273			490	1.469	49	147	1.713	5.140	294	881



TT	Huyện/xã	Trên báo động 3				Trên báo động 3 +1m				Trên lũ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
5	Xã Phước Nghĩa	9	27			74	221	15	44	369	1.107	44	133
6	Xã Phước Hiệp					254	763	51	153	1.119	3.356	153	458
7	Xã Phước Hưng					186	559	37	112	634	1.901	112	335
8	Xã Phước Quang					199	596	40	119	1.152	3.456	159	477
9	Xã Phước Lộc					237	711	47	142	711	2.133	190	569
10	Xã Phước Thành					0	0	0	0	170	511	102	306
11	Xã Phước An					0	0	52	156	573	1.720	209	626
12	Thị trấn Diêu Trì					0	0	30	89	326	979	119	356
13	Thị trấn Tuy Phước					105	316	35	105	414	1.242	140	421
<b>IX</b>	<b>Thị xã An Nhơn</b>	<b>467</b>	<b>1.636</b>	<b>408</b>	<b>1.117</b>	<b>1.115</b>	<b>3.544</b>	<b>885</b>	<b>3.308</b>	<b>1.614</b>	<b>4.694</b>	<b>1.312</b>	<b>4.390</b>
1	Bình Định	72	235	32	90	109	418	69	207	220	626	147	439
2	Đập Đá	18	65	23	93	188	179	103	472	250	512	184	623
3	Nhơn Hưng	24	80	19	46	41	154	46	163	63	165	56	169
4	Nhơn An	29	92	36	98	64	219	97	461	87	292	124	391
5	Nhơn Phong	18	83	22	48	46	214	39	150	86	296	60	252
6	Nhơn Hạnh	51	142	39	97	87	322	91	347	126	405	141	412
7	Nhơn Thành	32	116	42	85	67	234	66	236	111	329	90	270
8	Nhơn Hậu	36	134	54	133	105	314	107	318	132	420	135	488
9	Nhơn Mỹ	0	0	7	13	26	48	27	50	29	54	36	70
10	Nhơn Phúc	22	73	26	58	61	214	41	156	82	222	63	232
11	Nhơn Khánh	20	56	17	34	43	125	30	120	51	148	35	115
12	Nhơn Hòa	50	149	28	107	100	312	54	191	144	365	77	305
13	Nhơn Lộc	9	37	18	45	31	132	35	120	38	156	36	154

TT	Huyện/xã	Trên báo động 3				Trên báo động 3 +1m				Trên lũ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
14	Nhơn Thọ	67	307	30	134	114	539	47	185	151	549	91	352
15	Nhơn Tân	19	67	15	36	33	120	33	132	44	155	37	118
<b>X</b>	<b>Thị xã Hoài Nhơn</b>	<b>230</b>	<b>892</b>	<b>319</b>	<b>715</b>	<b>540</b>	<b>2.429</b>	<b>599</b>	<b>2.396</b>	<b>605</b>	<b>2.627</b>	<b>642</b>	<b>2.846</b>
1	Tam Quan Bắc	16	57	19	47	34	154	40	160	42	176	44	188
2	Hoài Mỹ	25	94	34	78	57	258	66	264	65	284	69	305
3	Hoài Xuân	18	65	23	55	39	179	47	188	46	202	48	214
4	Hoài Châu Bắc	13	46	18	39	28	126	35	140	29	133	33	146
5	Tam Quan Nam	18	76	23	50	43	192	40	160	48	199	49	221
6	Hoài Hương	17	69	24	52	41	187	43	172	44	197	45	213
7	Hoài Đức	12	52	18	37	30	134	30	120	31	136	33	151
8	Hoài Sơn	24	87	35	80	55	253	69	276	61	282	65	297
9	Hoài Châu	10	42	12	30	23	108	23	92	29	123	27	128
10	Hoài Phú	12	52	18	37	30	134	30	120	31	136	33	151
11	Hoài Hảo	11	43	19	40	29	128	34	136	30	136	34	148
12	Tam Quan	9	35	15	32	24	103	27	108	26	110	30	122
13	Hoài Thanh	9	35	15	32	24	103	27	108	26	110	30	122
14	Bồng Sơn	5	23	7	14	12	55	11	44	12	54	12	60
15	Tam Quan	9	35	15	32	24	103	27	108	26	110	30	122
16	Hoài Tân	11	34	12	33	22	99	29	116	30	122	32	128
17	Hoài Thanh Tây	11	47	12	27	25	113	21	84	29	117	28	130
<b>XI</b>	<b>TP. Quy Nhơn</b>							<b>1.519</b>	<b>4.557</b>			<b>1.681</b>	<b>5.043</b>
1	Phường Nhơn Phú							367	1.101			367	1.101
2	Phường Nhơn Bình							265	795			265	795

TT	Huyện/xã	Trên báo động 3				Trên báo động 3 +1m				Trên lũ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
3	P. Bùi Thị Xuân											162	486
4	Xã Phước Mỹ							447	1.341			447	1.341
5	P.Trần Quang Diệu							440	1.320			440	1.320
<b>Toàn tỉnh</b>		<b>8.092</b>	<b>4.424</b>	<b>17.247</b>	<b>7.302</b>	<b>24.556</b>	<b>9.499</b>	<b>33.329</b>	<b>16.501</b>	<b>51.268</b>	<b>16.077</b>	<b>55.463</b>	<b>8.092</b>

**PHỤ LỤC 7: PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ PCTT VÀ TKCN NĂM 2021**

<b>TT</b>	<b>Trang thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tình trạng hoạt động (Tốt/TB)</b>	<b>Cơ quan quản lý trang thiết bị</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1</b>	<b>Xe cứu hộ các loại</b>	<b>Chiếc</b>	<b>6</b>	Tốt	Công an 02, Sở Xây dựng 04	
<b>2</b>	<b>Tàu các loại</b>	<b>Chiếc</b>	<b>6</b>			
	Tàu Tuần tra	Chiếc	2	Tốt	Bộ đội Biên phòng tỉnh	
	Tàu Trinh sát	Chiếc	1	Tốt	Bộ đội Biên phòng tỉnh	
	Tàu Tìm kiếm cứu nạn	Chiếc	2		Phù Mỹ	01 chiếc hỏng
	Tàu công vụ	Chiếc	1		Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn	
<b>3</b>	<b>Xuồng các loại</b>	<b>Chiếc</b>	<b>107</b>			
	Xuồng ST - 1200	Chiếc	1	Tốt	Bộ đội Biên phòng tnh	
	Xuồng ST - 750	Chiếc	8	Tốt	Bộ đội Biên phòng tỉnh 04, Công an tỉnh 01, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 03	
	Xuồng ST - 660	Chiếc	15	Tốt	Bộ đội Biên phòng tỉnh 6, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 8, Vĩnh Thạnh 01.	
	Xuồng ST - 450	Chiếc	12	Tốt	Chi cục Thủy lợi 01, Công an tỉnh 01, Quân sự tỉnh 08, Quy Nhơn 01, Vĩnh Thạnh 01	
	Xuồng CHCN CN76	Chiếc	1	Tốt	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
	Xuồng vượt sông nhẹ	Chiếc	5	Tốt	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
	Xuồng cao tốc MS - 50S	Chiếc	1	Tốt	Bộ đội Biên phòng tỉnh	
	Xuồng CQ	Chiếc	2	Tốt	Bộ đội Biên phòng tỉnh	
	Xuồng Compozit	Chiếc	8	Tốt	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
	Xuồng nhôm cá nhân	Chiếc	3	Tốt	Điện lực Bình Định	
	Xuồng Crum	Chiếc	4	Tốt	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 03, Tuy Phước 01	
	Xuồng máy nhựa	Chiếc	3	Tốt	Tuy phước	
	Xuồng các loại khác	Chiếc	44	Tốt	Phù Mỹ 5, Phù Cát 8, Quy Nhơn 11, An Lão 15, Hội Chũr thập đỏ 5	

TT	Trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng hoạt động (Tốt/TB)	Cơ quan quản lý trang thiết bị	Ghi chú
<b>4</b>	<b>Ca nô các loại</b>		<b>63</b>			
	Ca nô 600 CV	Chiếc	1	Tốt	Công an tỉnh	
	Ca nô 260 CV	Chiếc	2	Tốt	Công an tỉnh	
	Ca nô 120 CV	Chiếc	1	Tốt	Công an tỉnh	
	Ca nô 100 CV	Chiếc	5	Tốt	Công an tỉnh	01 chiếc hỏng
	Ca nô 90 CV	Chiếc	1	Tốt	Công an tỉnh	
	Ca nô 85 CV	Chiếc	11	Tốt	Công an tỉnh	
	Ca nô 40 CV	Chiếc	14	Tốt	Công an tỉnh	
	Ca nô 25 CV	Chiếc	1	Tốt	Công an tỉnh	
	Ca nô các loại khác	Chiếc	27	Tốt	Phù Cát 6, An Nhơn 4, Tuy Phước 2, Quy Nhơn 5, Vĩnh Thạnh 3, Tây Sơn 2, Vân Canh 1, Hoài Ân 2, An Lão 2	
<b>5</b>	<b>Nhà bạt các loại</b>		<b>572</b>			
	Nhà bạt 16,5 m2	Bộ	280	Tốt	Bộ Đội Biên Phòng 22, Điện Lực 1, Sở Y tế 11, Cảnh vụ Quy Nhơn 2, Chi cục Thủy Lợi 56, Quân Sự tỉnh 49, Hoài Nhơn 25, Phù Mỹ 25, Phù Cát 26, An Nhơn 5, Tuy Phước 26, Quy Nhơn 5, Vĩnh Thạnh 7, Tây Sơn 6, Hoài Ân 5, An Lão 7, Hội Chữ thập đỏ 2.	22 bộ hư hỏng: Sở Tế 2, Quân sự tỉnh 10, An Nhơn 4, Tuy Phước 4, Thạnh 4
	Nhà bạt 24,75 m2	Bộ	181	Tốt	Bộ đội Biên phòng 19, Chi cục Thủy lợi 21, Quân Sự tỉnh 48, Phù Mỹ 18, Phù Cát 24, Tuy Phước 8, Quy Nhơn 4, Vĩnh Thạnh 7, Tây Sơn 7, An Lão 25	27 bộ hư hỏng: Phù Mỹ 15, Vĩnh Thạnh 2, An Lão 10
	Nhà bạt 60 m2	Bộ	61	Tốt	Bộ đội Biên phòng 2, chi cục Thủy lợi 1, Quân sự tỉnh 39, Phù Mỹ 5, Phù Cát 2, Tuy Phước 4, Quy Nhơn 1, Vĩnh Thạnh 3, Tây Sơn 4	17 bộ hư hỏng: Quân sự tỉnh 11, Phù Mỹ 5, Vĩnh Thạnh 1

TT	Trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng hoạt động (Tốt/TB)	Cơ quan quản lý trang thiết bị	Ghi chú
	Nhà bạt các loại khác	Bộ	50	Tốt	An Nhơn 30, Vân Canh 21	An Nhơn 14, Vân Canh 5,
<b>6</b>	<b>Phao các loại</b>					
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	16.529		Bộ đội Biên phòng 960, Điện Lực Bình Định 126, Sở Y tế 1.004, Công an tỉnh 1.858, Quân sự tỉnh 1.860, Chi cục Thủy lợi 724, Hoài Nhơn 530, Phù Mỹ 1.472, Phù Cát 520, An Nhơn 1.349, Tuy Phước 1.136, Quy Nhơn 773, Vĩnh Thạnh 408, Tây Sơn 810, Vân Canh 649, Hoài Ân 1.187, An Lão 850, Công ty TNHH Khai thác CTTL 85, Hội Chữ thập đỏ 38, Công ty Lâm nghiệp Quy Nhơn 10, Tinh đoàn 30, Ban QL KKT tỉnh 50, Ban Quản lý Cảng cá Bình Định 100.	374 áo hư hỏng không sử dụng được: Bộ đội Biên phòng 150, Sở Y tế 14, Quân Sự tỉnh 115, Phù Mỹ 30, An Nhơn 17, An Lão 20, Quy Nhơn 28
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	13.859	Tốt	Bộ đội Biên phòng 1.350 Sở Y tế 191, Chi cục Thủy lợi 415, Công an tỉnh 1.574, Quân sự tỉnh 1.103, Hoài Nhơn 548, Phù Mỹ 1.435, Phù Cát 650, An Nhơn 883, Tuy Phước 1.299, Quy Nhơn 652, Vĩnh Thạnh 499, Tây Sơn 920, Vân Canh 566, Hoài Ân 937, An Lão 703, Công ty TNHH khai thác CTTL 86, Hội Chữ Thập đỏ 8, Cảng cá Bình Định 40	360 bộ phao hư hỏng không sử dụng được: Bộ đội Biên phòng 200, Quân sự tỉnh 40, Phù Mỹ 118, An Nhơn 2
	Phao bè	Chiếc	150	Tốt	Bộ đội Biên phòng 19, Viễn thông Bình Định 1, Sở y tế 4, Chi cục Thủy lợi 12, Công an tỉnh 21, Quân sự tỉnh 14, Hoài Nhơn 11, Phù Mỹ 12, Phù Cát 7, An Nhơn 14, Tuy Phước 13, Quy Nhơn 6, Vĩnh Thạnh 4, Tây Sơn 4, Vân Canh 2, Hoài Ân 2, An Lão 6, Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn 1.	7 phao hư không sử dụng được: Bộ đội Biên phòng 6, Phù Mỹ 1,

TT	Trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng hoạt động (Tốt/TB)	Cơ quan quản lý trang thiết bị	Ghi chú
<b>7</b>	<b>Trang thiết bị khác</b>					
	Máy phát điện các loại	Chiếc	110	Tốt	Điện lực Bình Định 33, Sở Giáo dục và Đào tạo 1, Chi cục Thủy lợi 1, Công an tỉnh 30, Quân sự tỉnh 1, Phù Mỹ 5, Quy Nhơn 4, Tây Sơn 4, Hoài Ân 9, An Lão 3, Công ty TNHH khai thác CTTL 12, Hội Chữ thập đỏ tỉnh 1, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh 5, Ban QL Cảng cá Bình Định 1	4 máy bị hư hỏng không sử dụng được: Phù Mỹ 2, Công ty TNHH khai thác CTTL 2
	Máy bơm các loại	Chiếc	16	Tốt	Cảng vụ Quy Nhơn 1, Phù Mỹ 5, An Lão 10	5 máy hư không sử dụng được: Phù Mỹ 5
	Máy bơm công suất cao	Chiếc	5	Tốt	Quân sự tỉnh	
	Máy cưa các loại	Chiếc	38	Tốt	Công an tỉnh 16, Tuy Phước 14, Hoài Ân 8	
	Máy khoan cắt bê tông	Chiếc	4	Tốt	Sở Xây dựng 1, Công an tỉnh 3	
	Đèn pin	Chiếc	162	Tốt	Sở Giáo dục và Đào tạo 2, An Nhơn 30, Quy Nhơn 52, An Lão 39, Công ty TNHH Khai thác CTTL 19, Hội Chữ thập đỏ 20,	9 đèn hư không sử dụng được: Công ty TNHH khai thác CTTL 9
	Loa các loại	Chiếc	110	Tốt	Cảng vụ Quy Nhơn 1, An Nhơn 95, Vân Canh 9, Hội Chữ thập đỏ 5,	Loa hư không sử dụng được An Nhơn 4
	Máy cắt cành	Chiếc	3	Tốt	Điện lực Bình Định	
	Thiết bị bắn dây mồi	Bộ	3	Tốt	Bộ đội Biên phòng 1, Quân sự tỉnh 2	
	Pháo tín hiệu dù	Quả	100	Tốt	Bộ đội Biên phòng	
	Inmarsat	Chiếc	3	Tốt	Viễn thông Bình Định	
	Quần áo mưa	Bộ	517	Tốt	Chi cục Thủy lợi 17, Công an tỉnh 500	
	Ứng	Đôi	27	Tốt	Chi cục Thủy lợi	

<b>TT</b>	<b>Trang thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tình trạng hoạt động (Tốt/TB)</b>	<b>Cơ quan quản lý trang thiết bị</b>	<b>Ghi chú</b>
	Mũ bảo hộ	Cái	55	Tốt	Chi cục Thủy lợi 20, Tỉnh đoàn 35	
	Đèn cứu hộ	Cái	0			
	Túi vượt sông	Cái	7	Tốt	Công an tỉnh	
	Đèn nháy cứu hộ	Cái	21	Tốt	Quân sự tin tình	
	Thiết bị chữa cháy	Bộ	6	Tốt	Bộ đội Biên phòng 2, Công an tỉnh 2, Quân sự tỉnh 1, Công ty Lâm nghiệp Quy Nhơn 1	
	Xe cứu hộ, chữa cháy	Chiếc	31	Tốt	Công an tỉnh	
	Thiết bị khoan cắt	Bộ	2	Tốt	Quân sự tỉnh	
	Máy cắt thực bì	Cái	2	Tốt	Quân sự tỉnh	
	Tấm hút dầu	Kiện	90	Tốt	Quân sự tỉnh 70, Sở Tài nguyên và Môi trường 20	
	Cuộn thấm dầu	Cuộn	20	Tốt	Sở Tài nguyên và Môi trường	
	Xơ bông thấm hút dầu	Kiện	50	Tốt	Sở Tài nguyên và Môi trường	
	Chất thấm và phân hủy sinh học dầu	Bao	40	Tốt	Sở Tài nguyên và Môi trường	
	Vợt lưới thu gom rác thải nhiễm dầu	Chiếc	20	Tốt	Sở Tài nguyên và Môi trường	
	Bao đựng chất thải nguy hại	Chiếc	200	Tốt	Sở Tài nguyên và Môi trường	
	Bộ quần áo UPSCTD	Bộ	50	Tốt	Sở Tài nguyên và Môi trường	
	Ô tô các loại	Chiếc	342	Tốt	Hoài Nhơn 240, An Nhơn 8, Quy Nhơn 90, Tây Sơn 4.	





## MỤC LỤC

<b>PHẦN I CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA PHƯƠNG ÁN.....</b>	<b>1</b>
<b>I. CƠ SỞ PHÁP LÝ.....</b>	<b>1</b>
<b>II. MỤC ĐÍCH .....</b>	<b>2</b>
<b>III. YÊU CẦU.....</b>	<b>2</b>
<b>PHẦN II TÌNH HÌNH CHUNG.....</b>	<b>4</b>
<b>I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ DÂN SINH - KINH TẾ - XÃ HỘI.....</b>	<b>4</b>
1. Điều kiện tự nhiên .....	4
2. Dân số và Lao động .....	6
3. Tình hình kinh tế - xã hội .....	6
<b>II. ĐẶC ĐIỂM CƠ SỞ HẠ TẦNG, CÔNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI .....</b>	<b>7</b>
1. Nhà ở, khu đô thị, kinh tế, công nghiệp.....	7
2. Cơ sở giáo dục, đào tạo .....	7
3. Hệ thống bệnh viện, trung tâm y tế .....	7
4. Hệ thống đường giao thông .....	8
5. Hệ thống thủy lợi .....	9
6. Hệ thống điện lưới .....	10
7. Hệ thống nước sinh hoạt.....	10
8. Hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn .....	10
9. Hệ thống thông tin liên lạc và truyền tin cảnh báo thiên tai.....	10
10. Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, lũ .....	11
<b>III. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.....</b>	<b>11</b>
1. Bão và áp thấp nhiệt đới .....	11
2. Lũ, ngập lụt, lũ quét.....	12
3. Khô hạn, sạt lở đất .....	13
4. Khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai .....	13
<b>PHẦN III NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN .....</b>	<b>18</b>
<b>I. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ .....</b>	<b>18</b>
1. Về Chỉ huy ứng phó các cấp độ rủi ro thiên tai.....	18
2. Về thông tin liên lạc.....	19
3. Về lực lượng ứng phó thiên tai .....	20
4. Về Phương tiện, trang thiết bị PCTT và TKCN hiện có .....	21
5. Vật tư, phương tiện, trang thiết bị dự kiến huy động bảo vệ công trình trọng điểm .....	21
5. Về nhu yếu phẩm.....	24
6. Về thuốc, hóa chất phòng bệnh .....	26
<b>II. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI, BÃO, BÃO MẠNH ..</b>	<b>27</b>
1. Kịch bản 1: Áp thấp nhiệt đới, bão và bão mạnh (gió mạnh tới cấp bão 11).....	27
2. Kịch bản 2: Bão rất mạnh và siêu bão (gió mạnh từ bão cấp 12 trở lên) .....	41

<b>III. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI LŨ, LŨ QUÉT.....</b>	<b>45</b>
1. Kịch bản 1: Đối với lũ .....	45
2. Kịch bản 2: Đối với lũ quét .....	55
<b>IV. TRƯỜNG HỢP XUẤT HIỆN ĐỒNG THỜI MỘT SỐ KỊCH BẢN.....</b>	<b>58</b>
<b>V. TRƯỜNG HỢP THIÊN TAI XẢY RA CÙNG THỜI ĐIỂM VỚI DỊCH BỆNH COVID-19 .....</b>	<b>58</b>
<b>PHỤ LỤC.....</b>	<b>60</b>
<b>KẾ HOẠCH HIỆP ĐỒNG ỨNG PHÓ SỰ CỐ, THIÊN TAI - TÌM KIẾM CỨU NẠN CỦA BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH .....</b>	<b>98</b>

# KẾ HOẠCH HIỆP ĐỒNG ỨNG PHÓ SỰ CỐ, THIÊN TAI - TÌM KIẾM CỨU NẠN CỦA BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH

QUÂN KHU 5  
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ  
TỈNH BÌNH ĐỊNH  
Số: 2298 /KH-BCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2021

## KẾ HOẠCH

**Hiệp đồng ứng phó sự cố, thiên tai - tìm kiếm cứu nạn với các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn tỉnh Bình Định trong điều kiện phòng chống dịch Covid-19 năm 2021**

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

- Nhằm thống nhất phương án ứng phó, sử dụng lực lượng, phương tiện của các đơn vị tham gia thực hiện nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai - tìm kiếm cứu nạn trong điều kiện phòng chống dịch Covid-19 chặt chẽ, đạt hiệu quả cao.

- Giảm thiểu tối đa thiệt hại do sự cố, thiên tai gây ra.

#### 2. Yêu cầu

- Hiệp đồng chặt chẽ, đầy đủ với các đơn vị theo từng nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo đảm tuyệt đối an toàn về người và phương tiện.

### II. NỘI DUNG HIỆP ĐỒNG

Tổ chức hiệp đồng ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, tập trung vào 12 tình huống cơ bản theo Quyết định số 1041/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai - tìm kiếm cứu nạn và đặc điểm tình hình của địa phương, cụ thể như sau:

1. Tình huống 1: Tai nạn tàu, thuyền trên sông, biển.
2. Tình huống 2: Sự cố tràn dầu.
3. Tình huống 3: Sự cố cháy nổ đường ống dẫn dầu, khí.
4. Tình huống 4: Sự cố cháy lớn nhà cao tầng, khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư.
5. Tình huống 5: Sự cố sập đổ công trình, nhà cao tầng, hầm lò khai thác khoáng sản.
6. Tình huống 6: Sự cố rò rỉ phóng xạ, bức xạ hạt nhân, tán phát hóa chất độc hại và môi trường.
7. Tình huống 7: Sự cố động đất, sóng thần.

8. Tình huống 8: Tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa đặc biệt nghiêm trọng

9. Tình huống 9: Tai nạn máy bay xảy ra trên địa bàn tỉnh.

10. Tình huống 10: Sự cố vỡ đê, hồ đập và xả lũ.

11. Tình huống 11: Sự cố cháy nổ, cháy rừng.

12. Tình huống 12: Bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, ngập lụt; lũ quét, lũ ống, sạt, lở đất đá và các sự cố khác do thiên tai gây ra.

### III. THÀNH PHẦN

1. Đại biểu Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh

2. Bộ CHQS tỉnh Bình Định

- Thủ trưởng Bộ CHQS tỉnh.

- Thủ trưởng cơ quan 4 phòng.

- Ban CHQS 11 huyện, thị xã, thành phố.

3. Các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng

- Sư đoàn BB31/Quân đoàn 3.

- Trường Quân sự/Quân đoàn 3.

- Lữ đoàn CB7/Quân đoàn 3.

- Bộ Tư lệnh Vùng 3 Hải quân.

- Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh.

- Trung tâm phối hợp TKCN Hàng hải KV2.

- Trung đoàn KQ925/Sư đoàn KQ372/Quân chủng Phòng không Không quân.

- Hải đoàn BP48/Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

- Tiểu đoàn HH906/Bộ Tư lệnh Hóa học.

- Đại đội 7/Lữ đoàn VT683/Tổng cục Hậu cần.

4. Các đơn vị của Quân khu

- Sư đoàn BB2.

- Lữ đoàn 572.

- Lữ đoàn 573.

- Trung đoàn 655.

- Trung tâm huấn luyện quân sự QG2.

- Bệnh viện QY13.

- Kho K52.



#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

##### 1. Cơ quan Bộ CHQS tỉnh Bình Định

###### a) Phòng Tham mưu

- Chỉ đạo các cơ quan theo dõi nắm chắc tình hình, diễn biến thiên tai, thảm họa trên địa bàn, kịp thời thông báo các cơ quan, đơn vị để chủ động ứng phó và chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia xử trí các tình huống xảy ra trên địa bàn.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của địa phương nắm chắc tình hình thực tế của địa phương để kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung các kế hoạch, phương án PCTT-TKCN phù hợp.

- Tham mưu Bộ Chỉ huy chỉ đạo Ban Tài chính hướng dẫn cơ quan, đơn vị thực hiện thanh quyết toán chế độ ăn thêm làm nhiệm vụ theo Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12/5/2009 của Bộ Tài chính.

- Chủ động hiệp đồng với các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia giúp nhân dân trong phòng chống thiên tai.

- Phối hợp với Trung đoàn KQ925/Sư đoàn KQ372/Quân chủng Phòng không Không quân khảo sát chuẩn bị các bãi đáp máy bay trực thăng tại các địa bàn trọng điểm của tỉnh, sẵn sàng ứng cứu và cứu trợ khi cần thiết.

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện cơ động của Bộ CHQS tỉnh tham gia ứng cứu, khắc phục thiên tai, cứu trợ giúp nhân dân trên địa bàn khi có yêu cầu của địa phương và các nhiệm vụ khác khi có lệnh.

###### b) Phòng Chính trị

- Thường xuyên điều chỉnh, bổ sung kế hoạch CTĐ, CTCT trong thực hiện nhiệm vụ PCTT-TKCN, ứng phó hạn hán, xâm nhập mặn, ứng phó bão mạnh, siêu bão; PCCN, cháy rừng, cứu sập; tuyên truyền, đưa tin (hình ảnh, bài viết, phóng sự) trên các phương tiện thông tin đại chúng, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, chiến sỹ LLVT tỉnh về nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai-TKCN.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị hoạt động CTĐ, CTCT trong thực hiện nhiệm vụ PCTT-TKCN, ứng phó hạn hán, xâm nhập mặn, ứng phó bão mạnh, siêu bão; PCCN, cháy rừng, cứu sập, PCCC SCH các cấp.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan kịp thời tham mưu, đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống, ứng cứu, TKCN và khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa.

- Hướng dẫn, vận động các cơ quan, đơn vị trong LLVT tỉnh đóng góp xây dựng quỹ cứu trợ thiên tai; tham mưu cho thủ trưởng các cấp sử dụng hiệu quả, đúng mục đích.

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia khắc phục hậu quả thiên tai xảy ra trên địa bàn và các nhiệm vụ khác khi có lệnh.

## c) Phòng Hậu cần

- Xây dựng kế hoạch, phương án hướng dẫn kết hợp chặt chẽ giữa PCTT-TKCN với phòng chống dịch Covid-19.

- Tham mưu Bộ CHQS tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị kiểm tra rà soát kế hoạch bảo đảm hậu cần cho nhiệm vụ PCTT-TKCN, PCCN-CR, CS sát với yêu cầu nhiệm vụ.

- Tham mưu Bộ CHQS tỉnh chỉ đạo công tác xây dựng doanh trại, kho tàng, nhà xe, nhà pháo đủ điều kiện, khả năng phòng chống thiên tai. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch PCTT-TKCN; phương án ứng phó bão mạnh, siêu bão, PCCN, cháy rừng, cứu sập phù hợp với đặc điểm tình hình đơn vị.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị bảo đảm lương thực, thực phẩm, quân trang, xăng dầu, quân y và phương tiện vận tải... phục vụ cho nhiệm vụ PCTT-TKCN. Thường xuyên duy trì đủ lượng vật chất hậu cần dự trữ, bảo đảm đúng quy định.

- Chỉ đạo Tổ Quân y phối hợp với các lực lượng có liên quan tham gia tìm kiếm cứu nạn, xử lý vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh cho các đơn vị và nhân dân ở các vùng bị ảnh hưởng thiên tai.

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia khắc phục hậu quả thiên tai xảy ra trên địa bàn và các nhiệm vụ khác khi có lệnh.

## d) Phòng Kỹ thuật

- Thường xuyên kiểm tra, điều chỉnh bổ sung kế hoạch bảo đảm kỹ thuật cho nhiệm vụ PCTT-TKCN, PCCN, PCCR, CS sát với yêu cầu nhiệm vụ.

- Thường xuyên duy trì đủ lượng vật chất kỹ thuật dự trữ bảo đảm cho Bộ CHQS tỉnh theo quy định.

Tổ chức kiểm tra các trang bị kỹ thuật, chỉ đạo sửa chữa, kịp thời bảo đảm phương tiện cho các cơ quan, đơn vị cơ động làm nhiệm vụ PCTT-TKCN.

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia khắc phục hậu quả thiên tai xảy ra trên địa bàn và các nhiệm vụ khác khi có lệnh.

## 2. Ban CHQS 11 huyện, thị xã, thành phố

## a) Nhiệm vụ chung

- Thường xuyên củng cố, kiện toàn lực lượng kiêm nhiệm ứng phó sự cố, thiên tai-TKCN và PCCN-CS, cháy rừng.

- Triển khai các biện pháp củng cố doanh trại, kho tàng của đơn vị trong PCTT-TKCN, PCCN-CS.

- Thực hiện đúng tư tưởng chỉ đạo “Phòng là chính, tích cực, chủ động ứng phó nhanh, có hiệu quả”; phương châm “Vận dụng phương châm 4 tại chỗ, huy động tổng lực người, phương tiện, cơ sở vật chất ứng cứu kịp thời, cứu người trước, cứu tài sản sau, hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất về người và tài sản”.

- Phối hợp với các ban, ngành của địa phương tổ chức khảo sát nắm chắc các vùng có nguy cơ ngập lụt, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất đá, cháy nổ, sập đổ công trình, công tác quy hoạch hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện, hồ chứa, cao



trình xả lũ bảo đảm khai thác triệt để nguồn nước ngầm, điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

- Tổ chức hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn thực hiện tốt nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn; sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ khác khi có lệnh của Thủ trưởng Bộ CHQS tỉnh.

- Khi có sự cố, thiên tai, cháy nổ xảy ra, tổ chức lực lượng cứu hộ, cứu nạn trực tăng cường, sẵn sàng ứng phó các tình huống khẩn cấp về sự cố, thiên tai, cháy nổ và TKCN, giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước và nhân dân.

- Hướng dẫn các hộ gia đình ở trong vùng trọng điểm bão, ngập lụt, sạt lở, lũ ống, lũ quét vùng hạ du các đập thủy lợi, thủy điện biết chủ động tự trang bị các phương tiện, mua dự trữ lương thực thực phẩm, nước uống, thuốc men và các vật dụng cần thiết khác bao, gói chủ động sơ tán đến nơi an toàn.

- Khi tỉnh, huyện, thị xã, thành phố tổ chức các lễ hội có đông đại biểu và nhân dân tham dự, Ban CHQS các huyện, thị xã, thành phố phải tham mưu xây dựng kế hoạch cứu hộ-TKCN và tổ chức huấn luyện, luyện tập, triển khai lực lượng trực, sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn khi có tình huống xảy ra.

#### b) Nhiệm vụ cụ thể

- Công tác phòng, chống hạn hán, thiên tai, xâm nhập mặn

+ Các đơn vị chủ động xây dựng bể để chứa nước, nạo vét khơi thông các giếng nước, khoan, đào giếng mới; lắp đặt đường ống nước dẫn nước từ thượng nguồn sông, suối về bể lọc nước để bộ đội sử dụng.

+ Khi thiên tai hạn hán, xâm nhập mặn xảy ra trên địa bàn tham mưu cho UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Ban quản lý các hồ đập thủy lợi, thủy điện vận hành hợp lý, ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho nhân dân, sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát nước. Ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm. Triển khai lực lượng, phương tiện phối hợp với các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn cùng với lực lượng của địa phương huy động tất cả các vật dụng đựng nước như: Xô, thùng, thùng phuy, can nhựa, bồn đựng nước, sử dụng các loại xe ô tô, xe máy của đơn vị; những nơi ô tô, xe máy không đến được, sử dụng lực lượng khiêng, gánh, mang, vác, gùi để vận chuyển nước giúp nhân dân vùng trọng điểm hạn hán.

- Công tác phòng, chống cháy nổ, cháy rừng, cứu sập

+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho bộ đội và nhân dân nơi đóng quân nâng cao ý thức, trách nhiệm không để bất cẩn xảy ra cháy, nổ, sập đổ công trình do con người gây ra. Mỗi tuần dành 30 phút đến 60 phút luyện tập các phương án PCCN, CR; quan tâm đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị chữa cháy. Tổ chức phát quang, thu gom các vật liệu dễ cháy, dễ gây nổ xung quanh doanh trại, kho tàng, trạm xưởng. Khi đốt rác phải xa doanh trại, kho tàng, trạm xưởng, đường dây điện, điện thoại. Bố trí lực lượng, phương tiện chữa cháy trực cảnh giới quan sát để kịp thời chữa cháy, không để cháy lan. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy ở các cấp.



+ Khi xảy ra cháy nổ, cháy rừng: Huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ nhanh chóng dập tắt các đám cháy trong thời gian ngắn nhất, không để cháy lan kéo dài.

- Công tác phòng, chống bão, lụt, ATNĐ, sạt lở đất đá

+ Trước khi bão vào đất liền: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho bộ đội và nhân dân trên địa bàn chủ động triển khai thực hiện các biện pháp phòng tránh, ứng phó có hiệu quả với thiên tai ở vùng ngập lụt, xây dựng các chòi để nhân dân đến tránh lũ, tổ chức cho nhân dân sống trong các vùng trọng điểm bão, lụt, sạt lở, khu vực nhà cấp 4, nhà tạm đi sơ tán; tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo các lực lượng di chuyển tàu thuyền nuôi trồng thủy sản trên biển, ven biển, trên sông ra khỏi khu vực nguy hiểm; hướng dẫn tàu thuyền neo đậu hoặc thực hiện biện pháp khác bảo đảm an toàn. Chỉ đạo cắt tỉa cành cây, sửa chữa hệ thống điện, nhà cửa, công trình đã xuống cấp. Chàng chống nhà cửa, kho tàng, mua dự trữ lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh. Chuẩn bị bếp củi, bếp ga, bếp dầu, đèn bão, đèn pin, chủ động sạc pin điện thoại để liên lạc khi mất điện.

+ Khắc phục hậu quả sau bão, lụt, ATNĐ, sạt lở đất đá: Tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn trên sông, trên biển và trong vùng ngập lụt, sạt lở đất, lũ quét, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc men, nước uống và các nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực bị ngập lụt nghiêm trọng, khu vực nhà cấp 4, nhà tạm, địa điểm sơ tán. Thu dọn cành cây, lá đổ, khắc phục sửa chữa hệ thống điện thấp sáng, hệ thống thông tin liên lạc bị hư hỏng, khắc phục sạt lở đất trên các trục đường giao thông. Sử dụng ca nô, tàu thuyền cơ động tiếp tế lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh cho nhân dân ở vùng ngập lụt, bị cô lập; tiếp tục sơ tán nhân dân ra khỏi vùng ngập lụt. Tổ chức lực lượng giúp sửa chữa trường học, trạm xá, nhà dân bị hư hỏng do bão, lũ lụt gây ra. Sử dụng phương tiện ô tô đưa nhân dân đi sơ tán về lại gia đình. Phối hợp với lực lượng Công an bố trí lực lượng ứng trực tại các bến đò ngang, đò dọc, những đoạn đường bị ngập để kiểm tra và chỉ cho phép các phương tiện, người qua lại đủ điều kiện bảo đảm an toàn. Chủ động hiệp đồng với các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn tham gia công tác tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả, ổn định đời sống, phục hồi sản xuất, xử lý môi trường, phòng chống dịch bệnh cho nhân dân.

c) Ngoài các nhiệm vụ đã nêu trên, cơ quan Bộ CHQS tỉnh, Ban CHQS 11 huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, nhà trường sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia cùng địa phương giải quyết sự cố sập đổ công trình, nhà cao tầng; sự cố rò rỉ phóng xạ, bức xạ hạt nhân và tán phát hóa chất độc hại; sự cố động đất, sóng thần; sự cố tai nạn giao thông đường thủy, nội địa đặc biệt nghiêm trọng; sự cố vỡ đê, hồ đập; sự cố tràn dầu, cháy nổ đường ống dẫn dầu; tai nạn tàu, thuyền trên sông, trên biển; sự cố cháy lớn nhà cao tầng, khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư; tai nạn máy bay xảy ra trên địa bàn khi có lệnh của cấp trên.



### 3. Đối với các đơn vị hiệp đồng của Bộ và Quân khu

Triển khai thực hiện tư tưởng chỉ đạo “Phòng là chính, tích cực, chủ động ứng phó nhanh, có hiệu quả”; phương châm “Vận dụng phương châm 4 tại chỗ, huy động tổng lực người, phương tiện, cơ sở vật chất ứng cứu kịp thời, cứu người trước, cứu tài sản sau, hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất về người và tài sản của nhân dân”. Ngoài công tác PCTT-TKCN, PCCN, CS cho đơn vị mình, cần chủ động hiệp đồng với các địa phương khảo sát nắm các vùng có nguy cơ ngập lụt, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất đá, cháy nổ, sập đổ công trình, trên cơ sở đó điều chỉnh, bổ sung kịp thời kế hoạch PCTT-TKCN, PCCN-CS, PCCR. Sử dụng lực lượng, phương tiện cùng với các lực lượng tham gia giúp dân PCTT-TKCN, bảo vệ hồ đập thủy lợi, thủy điện, PCCN, CR, CS xảy ra trên địa bàn theo kế hoạch hiệp đồng với Bộ CHQS tỉnh. Cụ thể:

#### a) Công tác phòng, chống hạn hán, thiên tai, xâm nhập mặn

- Các đơn vị chủ động xây dựng hồ, đập, bể để chứa nước, nạo vét khơi thông các giếng nước, khoan đào giếng mới; lắp đặt đường ống nước dẫn nước từ thượng nguồn sông, suối về bể lọc nước để bộ đội sử dụng.

- Khi thiên tai hạn hán, xâm nhập mặn xảy ra trên địa bàn, huy động mọi lực lượng, phương tiện cùng với lực lượng của địa phương để vận chuyển nước giúp nhân dân vùng trọng điểm hạn hán.

#### b) Công tác phòng, chống cháy nổ, cháy rừng, cứu sập

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho bộ đội và nhân dân nơi đóng quân nâng cao ý thức, trách nhiệm không để bất cẩn xảy ra cháy, nổ, sập đổ công trình do con người gây ra; quan tâm đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị chữa cháy. Tổ chức phát quang, thu gom các vật liệu dễ cháy, gây nổ xung quanh doanh trại, kho tàng, trạm xưởng. Khi đốt rác phải đúng nơi quy định, xa doanh trại, kho tàng, trạm xưởng, đường dây điện, đường dây điện thoại; bố trí lực lượng, phương tiện chữa cháy trực cảnh giới quan sát để kịp thời chữa cháy, không để cháy lan. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác PCCC ở các cấp; sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia PCCN-CS, CR.

- Khi xảy ra cháy nổ, cháy rừng huy động lực lượng, phương tiện nhanh chóng dập tắt các đám cháy trong thời gian ngắn nhất, không để cháy lan kéo dài, sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng cùng với địa phương.

#### c) Công tác phòng, chống bão, lụt

- Trước khi bão vào đất liền: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho bộ đội và nhân dân trên địa bàn, chủ động triển khai thực hiện các biện pháp phòng tránh, ứng phó có hiệu quả với thiên tai ở vùng ngập lụt; tham gia cùng địa phương tổ chức cho nhân dân tại các vùng trọng điểm bão, lụt đi sơ tán; di chuyển tàu thuyền nuôi trồng thủy sản trên biển, ven biển, trên sông ra khỏi khu vực nguy hiểm; tổ chức kiểm đếm, hướng dẫn tàu thuyền neo đậu hoặc thực hiện biện pháp khác bảo đảm an toàn. Chỉ đạo cắt tĩa cành cây, sửa chữa hệ thống điện, nhà cửa, công trình đã xuống cấp. Chằng chống nhà cửa, kho tàng, mua dự trữ lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh. Chuẩn bị bếp củi, bếp



ga, bếp dầu, đèn bão, đèn pin, chủ động sạc pin điện thoại để liên lạc khi mất điện; trang bị radio để nghe theo dõi tin tức.

- Khi bão đổ bộ vào đất liền không cho bộ đội ra ngoài, tổ chức cho bộ đội trú tránh ở các nhà kiên cố vững chắc.

- Khắc phục hậu quả sau bão, lụt, ATNĐ: Tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn trên sông, trên biển và trong vùng ngập lụt, sạt lở đất, lũ quét, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc men, nước uống và các nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực bị ngập lụt nghiêm trọng, địa điểm sơ tán. Sử dụng ca nô, tàu thuyền cơ động tiếp tế lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh cho nhân dân ở vùng ngập lụt, bị cô lập; tiếp tục sơ tán nhân dân ra khỏi vùng ngập lụt. Tổ chức lực lượng giúp sửa chữa trường học, trạm xá, nhà dân bị hư hỏng do bão, lũ gây ra. Sử dụng phương tiện ô tô đưa nhân dân đi sơ tán về lại gia đình.

d) Ngoài các nhiệm vụ đã nêu trên, đề nghị các đơn vị sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia cùng địa phương giải quyết sự cố sập đổ công trình, nhà cao tầng; sự cố rò rỉ phóng xạ, bức xạ hạt nhân và tán phát hóa chất độc hại; sự cố động đất, sóng thần; sự cố tai nạn giao thông đường thủy, nội địa đặc biệt nghiêm trọng; sự cố vỡ đê, hồ đập; sự cố tràn dầu, cháy nổ đường ống dẫn dầu; tai nạn tàu, thuyền trên sông, trên biển; sự cố cháy lớn nhà cao tầng, khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư; tai nạn máy bay xảy ra trên địa bàn khi địa phương có yêu cầu.

- Đề nghị eKQ925 tham gia cứu hộ, cứu nạn, vận chuyển tiếp tế lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc men cho nhân dân sống trong vùng ngập lụt, lũ quét bị cô lập bằng đường hàng không.

- Đề nghị Vùng 3 Hải quân, Hải đoàn 48, Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh, Trung tâm phối hợp TKCN Hàng hải KV2 tham gia cứu hộ, cứu nạn phương tiện tàu thuyền, ngư dân gặp nạn trên sông, trên biển. Tạo điều kiện cho ngư dân vào tránh trú bão tại các cảng thuộc khu vực đóng quân. Chở hàng cứu trợ giúp nhân dân bị cô lập và cứu chữa bệnh nhân. Tham gia giải quyết sự cố tràn dầu trên biển khi có tình huống xảy ra.

- Khi có tình huống xảy ra, đề nghị các đơn vị chủ động liên hệ với địa phương, nắm chắc tình hình sự cố, thiên tai xảy ra trên địa bàn. Tổ chức cơ động lực lượng, phương tiện phối hợp với các lực lượng TKCN khác trên địa bàn giúp địa phương, nhân dân ứng phó với sự cố, thiên tai và TKCN, đồng thời thông báo cho Bộ CHQS tỉnh nắm, theo dõi, phối hợp thực hiện.

- Đề nghị các đơn vị chỉ đạo cơ quan, đơn vị thuộc quyền ký kết hiệp đồng với địa phương theo nhiệm vụ, địa bàn được giao.

đ) Trường hợp thiên tai, thảm họa gây ảnh hưởng trên một khu vực mà lực lượng, phương tiện tại khu vực đó không đủ khả năng xử lý. Khi có đề nghị của UBND tỉnh (thông qua Bộ CHQS tỉnh), đề nghị các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn tạo điều kiện điều động lực lượng, phương tiện cùng tham gia xử trí tình huống.

Căn cứ kế hoạch, các cơ quan, đơn vị của Bộ CHQS tỉnh xây dựng kế hoạch bảo đảm thông qua phê duyệt theo phân cấp; Ban CHQS 11 huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn tổ chức hội nghị ký kết biên bản, kế hoạch hiệp đồng thông qua Ban Chỉ huy PCTT-TCN của địa phương và báo cáo về Bộ CHQS tỉnh (qua Ban Tác huấn) trước ngày 30 tháng 9 năm 2021./

**Nơi nhận:**

- Phòng Tác chiến/BTM Quân khu;
- BCH PCTT-TCN tỉnh;
- TT BCH;
- 4 Phòng (TM03);
- BCH BĐBP tỉnh; fBB31, TQS, LuCB7/qđ3;
- Trung tâm phối hợp TKCN Hàng hải KV2;
- Vùng 3 Hải quân, eKQ925/fKQ372;
- Hải đoàn BP48, dHH906; c7/LuVT683;
- Sư đoàn BB2, LuPB572, LuPK573;
- eVT655; TTHLQS QG2; Viện QY13, Kho K52;
- Văn phòng BCH; TTQP; Ban Tài chính;
- Ban T.huấn/PCT;
- 11 huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, TH (02); H65.

**CHỈ HUY TRƯỞNG**



**Đại tá Trần Thanh Hải**





### PHỤ LỤC

Lực lượng, phương tiện các đơn vị của Bộ, Quân khu tham gia nhiệm vụ PCTT-TKCN  
trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố  
(Kèm theo Kế hoạch số 2290/KH-BCH ngày 23/9/2021)

TT	Đơn vị	Lực lượng				Phương tiện			Địa bàn đảm nhiệm	Quãng đường (km)	Thời gian cơ động (giờ)
		Tổng	Bộ đội	DQTV	DBĐV	Ô tô các loại	xe đặc chủng	ca nô, tàu, xuồng			
<b>I</b>	<b>Lực lượng Bộ</b>										
1	BCH BDBP tỉnh	259	259			10		04	Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước, thành phố Quy Nhơn và vùng biển từ Quy Nhơn đến Hoài Nhơn	20-100	0,5-2,5
2	Sư đoàn BB31	58	58			04		02	Tuy Phước	15-40	0,5-1,0
3	Trường Quân sự/qđ3	100	100			08		02	Phù Mỹ, Phù Cát, thị xã An Nhơn	16-70	0,5-2,0
4	Lữ đoàn CB7	60	60			09	02	05	Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước	100-120	2,5-3,0
5	Vùng 3 Hải quân	05	05					01	Vùng biển từ Quy Nhơn đến Hoài Nhơn	15-100	0,5-2,5
6	Hải đoàn BP48	45	45			01		03	Vùng biển từ Quy Nhơn đến Hoài Nhơn	20-100	0,5-2,5
7	Trung tâm phối hợp Hàng hải KV2	41	41			15	02	02	Vùng biển từ Quy Nhơn đến Hoài Nhơn	15-100	0,5-2,5
8	Trung đoàn KQ925	120	120			06		01	Phù Cát, Tuy Phước, thị xã An Nhơn	10-70	1,0-2,0
9	Tiểu đoàn PH906	15	15					03	Các địa phương trên địa bàn tỉnh	1,0-150	0,5-4,0
10	Lữ đoàn VT683	16	16			05			Thành phố Quy Nhơn	1,0-30	0,5-1,0

TT	Đơn vị	Lực lượng				Phương tiện			Địa bàn đảm nhiệm	Quãng đường (km)	Thời gian cơ động (giờ)
		Tổng	Bộ đội	DQTV	DBĐV	Ô tô các loại	xe đặc chủng	ca nô, tàu, xuồng			
<b>II</b>	<b>Lực lượng Quân khu</b>										
1	Sư đoàn BB2	<b>300</b>	300			07			Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, Tuy Phước, thị xã An Nhơn, thành phố Quy Nhơn	50-110	1,5-2,5
2	Lữ đoàn PB572	<b>280</b>	280			11		06	An Lão, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Mỹ	40-70	1,0-2,0
3	Lữ đoàn PK573	<b>130</b>	130			08		05	Tây Sơn, Tuy Phước, thị xã An Nhơn	10-40	0,5-1,0
4	Trung đoàn VT655	<b>20</b>	20			02		01	Tuy Phước, Vân Canh	1,0-40	0,5-1,0
5	TTHLQS QG2	<b>100</b>	100			06		06	Phù Cát, Tây Sơn và thị xã An Nhơn	1,0-80	1,0-2,0
6	Bệnh viện QY13	<b>12</b>	12			02			Thu dung, điều trị, cấp cứu người bị nạn trên địa bàn tỉnh	20-140	0,5-3,0
7	Kho K52	<b>30</b>	30			01			Tuy Phước	1,0-20	0,5